Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

NĂM THỨ HAI, SỐ 22 — 015 Juin 1922

Hữu-thanh

Mỗi tuần 2 kỳ : mồng một và rằm

Hội Ích-Hữu-Thư-Xã

DEPOT LEGAL INDOCHINE Nº

Chủ-nhiệm : TRẦN-QUANG-HUY

Phó-chủ-nhiệm : HÀ-ĐỨC-PHONG

TRUNG, NAM, BẮC, CHỊ CÙNG EM
CHỊ EM TRÒNG ĐỎ CON CHIM GỌI ĐÀN

DEPOT LEGAL INDOCHINE Nº 268

CHIM KIA CÒN BIẾT GỌI ĐÀN
CHỚ TÌNH HỮU-ÁI CHỊ BẠN CÙNG EM

Mỗi số 0$25

HỮU-THANH TẠP-CHÍ

LUẬN-LÝ. — HỌC-THUẬT. — THỰC-NGHIỆP — KINH-TẾ. — VĂN-NGHỆ

CƠ QUAN HỘI CÔNG THƯƠNG ĐỒNG NGHIỆP

(Organe de l'Association Amicale des Employés Indigènes de Commerce et d'Industrie du Tonkin)

TÙNG-THƯ HỘI ÍCH-HỮU THƯ-XÃ

(Edition de la Société « Ích hữu thư-xã »)

BỘ BIÊN-TẬP « HỮU-THANH »

Các ngài làm Danh-dự giám-đốc :

MM. Phạm-Văn-Thụ . . . . . *Tổng-đốc Nam định*
Vũ-Ngọc-Hoành . . . . . *Tuần-phủ Lạng-sơn*
Trần Mỹ . . . . . *Tuần-phủ Thái-bình*
Nguyễn-Tất-Tế . . . . . *Thương-tá Hà-đông.*

Chủ bút :

M. Nguyễn Mạnh-Hướng

Các viên chức trong tòa soạn cùng các ngài giúp sức :

MM. **Nguyễn-Mạnh-Bổng**
Nguyễn-Thượng-Huyền
Đào-Trinh-Nhất
Trịnh-Đình-Rư
Trương-Quí-Bình
Dương-Quảng-Hàm
Nguyễn-Văn-Hiếu
Vũ-Đình-Long

MM. **Nguyễn-Lễ**
Bùi Huy-Cường
Nguyễn-Ứng
Vũ-Túc
Lê-Trung-Cô
Lê-Đức-Mậu
Nguyễn-Thành-Úc *(Nam-kỳ)*
Huỳnh-Bá-Khuê *(Nam kỳ)*

Nữ-viên

Mme **Đạm-phương nữ-sử**, *(Huế)* Mlle **Phạm-Thị Lạng**

Chủ nghĩa và mục-đích « Hữu-Thanh »

Hữu-Thanh tạp-chí *này, lấy « Hữu-ái » làm chủ-nghĩa, mục-đích để cổ-động cái tinh-thần thương-ái trong đồng-bào mong người trong nước cùng yêu mến nhau như ruột thịt, để mưu tựa nước Pháp lên đường văn-minh.*

Biên-tập đủ các môn luận-lý, học-thuật, văn-nghệ, thực-nghiệp, kinh-tế để giúp quốc-dân về mọi đường phổ-thông trí-thức. Phàm biên-tập cốt lấy thông thể làm trọng.

Giá tạp chí « Hữu-Thanh »

Sáu tháng 2$50 Một năm 5$00 Ngoại-quốc mỗi năm 6$00

Mua tạp-chí « Hữu-Thanh » xin giả tiền trước.

Tòa tạp-chí « Hữu-Thanh » ở số 18 Phố Mã-Vỹ (Rue des Chapeaux) Hanoi (Tonkin)

Nhà in tại số 45 Phố Hàng Bồ (Rue des Paniers) Hanoi (Tonkin)

THUỐC CHỮA BỆNH RẤT HAY!!!

Chắc các ngài xem báo Nam-kỳ từng biết tiếng bản-đường có các thức thuốc trị các bệnh rất hay :

ÍCH-NGƯƠN ĐƯỜNG LÃO-DƯỢC-PHÒNG

Chủ-nhân : **A-ANH**

ở đường Chợ-cũ số 55, Place Gambetta. — Saigon (Nam-kỳ)

DÉPÔT LÉGAL INDOCHINE A 2

Bản-đường từ khai-sáng đến nay đã ngoài 50 năm rồi, chuyên việc bào-chế các thứ thuốc Cao-Đơn Hoàn tán Dược-Dẫn, Dược-Thủy *đều chọn ròng thuốc thượng-phẩm và có dùng cái nhãn « Mẫu-Đơn-Phượng » làm ký hiệu, và có cầu chứng nơi tòa Saigon ; cũng có bán đủ các thứ thuốc Bắc thượng-hạng* như Sâm, Nhung, Ngọc, Quế, vân vân, *hoặc vị nào có đơn thuốc thầy lang đem đến mà bốc thuốc thang hoặc muốn làm thuốc tễ vân vân đều được cả, lại có chứa đủ các thứ thuốc thần-hiệu của các danh-y bên* Trung-quốc. *Thuốc của Bản-đường có gởi bán cùng Lục-châu. Những thuốc bán tại Bản-đường đều là thuốc ở bên* Trung-quốc *mỗi kỳ tàu gửi qua, buôn bán đủ mực công bằng khắp nơi trong Lục-châu đều biết. Như quí-vị nào ở xa* châu-thành *mà muốn hỏi thăm điều chi về việc thuốc men hoặc muốn mua thuốc của Bản-đường xin chịu khó mà viết thơ gởi đến Bản-đường, Bản-đường sẵn lòng hồi-đáp lập-tức, nếu tiếp thư mua thuốc thì Bản-đường sẽ gởi* Contre remboursement.



ỨNG NGHIỆM BẠCH THƯỢC HOÀN *(Số 6)*

(Thuốc đau lậu thần hiệu)

Cả thảy những người đờn ông con trai phần nhiều hay bị chứng đau lậu là một chứng tự nhiên bởi thân thể gầy ốm, cùng là một nhọc thái quá, nên phần thận kinh hao kém xảy nhiễm lấy khí thấp, hoặc hàng nhiệt sâm qui, hay là bởi đều tửu sắc vô-độ lượng làm cho nguơn khí thọ bệnh lay động nguơn tinh mới sanh chứng lậu, ban đầu đái nóng nước đái thì đục mà vàng, hoặc trắng, chảy ngày lỗ đái sanh sang, nên đái rất rao khó chịu, khi đái ra máu có lúc đái ra mủ ấy thành chứng lậu rõ ràng, nếu không lo thuốc mà trừ thì càng sanh chứng lậu kế bí đái rất đỗi hiểm nguy. Bởi vậy bổn đường xét kỷ mà chế phương thuốc *Bạch-trược-hoàn* này, dành trị các chứng lậu thiệt thần-hiệu, bất luận nặng nhẹ lâu mau dùng đến liền thấy nhẹ-nhàng giảm thiên chứng bịnh.

Giá mỗi ve là. . . . . 0$60

BÀI KHEN TẶNG

Vị thuốc ứng nghiệm bạch trược hoàn
à Monsieur A-ANH
Gérant de la Pharmacie
Ích-Nguơn-Đường
SAIGON

Kính ông đặng rõ : Số là tôi có một đứa cháu trai năm này đặng 23 tuổi, bởi nghe lời chúng bạn dụ dỗ mảng chơi bời, cho nên mới bị chứng lậu nơi lỗ đi nóng, ngứa ngầm, nước đái đục khi đi ra hơi rất khó chịu lắm, tôi chạy thầy nầy qua thầy kia tốn hết 80 p. 00, tiền mất tật còn, thiệt là rối trí vả chăng tôi cũng hết lòng tìm thuốc hay mà trị cho hết bịnh thì thôi, dầu tốn bạc trăm cũng không tiết, phần tôi bị mấy cái lời rao tiệm thuốc, tiệm nầy nói thuốc hay, tiệm nọ khen thuốc hay, hay, hay, tôi cũng không tiếc tiền, mua đem về cho nó uống, nhưng mà, mất tiền tật còn hoàn, thiệt là tôi hết trí.

Rất may thay, gặp một người đã tường ăn cay nếm đắng, chán trải mùi

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

trần, bảo rằng : Tiệm thuốc Ích-Nguơn-Đường *tại chợ cũ Saigon, có bày ra một thứ thuốc đau lậu gọi là « ứng nghiệm* bạch-trược-hoàn *» uống vài ngày sẽ thấy linh-hiệu, tôi cũng lời mua 6 ve đem về cho nó uống, nó uống mới cả ba ve mà bệnh giảm lần lần, uống thêm ba ve nữa thì tuyệt bệnh, chẳng đau đi đau lại, nay nó thiệt mạnh rồi, nên tôi tạm vài lời tỏ lòng cảm-tạ và rất khen ngợi tài ông bào-chế thuốc đau lậu rất hay hơn nơi khác nhiều lắm, tôi tốn bạc trăm mà bệnh không dứt, nay mua thuốc ông có 3 p, 60 mà lành bịnh, thiệt là không thua gì* Tiên-Đơn.

TRẦN-HỮU-BÌNH

Propriétaire à Savannakhet.

HÓA ĐÀM CHỈ KHÁI TÁNG *(Số 16)*

(Thuốc ho thần hiệu)

Luận cái phổi cũa người là một món rất mềm mại, yếu ớt, cho nên dễ xúc cảm lấy tà khí phong hàn lắm, cho hay các chứng bệnh thì chia ra có lục khí, ngũ tạng mặc dầu, nhưng cội rễ rất chỉ yếu nơi bộ phế (phổi) hơi thở ra hít vào đều do nơi cái phổi, nếu hơi thở vướng nhằm trược khí, thì làm cho ngăn lấp cái lỗ trong phổi, tự-nhiên đàm sanh ra mà chận cho hơi không dặng thông ma phát chứng ho, nên muốn trừ chứng ho, trước phải trừ đàm, vì như muốn cho thông đường thì phải vỡ chòi, bằng chứng ho không sớm trị để diên trì thì thành bệnh lao rất khó bội phần. Bổn đường đã sẵn phương chỉ khái táng là hay hạng nhứt, nay lại chỉnh xét mà chế thêm phương thuốc *Hóa đàm chỉ khái tang* nầy, là có ý mầu nhiệm đã hay lại thêm sức hay tuyệt diệu và cho dễ dùng cho mọi người bất luận đờn ông đờn bà, già trẻ chi mới ho hoặc ho đã lâu dùng đến liền tán đàm thông khí khỏe hơi sẻ hết ho, rất nên hiệu nghiệm, nên dùng tùy thân rất qui, là khi có ho dùng đến tức thì hết ho.

Mỗi ve giá. . . . . 0$15
10 ve giá. 1 40

BÀI KHEN TẶNG

Vị thuốc hóa đàm chỉ khái tán

Kỳ từ vu A-Anh tiên-sinh nhã-giám

Kính tiên-sanh

Tôi có được 20 ve (thuốc ho bột) gọi là : « Hóa đàm chỉ khái tán » nơi qui hiệu « Ích-nguơn-đường » gởi đến, tôi lấy làm cám ơn tiên-sinh, vì thuốc của tiên-sanh thiệt là linh hiệu như thần.

Nguyên tôi mang bịnh ho có đàm nhiều lắm, nên nó làm cho khan tiếng, nó lên nơi cổ, làm cho bắt khoái. lâu ngày đàm càng nhiều, còn tối ngủ nó làm như siễng vậy, nên cái bịnh nầy coi ra rất nguy lắm, tôi cũng có uống thuốc của hiệu khác, cùng có rước nhiều thầy thuốc mà trị bệnh của tôi, uống thuốc gì coi ra trơ trơ, tiền hết bệnh còn.

Duy có thuốc ho bột của qui-hiệu, tôi lấy làm linh-hiệu, nay bệnh tôi mười phần nó giảm hết mười, con cái khỏ khè thì dứt liền, nói không có khan tiếng như hồi chưa uống thuốc của qui-hiệu.

Nên nay tôi xin khen tặng cho nhà thuốc Ích-nguơn-đường *lão dược phòng thiệt là : lũ dụng, lũ công, bá phát bá trúng. Nên tôi kính vài lời siễng luận mà tặng qui-hiệu và cầu chúc qui-hiệu buôn may bán đắt, tấn tài tấn phát.*

Nay kính tặng

NGUYỄN-NHƠN-NGHĨA

Propriétaire et Commerçant

(Laos) Xieng-Khouang

GRANDS MAGASINS REUNIS

ĐÔNG-PHÁP ĐẠI-THƯƠNG-CỤC

NHÀ GÔ-ĐA HÀ-NỘI

HANG BUÔN RỘNG NHẤT Ở ĐÔNG-PHÁP

NHIỀU THỨ HẠNG NHẤT

NÀY THỬ XEM KHU **HÀNG MỚI SANG,**
NÀO **HÀNG PHA-LÊ.** *ĐỒ DÙNG* **TRONG NHÀ,** *ĐỒ ĐẠC* **TRONG NHÀ,** *ĐỒ* **ĐIỆN,** *HÀNG* **GIÀY,**
HÀNG **THỢ MAY**

MỘT NGƯỜI CAI CẮT ÁO VÀ MỘT NGƯỜI CAI THỢ GIẦY NGƯỜI PHÁP CHUYÊN LÀM CHO KIỂU

CÓ MỘT KHU RIÊNG BÁN CÁC VẬT-THỰC

NÊN ĐẾN LẤY QUYỂN MẪU HÀNG VỀ MÀ XEM

NGUYÊN-TRI-PHU

ENTREPRENEUR ET NÉGOCIANT

10 & 12, Boulevard Jules Piqué, 10 & 12

THAI-BINH

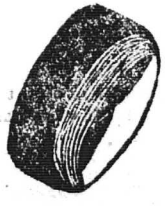

AU BONHEUR DES TONKINOIS

HAI-CHINH

53 et 76 Rue du Pont en Bois

HANOI



Nhà chế-tạo ra các kiểu mũ và các thức khăn sếp đều, xuất-hiện đã 10 năm nay được chiều cái quang-cảnh hân hạnh như sau này :

Hoàng-Thượng ban kim-tiền.
Nhà-nước thưởng médaille chương-mỹ hội tinh.
Hội Ái-Mỹ tặng những bằng khen ngợi hạng Hors concours).
Nghề làm mũ mà khâu của bản hiệu cũng suy xét được nhiều, dùng toàn thợ khéo làm rất kỹ lưỡng mà hợp-thời-trang ; giá bán phải chăng, qui khách mua buôn hay mua lẻ xin sử gửi thơ cho bản hiệu về gởi cho một phần tiền đặt trước ; tiếp được thơ xin gửi ngay theo cách lĩnh hóa giao ngân đi tỉnh nào cũng được.

Nay kính : **HAI-CHINH**

沙 瀹 劉 俊 記 大 藥 房

LU'U TUẤN-KY

LƯU-TUẤN-KÝ PHARMACIE ASIATIQUE, QUAI DE VĨNH-PHƯỚC DE SADEC

Thuốc hay thì có người khen ngợi, cũng như hoa thơm chẳng lựa là mình khen cho mình mà thôi.

Và bổn dược phòng có một ông chuyên nghề đứng chế thuốc của bổn dược phòng thiệt rất kỹ lưỡng chẳng có đều chi hư hại, và chế các thứ thuốc theo phong thổ annam. Các bài khen ngợi của tôi đền là của quí ông quí-bà gởi tới tiệm tôi thì tôi chép ra, không sai một chữ, chẳng phải như họ làm đồ giả mạo lường gạt người ở xa.

Soctrăng le 2 Mai 1922.

A Monsieur Lưu tuấn Ký, Pharmacie asiatique à Sadec.

Kính lời thăm ông đặng khương thới, và cầu chúc trong tiệm ông đặng tấn phát.

Từ ngày vợ chồng tôi đặng thuốc của ông bổ dưỡng trong nhà đặng vẹn toàn, nay vợ chồng tôi gởi lời cám ơn ông : và sau đây xin ông vui lòng tuốn tiếp gởi cho tôi mua mấy món thuốc sau đây và cũng có người ta muốn dùng thuốc của ông nhiều, nên ông gởi cho tôi vài cuốn sách thuốc, đặng cho người muốn dùng coi do nơi đó mà mua xin ông vui lòng tôi rất cám ơn.

N· 30	2 hộp thuốc hườn dưỡng sanh . . .	3 p00
N· 20	5 ve thuốc nước bổ huyết.	3 00
N· 24	5 ve thuốc nước hoài huê	2 00
N· 28	2 ve thuốc nước bổ âm.	1 60
N· 21	5 ve thuốc nước bổ thận.	3 00

Xin ông gởi contre remboursement tôi tại poste Soctrăng, rất cám ơn.

Monsieur Tăng-tấn-Tài
Ancien Conseiller provincial
Propriétaire à Như-gia
Soctrăng.

Phnom-Penh, le 3 Mai 1922

A Monsieur Lưu tuấn Ký Pharmacie asiatique à Sadec

Kính gởi lời thăm ông cho đặng bình an khương thới, ở nhà tôi có uống thuốc của ông được khá quá, mà xin ông làm ơn hỏ giùm cho thiệt hết đường đi tiểu và ho (thuốc bằng ve) ông gởi colis contre remboursement 3 ve thuốc nước, rất cảm ơn.

M. J. T. Phalt
clerc d'Huissier, 62 Quai de Piquet
Phnom Penh.

Bổn-dược-phòng có chế các thứ thuốc, thuốc hườn, thuốc tán thuốc nước thượng hạng thuốc tốt đều là thuốc Trung-quốc, nổi danh tiếng trong Nam kỳ lục-tỉnh xưa nay. Các bài khen ngợi của quí ông trong lục tỉnh và coi theo chứng bịnh mà lấy thuốc thì tôi có in trong sách (Y-dược nam châm) như quí khách muốn coi xin chịu khó gởi thơ cho tôi và để adresse cho rành tôi sẵn lòng gởi tới.

Pharmacie Lưu-Tuấn-Ký kính-cáo.

CÓ CÁC THỨ HÀNG RẤT TỐT MỚI VỀ

VẢI XANH HIỆU HAI CHÌA KHÓA SỐ SÁU

TISSUS BLEU SAVANA N° 6, MARQUE 2 CLEFS CROISEES

TƠ LỤA HÀNG TÂY KHỔ RỘNG

0m55 VÀ 0m75

Có hoa to và hoa nhỏ dùng cho đàn bà và đàn ông, nhiều thứ mùi, là : tím, đen, cánh sen, và mùi nâu.

Có ô trắng cán tre và cán sắt hiệu « Cây tháp »

Đồ dùng về xe tay.— *Toàn bộ và bán lẻ là : Trục, dũa đạn, vỏ và ruột xe vừa bền vừa rẻ.*

PHẢI COI KỸ CHẲNG NHẦM PHẢI RƯỢU GIẢ HIỆU

Từ đầu tháng năm tây đến này, những chai mới gián thêm ở cổ một lá nhãn có hai lá cờ tam tài giao nhau và mỗi cờ một cái chìa khóa thì chính là thứ rượu « QUINQUINA DU CAP CORSE L. N. MATTEI », lá nhãn đỏ của bản-ty vẫn bán từ trước.

AI MUỐN HỎI THÌ HỎI:

HAIPHONG: Tại bản-ty Compagnie de Commerce et de Navigation d'Extrême-Orient (Allatini & Cie) 36 phố Harmand

HANOI: Tại nhà ông G. Ellies số 33, phố Đồng-khánh.

泰 NAM-THAI 南

記 商 源 和 益 公

SOCIÉTÉ COMMERCIALE TONKINOISE

SUCRERIE — PATISSERIE — CONFITURERIE

Hộp đường, Nấu mứt, Làm bánh

DIPLÔME DE MÉRITE A LA FOIRE DE HANOI 1920

TONKIN — 77, Rue Maréchal Foch, 77 — NAM-DINH

(Số nhà 77, Phố hàng Trống)

Các bạn đồng-nghiệp ở Nam-kỳ gửi các thứ đường ra bán nhiều lắm

Bán buôn và bán lẻ

利 ĐÔNG-HÒA 東

Phố Hà-kiều — HÀ-ĐÔNG

Bán the, lụa, vóc, nhiễu, vải màn, bút giấy, nước hoa.
Có xưởng làm các ghế mây (*genre Thonet*).
Có đại-lý ở số nhà 13 Phố Hàng Hài (Rue du Coton) Hanoi.

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

TIÊN-LONG

ĐÔNG-PHÁP TỰ-NHIÊN HƯƠNG-TRÀ

Là chè Annam mới chế ra, uống hết như chè Tàu mà ngon hơn chè Tàu, của ông **Trần-Quang-Huy** sáng-nghĩ ra, ông **Nghiêm-Vịnh** chủ nhà hàng **ĐỒNG-HÒA** ở phố hàng Bông số nhà 13 đứng đại-biểu độc-quyền ở Hanoi và cả Đông-Pháp.

Ai muốn hỏi mua chè *Tiên-Long Đông-Pháp tự-nhiên hương* và hỏi thăm tin tức về việc chè ấy, hay muốn đứng làm Đại-lý các tỉnh các nơi, thời xin cứ viết thư cho :

M. NGHIÊM-VỊNH
Propriétaire de la Maison Đông-Hòa
13, Rue du Coton, Hanoi.

ĐÔNG-PHÁP YÊN-THẢO CÔNG-TY

SOCIÉTÉ DES TABACS DE L'INDOCHINE
SOCIÉTÉ ANONYME AU CAPITAL DE 6.000.000 FRANCS
Administration et Manufacture à Hanoi

SẢN XUẤT NHỮNG THỨ THUỐC LÁ NHƯ SAU NÀY:
(PRODUITS RECOMMANDÉS):

Thuốc thái (Tabacs) : **Coq et Scaferlati**
Thuốc cuốn (Cigarettes) : **Coq, Alliés, Métropole, Favorites, Dragon d'or, Midinettes**
Thuốc Si-gà (Cigares): **Mandarin, Bouquet**

DEMANDEZ LE PRIX-COURANT

Annam : nên hút thuốc lá « hiệu con gà vì giống giọt tại xứ ta, vừa ngon vừa rẻ. Ai ôi nên hút thuốc lá hiệu con gà ».

NAM-HỒNG-PHÁT

KHÁCH-LAU
N° 104 et 106, Boulevard Bonnard, (ngang gare xe lửa nhỏ)
Saigon, Cholon Govap, gần chợ mới

Có bán rượu tây, cho mướn phòng ngủ, và mở tiệm bớt tóc, có may y-phục Annam và Langsa, cũng có bán hàng, lụa, vải, vân vân...

NAM-HỒNG-PHÁT

NGUYỄN-HUY-HỢI Công-ty

HANOI — số 78, Phố Mới, số 78 — HANOI
HỮU-HẠN TẬP-CỔ CÔNG-TY
Vốn 42.500$00

Đóng, chữa, sơn lại, các thứ xe tay, xe ngựa.

Xe nhà cao-su kiểu mới, thực đẹp, thực nhẹ; các quí-khách muốn đặt kiểu nào cũng được.

Có nhiều kiểu xe đã bày tại Hội-chợ mới rồi và có nhiều xe chạy trong thành-phố Hà-nội.

Giá tính phải chăng. Làm cẩn-thận và thật mau.

Các ngài ở nơi xa muốn đóng xe, bản-hiệu xin đóng cẩn-thận mà gửi đi.

Đã có nhiều ngài trong Nam-kỳ nhận được xe của bản-hiệu đóng gửi thơ ra ban khen bản-hiệu.

Bản-hiệu lại xin chiếu các ngài mà để các ngài trả tiền góp từng tháng.

Xin các quí-khách chiếu-cố, bản-hiệu hết lòng hoan-nghênh!

NGUYỄN-HUY-HỢI công-ty.

HIỆU
QUẢNG-HƯNG-LONG

79. RUE DES PANIERS, 79
HANOI (Tonkin)

MỚI DON SANG NHÀ MỚI CÓ ĐỒNG-HỒ HAI CHUÔNG!

SỐ NHÀ 79 CŨNG Ở PHỐ HÀNG BÒ HANOI

Đồ hàng mới đến rất nhiều!

Xin các quí-khách chiếu cố!

QUẢNG-HƯNG-LONG

ÉTABLISSEMENTS TIẾN-ĐỨC

84-86, Avenue Paul Doumer, 84-86

HAIPHONG

AMEUBLEMENT GÉNÉRAL

SPÉCIALITÉ

MEUBLES ARTISTIQUES DÉMONTABLES

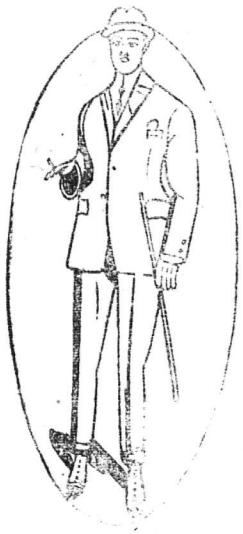

NAM-THINH — TAILLEUR

SOIERIES

6, Rue des Cantonnais — Hanoi (Tonkin)

Bán buôn và bán lẻ, hàng tơ lụa Bắc-kỳ

Bản-hiệu chuyên nghề bán cắt các thứ tơ lụa Bắc-kỳ sau này :

Lĩnh bưởi trơn và hoa lương trơn và hoa, băng thâm và các sắc, lụa cô đỏ thâm và chẳng, lụa quần anh thâm và các sắc, the la cả thâm và các sắc, sô hột thâm và các sắc, sồi thâm thật tốt, vân thâm và các sắc, sa trơn và hoa, lượt khăn 12 và 14 vuông (còn nhiều thứ : ưa không kể hết).

Các thứ hàng Tây may y phục Langsa : alpaga couleur, drap fantaisie, gabardine couleur, tissus imperméable, tussor de soie très blanc, drap satin noir tennis, flanelle blanche, etc.

Cửa hàng nào buôn nhiều về bán, hãy viết thư về thương nghị, sẽ được *trừ hoa hồng từ 3 đến 10 pour cent.*

Hàng gửi đi Contre remboursement.

NAM-THỊNH, Hanoi

Kính cáo.

Ông E. CHASSAGNE

LÀ MỘT NHÀ BÀO CHẾ HẠNG NHẤT Ở ĐẠI-HỌC-ĐƯỜNG PHÁP LỀ

Số 59, Phố Paul-Bert,

HANOI

Bán những chất hóa-học của hiệu **POULENC** và **ADRIAN** chế ra.

Bán đồ dùng trong một phòng thí-nghiệm về việc thuốc hay việc kỹ-nghệ.

Đi xếp-soạn xếp đặt các phòng thí-nghiệm công, tư.

Bán nhiều cho các nhà đi khai-khẩn, tính giá đặc-biệt

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường



東宮太子殿下御眞像

Đức Đông-cung Thái-tử ngự đồ Triều-phục

Bức ảnh này, là trong khi ông Nguyễn-Huy-Hợi nguyên Bản-chí chủ-nhiệm vô Kinh bệ-kiến,
chính tay Hoàng-thượng ban cho để làm kỷ-niệm.
Bức ảnh của Thái-tử đặc-ân gửi ban cho Bản-chí đã in ở số 15 Mai là ngự *Thường-phục*, bức ảnh này là ngự *Triều-phục*,
nên Bản-chí trân-trọng in lên đây, để cho quốc-dân được chiêm-ngưỡng
vẻ trang-nghiêm của đức Sử-Nhi,
cùng là lễ-phục của Triều-đình, đặng tỏ lòng tôn-kính vậy.

Năm thứ hai — N° 22 15 Juin 1922

HỮU-THANH

CHỮ TÌNH

Người ta ai chẳng có tình, tình là cái gì ? tình ở đâu mà ra? Tình là một mối cảm-giác ở trong tâm minh mà ra. Tâm con người ta vốn có cái tri-giác thiêng-liêng, khi cảm-súc với ngoại-vật mà thấy có cái gì đáng yêu đáng mến thời cái tâm minh nó khuynh-hướng vào đó, nó triền-miên cố-kết với nhau, mà không gỡ ra được, đó là cái tình. Cái phạm-vi chữ tình rất là rộng-rãi, nhân-quần xã-hội không có một người nào lọt khỏi ra ngoài vòng chữ tình, người mà vô-tình thời sao gọi là người được. Vua tôi vì tình, nên vua thời thề-tất cho bầy-tôi, bầy-tôi thời thờ vua hết lòng trung-thành, mà triều-đình túc-mục ; cha con vì tình, nên cha thời từ-ái con, con thời thờ cha hết lòng hiếu-thảo, mà gia-đình thuận-hòa ; anh em vì tình nên anh yêu em, em yêu anh, giốc một lòng hữu-ái mà cấp-nạn cũng không bỏ nhau ; vợ chồng vì tình nên chồng thương vợ, vợ thương chồng, vẹn đôi chữ xướng-tùy, mà cam khổ cũng cùng có nhau ; bạn-hữu vì tình, nên lúc bình-cư lấy trung-cáo khuyên bảo nhau, lúc hoạn-cấp thời coi việc bạn như việc mình, đến ký-thác vợ con, cũng không phụ tấm lòng tin-cậy. Cho đến người một nước cũng vậy, vì tình đồng-bang, nên kẻ giầu biết thương kẻ khó, người mạnh biết thương người yếu, mà những sự công-ích, thời cùng lòng hợp sức tổ-chức cho thành mối lợi chung. Như vậy, vua tôi, cha con, anh em, vợ chồng, bằng-hữu, quốc-nhân, đều vì một mối tình vấn-vít với nhau, nên có ân có nghĩa, tương-thân tương-ái, mà cái trật-tự luân-lý trong xã-hội được hoàn-toàn, như thế mới gọi là tình, mới gọi là chí-tình, mới nên nói chuyện tình. Trải xem nghìn xưa, biết bao những bậc trung-thần hiếu-tử, nghĩa-phu tiết-phụ, lúc thời-cùng tiết-hiện, đã đem tấc lòng vàng đá, đúc nên một mảnh gương tình, gương ấy tức là cái gương tốt luân-lý đó.

Ngày nay thời chữ tình nó ra thế nào? Cái tình người ta ngày nay thời thế nào? Ngày nay Khổng-giáo suy mà hồn luân-lý hầu tiêu-duyệt, ai ai cũng giữ một cái chủ-nghĩa vị-kỷ, không có tình-chất liên-lạc bác-ái, thậm-chí đối với những người trong luân-lý cũng nhạt-nhẽo vô-tình, đến tình đồng-bang thời không có chút đỉnh nào cả, không những là đối với

nhau nhạt-nhẽo vô-tình mà lại coi nhau như cừu-địch, thỏ một mối lợi gì ra, thời bọn nọ tranh nhau với bọn kia, bọn kia tranh nhau với bọn nọ; những việc công-ích, thời bọn nọ làm, bọn kia chực phá, bọn kia làm, bọn nọ chực phá, biết bao cái gương xấu về nhân-tâm phong-tục, hằng ngày bầy tỏ ra trước mắt ta, không cần phải chỉ rõ ra từng người từng việc, chắc ai nấy cũng biết cả rồi. Ôi! người như thế thực là vô-tình, vô-tình đến nỗi vô-luân-lý, thế mà vẫn thấy nhan nhản những chuyện tình.

Những chuyện tình bây giờ thế nào? Trên dặm liễu nhởn-nhơ, kính rợp gọng vàng, giầy dòn bóng lộn, không công-tử cũng vương-tôn; bên bờ Hồ thấp-thoáng, nhẫn vàng mặt đá, vẻ phấn sáng choang, chẳng giai-nhân thời khuê-tú, mắt tình liếc mà sóng tình lai-láng; đấy với đây, đây với đấy, biết bao nhiêu tình, thư tình mở mà lửa tình càng nồng, mình nhớ ta, ta nhớ mình, ai nỡ dứt tình, vì tình nên mẹ, thời dù ai khen, dù ai chê, cũng không quản gì; vì tình nên nợ, dẫu mắc hàng trăm mắc hàng nghìn, cũng không sá gì. Gớm thay cho thói hữu-tình, cái ma-lực nó làm cho người ta mắc mối vào đố gỡ cho ra, mơ mơ màng màng ở trong cái cõi tình-dục, lay không tỉnh, gọi không dậy, mà những cái nghĩa-vụ đối với gia-đình, đối với xã-hội, đều vì đó mà quên nhãng đi cả, lại nhất là hại cho cái luân-lý vợ chồng, hằng vì đó mà sinh ra lộn-sộn láo-nháo, không có trật-tự gì. Ôi! nhân-tâm như thế, phong-tục như thế, xã-hội còn ra xã-hội gì nữa! Người hữu-tâm ai mà chẳng lấy làm lo! Lo vì cái tiền-đồ tiến-hóa nước ta, chính đương trông mong vào những bọn thanh-niên tuấn-tú bây giờ mà gọi là công-tử vương-tôn giai-nhân khuê-tú đó, thế mà trong bọn thanh-niên tuấn-tú bây giờ, lại có những người như thế, thời cái tiền-đồ nước ta đã chắc sau này ra thế nào?

Cái sự-nghiệp xã-hội bây giờ, không những trách-vọng vào những đấng trượng-phu nam-tử, mà những bọn thoa-quần cũng có trách-nhậm quan-thiết lắm. Chính-phủ Bảo-hộ đã vì quốc-dân ta mà tổ-chức ra các khoa-học các học-đường, cho cả các bọn nam-tử cùng nữ-lưu, mà cái vấn-đề nữ-tử giáo-dục ngày nay người ta cũng thường nhắc đến, chắc ai nấy cũng đã nghe biết cả rồi, tưởng ai nấy cũng nên tự trọng thân-danh mình mà liệu kịp hồi-đầu, tránh xa con đường tình-dục mà rủ nhau lên con đường văn-minh, đào-luyện lấy tính tình, chăm-chỉ lấy học-thuật, cho ra người nhân-cách hoàn-toàn để gánh vác sự-nghiệp cho xã-hội, cái đó là hạnh-phúc của quốc-dân ta, mà người hữu-tâm lại mong lắm vậy. Soạn-giả cũng giống đa-tình, nhân thấy những người lặn-lội trong bể tình-dục, trộm lấy làm lo thay cho, sợ thay cho, muốn cùng một vài người hữu-tâm đại-thanh tật-hô để gọi giở lại, dắt lên bờ; nên dám cùng những bọn thanh-niên tuấn-tú bây giờ góp một câu chuyện tình.

NGUYỄN-MẠNH-HƯỚNG

THƯ-XÃ ĐỐI VỚI QUỐC-DÂN, QUỐC-DÂN ĐỐI VỚI THƯ-XÃ

Nước ta học cũ có đã lâu, có văn-lâu, có thi-xã, nhưng đều là chủ-nghĩa chuộng văn; chưa từng có cái thư-xã nào kiêm cả phương-diện văn-học và công thương như Thư-xã Ích-hữu ngày nay.

Nước ta học mới ngày một tiến, tu-thư đã từng có, thư-viện dần đặt thêm, song đều là quan-lập cả, đều là Hán-văn hay là Pháp-văn cả; chưa từng có cái thư-xã dân-lập nào, có cái thư-xã Việt-văn nào như Thư-xã Ích-hữu của hội Công-thương-đồng-nghiệp ngày nay.

Trước chưa từng nghe, giờ chưa từng thấy. Vậy nghe thấy bốn chữ Ích-hữu thư-xã đã đủ khoái-tai biết là bao. Cao thượng thay, ích lợi thay, Ích-hữu Thư xã, và chủ-nghĩa Ích-hữu Thư-xã!

Có thư-xã để có nhà in in, có hàng sách bán, nhất là khoáng-trương cho tạp-chí *Hữu-Thanh*. Đương thời buổi công việc khó-khăn này, thư-xã dung được biết bao người có nghề, đó tạm là cái ích nhỏ mà ai cũng thường biết; còn cái ích nhớn là làm gương hàng ngày cho xã-hội biết cách sinh-hoạt ở tư-tưởng và lao-động. Thư-xã đối với công-giới ích biết là bao!

Dân-trí ngày một tăng, giao-thiệp ngày một rộng, giao-thiệp ngày một rộng, công việc in tất ngày một nhiều; mà ta đã được mấy cái nhà in, có cái nhà in nào là bỏ máy không. Quốc-bộ ngày một tiến, học-vấn ngày một cao, học-vấn ngày một cao, sách vở xem tất ngày một rộng; mà ta đã được mấy cửa hàng sách, có cửa hàng sách nào là đủ sách dùng, có Thư-xã để thêm nhà in thêm hàng sách, càng đủ mặt hàng cho mọi hàng sách ta giờ hoặc thiếu-thốn, thu nhặt lợi sót của mọi nhà in ta giờ còn những-nhưng. Thư-xã Ích-hữu là bạn hàng tốt sau này của cả các hàng sách và các nhà in ta; không những thế mà thôi, lại còn bao nhiêu người hội Công-thương Bắc-kỳ, bao nhiêu người bạn *Hữu-thanh tạp-chí*, đều là khách hàng tốt của Thư-xã, đã là khách hàng tốt của Thư-xã tất sẽ cùng Thư-xã chấn-hưng thương-quyền cho phát-đạt. Thư-xã đối với thương-giới ích biết là bao.

Ích-hữu thư xã chẳng ích riêng gì cho công thương mà thôi, đối với sĩ với nông, tưởng cũng không phải là vô-ích.

Có Thư-xã để phiên-dịch kho sách-vở, xấy dắp nền văn-chương, bảo-hộ cho tạp-chí *Hữu-Thanh*, mở mang dần ra tuần-báo, nhật-báo. Vậy Thư-xã đối với sĩ-giới ích là bao!

Thư-xã có Tạp-chí cổ-động công-việc nông, có thư-cục phiên-dịch sách về khoa học nông. Vả cổ-đông của Thư-xã đã bao nhiêu là người đại-nông, mà bao nhiêu người đại-nông ấy sẽ là bạn tri-kỷ của Thư-xã. Vậy Thư-xã đối với nông-giới ích là bao!

Nói tóm lại, Thư-xã đối với quốc-dân, bất cứ giới nào đều có ích cả. Thư-xã đối với quốc-dân đã như thế, quốc-dân đối với Thư-xã thì nên sao???

1° *Vì ích chung bỏ sự ghen tức riêng* ;
2° *Vì ích chung bỏ sự thù ghét riêng* ;
3° *Vì ích chung bỏ sự bè đảng riêng* ;

Bất cứ thời-đại nào, xã-hội nào, có người xướng xuất ra một việc gì, tất có người phản-đối. Song phần ít là vì công-lý mà đối cái việc xướng-xuất ấy là phải hay trái. Chính phần nhiều là vì tư-tình mà đối cái người xướng xuất việc ấy là ghét hay yêu. Bởi sự không lấy công-lý suy xét cái việc người ta làm, chỉ lấy tư-tình bi-lý người làm cái việc ấy, thành ra có lòng ghen tức. Hoặc có người hèn kém người ta, thấy người ta làm mà thành ghen. Hoặc có người giỏi hơn người ta, thấy người ta làm mà càng tức. Vì sự ghen tức ấy thành không hại riêng gì đến người ta, mà e có hại chung cho việc người ta làm. Vậy quốc-dân ta đối với Thư-xã là đối Thư-xã, đối công-lý, chứ không phải là đối Thư-xã đồng-nhân hay cá-nhân hay tư-tình. Ấy quyết nên bỏ sự ghen tức.

Sẵn có sự ghen tức thành ra có thù ghét. Thù thì muốn cho hỏng, ghét thì muốn cho chết, thế-gian nhẽ thường. Thù mà biết có cái ơn, ghét mà biết có điều thiện, xưa nay vẫn thường khó. Song thù ghét có ích gì cho ai ; chẳng qua thù ghét chỉ lại thêm sự thù ghét, thù ghét lẫn nhau, thêm trò cười trên xã-hội ! ! Nã-Phá-Luân nghìn thu lừng tiếng năm châu, mà đương thời biết bao người thóa-mạ ; Tỷ-Sỹ-Mạch một tay gây nền tái-tạo, mà cả nước đều là kẻ cừu-thù. Người lo việc vẫn không lo gì sự thù ghét, nhưng sự thù ghét cũng có thể làm trở-lực một đôi phần. Huống chi nhân-tài nước ta đương thời đã chắc ai là đặc-sắc..... Nhờ ơn nhà nước Bảo-hộ khai-hóa, quốc-dân ai mưu được việc gì ích thì ta tán-thành, quốc-dân ai làm được việc gì ích thì ta hoan-nghênh. Ích-hữu-thư-xã cũng là một việc ích trong trăm nghìn việc ích. Kẻ mưu việc nọ, người làm việc kia, tuy khác nhau, song cùng chung một mục-đích, là nhờ ơn mẫu-quốc bảo-hộ giắt ta tới con đường văn-minh tiến-bộ. Ta nên cùng hoan-hô cùng giắt-díu nhau cho ngắn quãng đường trường, nỡ lòng nào đi chẳng xong lại còn cùng chàm chọc cùng trêu ghẹo lẫn nhau để phiền lòng mẹ (Mẫu quốc). Ấy nên bỏ sự thù ghét mà làm những việc công-ích.

Nếu không bỏ sự thù ghét, tất chia thành bè đảng ; thành bè đảng, tất bè này phá việc công-ích bè khác, đảng nọ phá việc công-ích đảng kia, chỉ làm hại lẫn nhau thôi, kết-cục đều là vô-ích cả. Ta không biết cái tâm-lý của những kẻ chỉ chực phá việc công-ích của người ta thế nào, họ không nghĩ ; nếu bao giờ họ có thể làm được cho việc một đảng này thất-bại, thì sau trong quốc-dân ta, ai muốn làm một việc công-ích gì, thấy cái gương về việc họ vừa mới phá, sẽ sinh ngại sinh sợ mà không dám làm, thành ra họ làm gương xấu để lấp đường tiến-thủ cho quốc-dân về sau này. Tuy phẩm sự phải có đoàn-thể. Song đoàn-thể là để cùng nhau góp của góp công cùng nên việc ích, chứ không phải là cùng nhau kéo bè kéo cánh cho thỏa lòng riêng. Ích-hữu-thư xã ta quyết không đến thế, không bao giờ đến nỗi thế, e có thế, họa có thế, mà luận-giả nói trước qua thế. Có thì xin chớ, không thì mặc ai, miễn là ta cứ làm cho đến mục-đích ta thì thôi ; ta nên suy cái lòng bè đảng ấy mà cùng nhau chung tình hữu-ái, điều gì phải thì cùng khuyên nhau, điều gì trái thì cùng răn nhau, thế mới xứng chữ ích-hữu. Ôi ! Thiên-hạ chỉ sợ ít người nói phải, ít người làm hay, chứ xướng phải lo gì không có nhiều người họa, làm phải lo gì không có nhiều người theo. Vả việc đã là phải là ích, thì có người xướng càng hay, có người làm càng may. Ai xướng thì xướng, ai làm thì làm, chẳng hẹn mà thế, chẳng ước mà cùng. Can chi bè đảng, ích chi bè đảng? Ấy quyết bỏ sự bè đảng riêng.

Ba cái kẻ trên ấy là những điều hại nhớn quyết không nên làm, còn nhiều những điều khác nhỏ mà có thể hại đếnThư-xã thì cũng không nên làm cả. Ta đã là một phần quốc-dân, nghĩ sao cho bốn chữ Ích-hữu-thư-xã trước chưa từng nghe, giờ chưa từng có ấy được có vẻ cao-thượng,có phần ích lợi, để đối cùng quốc dân mãi mãi nghìn thu. Quốc-dân may có cái thư-xã như Ích-hữu-thư-xã bây giờ mà mai sau sẽ vô số cái thư-xã như Ích-Hữu hơn Ích-Hữu sau này xuất hiện thì Ích-hữu-thư xã cũng dự mong.

Hữu-Tô PHẠM-XUÂN-NÙNG

TẠI LÀM SAO NGƯỜI MÌNH ÍT THÍCH XEM SÁCH ĐỌC BÁO ?

Không kể những người thất học, không biết đọc, biết viết, chỉ nói những người đã có dăm ba chữ, đôi chút tư-tưởng, mà sao phần nhiều người đối với tờ báo, quyển sách vẫn nguội lạnh thế? Thật, chỉ trừ ra những nhà làm báo, viết văn, làm sách, là còn chăm xem, chăm đọc. Ngoại-giả không ai thiết, coi tờ báo quyển sách như thể là rụng hoa rơi, hay là vật nguy-hiểm phải lánh xa. Tại sao thế ? Hãy nói ngay ở xứ Bắc-kỳ ta. Số dân Annam mình đến 8,9 triệu người, mà cả thảy chỉ có dăm tờ vừa nhật-báo vừa tạp-chí, mấy quyển sách mới soạn bằng quốc-văn, tờ-báo tạp-chí ấy in ra đồ đồng mỗi số độ chừng 4000 bản giở lại, sách thì mỗi qnyển xuất-bản in ra độ 1000 cũng không hết ; như vậy, tính đạc chừng ra thì trong 500 người mới có được một hai người mua báo, mua sách, trong 100 người mới có được vài người đọc báo, xem sách.

Ôi! đối với tờ-báo quyển sách là cái cơ-quan tiến-bộ mà dửng dưng như vậy, mà đối với những chớp ảnh, trò xiếc, hát tuồng, chỉ là những thú tiêu-khiển sao mà mặn-mà đến thế ? Quanh năm ngày tháng, động thấy có trò gì thú gì thấy những người không đọc báo không xem sách đầy nhan-nhản ra các chỗ ngồi cả, Ngán thay cho tính-chất người mình, lạ thay cho tính-chất người mình !

Than ôi ! Cái trình-độ văn-minh nước ta hãy còn ấu-trĩ lắm,trong toàn-thể quốc-dân có đến 2 phần ba hãy còn ngu dốt nghèo hèn, may sao nhờ có Chính-phủ bảo-hộ đã đem cái ánh sáng văn-minh soi đến cho ta được rạng dần dần ra, mà báo-trương tạp-chí chính là cái để truyền-bá văn-minh ra cho khắp hết thị-thành thôn-

ồ để mở mang trí-thức cho hết mọi người. Thế mà quốc-dân ta coi nhật-báo cùng tạp-chí như vậy, khác nào một người mắc trong hang tối, người ta đánh đuốc dẫn cho ra ngoài, mà không muốn ra, khác nào một người ốm đã thấy nguy, người ta đem thuốc đến để cứu chữa cho, mà không chịu uống; như thế biết bao giờ khỏi hang tối mà thấy được mặt giời? Biết bao giờ trừ khỏi bệnh-căn mà giữ được sinh-mạnh?

Vậy, bây giờ hãy xét cái nguyên-nhân tại làm sao mà người mình ít thích đọc sách xem báo như thế?

Có phải là tại khó, không đọc được không?

Không phải. Chữ quốc-ngữ, đàn-bà con-trẻ cũng biết, quốc-văn ta người vô-học nghe cũng hiểu.

Có phải tại người mình vất vả quá, không có thì giờ mà xem báo đọc sách chăng?

Cũng không phải, chỉ có những người nghèo hèn hay dốt quá, không có tiền mua báo mua tạp-chí hay không biết đọc, mới phải dầu tắt mặt tối, đi làm thuê kiếm ăn, người ấy có lẽ thích đọc thích xem mà không được, chớ còn nhiều người có chữ-nghĩa lại có nhiều thì giờ để đọc báo xem sách, mà phần nhiều cũng không thiết đọc thiết xem. Nếu báo không có thì giờ thì sao còn có lúc đi chơi những trò tiêu-khiển khác được?

Vậy thì tại sao?

Chỉ tại có một lẽ là: người mình chưa được biết cái lợi đọc báo, chưa được mến cái thú xem sách.

Thực thế. Cái lợi đọc sách xem báo là thế nào, các bực thức-giả đã biết rồi, không cần phải nói, nhưng cũng nên kể ra đây cho những người còn chưa biết được rõ.

Một là ích cho sự khai-trí, hai là bổ cho luân-lý, ba là lợi cho sự làm ăn, bốn là giúp cho sự mở mang quốc-văn, năm là hay cho sự giải-trí.

1. Khi ở nhà trường ra, học-thức còn chưa được mấy nỗi. Muốn mở-mang trí-thức, kinh-nghi học-vấn thì nhờ vào đâu? Tất phải chăm xem sách đọc báo. Đến như người nào không biết chữ, nếu được nghe đọc sách đọc báo luôn, cũng còn biết được chuyện xa chuyện gần mở-mang được ít nhiều trí khôn, huống chi người có học.

2. Ở nhà trường tuy đã có học sách luân-lý, nhưng cũng ít người đã thâm hiểu nghĩa-lý. Sau có đọc nhiều sách nhiều báo, chứng-nghiệm những việc đời hay dở, thì mới thông tỏ được đạo-đức, soi sáng được lương-tâm.

3. Ở trong sách, nhất là các báo có dạy các cách làm ăn tiện lợi, về các khoa-học các thực-nghiệp, bao nhiêu tin tức cần phải biết đã có đủ.

Vậy ai chăm xem, chăm đọc thì tìm được cách kinh-doanh nghề-nghiệp, cải-lương các việc. Nghĩ cũng hay! báo-chương là một thứ sách phổ-thông cho hết các hạng người.

4. Quốc-văn ta đang buổi sơ-khai, muốn chóng phát-đạt chỉ có cách làm cho hết cả mọi người chăm đọc báo, xem sách là mở-mang rất mạnh. Đã hay xem văn thì tất thích viết văn. Ai cũng thích đọc thích viết thì sẽ ganh đua nhau mà làm thơ, viết sách. Như thế rồi thời dân ta lại không thành một dân văn-chương hay sao?

5. Còn về sự giải-trí thì không có cách gì lành bổ bằng đọc sách xem báo. Đã không phải tiêu-tốn, không phải dầu sương, rãi gió, ngồi ở trong lều tranh cũng được chứng-kiến thưởng-ngoạn những cảnh-vật dị-kỳ vui thú, bi-ai, ở trong vũ-trụ, khắp trong hoàn-hải thế-giới. Bao nhiêu chuyện dở chuyện hay, trò cười trò khóc đã phô-diễn trong sách trong báo một cách rõ ràng hơn là bầy ra ở trên sân-khấu. Nào triết-lý bác-học cao-kỳ, nào văn-chương thơ-từ cảm-động thiếu chi. Khi ngồi một chỗ mà xem sách đọc báo thì có khác gì mình được đi du-lịch hoàn-hải, quan-sát vũ-trụ. Sách-vở báo-chương thật là một thứ thần-kính soi thấu được muôn vật, nếu không đeo kính ấy thì người ta có mắt cũng như mù vậy thôi. Khi đã làm-lụng khó-nhọc rồi, mà lại giải-trí bằng những cách chơi bời tổn-hại, thì sao cho bằng cái thú cao-thượng xem sách đọc báo, ngâm thơ bình văn. Trong một nhà mà mỗi buổi tối, cha con vợ chồng, anh em, già trẻ, quây-quần lại đọc báo xem truyện, thì còn gì sướng hơn, còn cái thú nào êm-đềm mát-mẻ bằng cái thú ấy.

Ta xem thấy nhiều người ham đọc báo xem sách mà tự nhiên phát-hiện ra vẻ thông-minh tuấn-tú, ôn-hòa nhã-nhặn. Như thế, thiết-tưởng nếu nhà nào cũng biết ham đọc báo xem sách, thì bổ-ích cho sự khai-trí tiến-đức biết là nhường nào!

Ấy, cái lợi đọc báo, cái thú xem sách, to như thế! hay như thế! Ai có được nếm rồi mới biết là ngon.

Tiếc thay! người mình chưa được hưởng cái thú ấy, dùng cái lợi ấy, cho nên ngu-si, hèn mạt mãi, không tìm kiếm được ý-kiến hay bổ-ích cho sự sinh-tồn tiến hóa, và không phát-minh được tư-tưởng gì cao-thượng có quan-hệ đến nhân-quần.

Vậy trước khi bàn đến chuyện tiến-hóa văn-minh thì ta phải thế nào mà khơi nguồn chọc suối ra được cái thú xem sách, chỉ tỏ minh-bạch cái lợi đọc báo đã. Ấy chính là một cách truyền-bá những tư-tưởng học-thuật cho quốc-dân ta vậy.

NGUYỄN-BẢN.

LUÂN-LÝ-HỌC

Bản-chí có tiếp bài lai-cảo của ông Phùng-Bảo-Thạch dịch-thuật bài lý-luận thuộc về luân-lý học của quan Bác-sĩ Gustave le Bon là một nhà đại-tâm-lý trứ-danh ở nước Pháp.

Ông Bảo-Thạch có hết sức biện-hộ các thuyết-luận về luân-lý học của người Âu-Tây là sác-tạc tru-mãn lắm, mà người ta bảo cái luân-lý học của người Âu-Tây kém ta là nhầm to.

Cứ như ngu-kiến, thời hai chữ luân-lý người ta với người Tây nhận ra khác nhau, người ta chỉ nhận những cách cư-xử, đối với gia-tộc cùng bằng-hữu là luân-lý, mà người Âu-Tây thời gồm cả những cách cư-xử hành-động đối với xã-hội cũng gọi là luân-lý, nên luận-thuyết cũng điều khác nhau.

Bản-chí xin y nguyên-văn của ông đăng ở đây, để làm một cái lý-thuyết cho các độc-giả biết rằng cái kiến-giải về luân-lý của người Âu-Tây là thế. Còn cái lý-thuyết về luân-lý của ta thế nào, sau này bản-chí sẽ có một nhời đề công đồng-lãm.

NGUYỄN-MẠNH-HƯỚNG

Lời dẫn

Ta còn nhiều người nhận sai rằng thuộc về luân lý, người Âu-Tây không lưu-tâm chú-ý đến, các lý-thuyết về luân-lý, cách ứng-dụng luân-lý, họ kém ta. Tưởng vậy, lầm to lắm. Các hiền-triết Âu-Tây nhiều nhà lao-tâm, tổn trí mấy mươi thế-kỷ nay về khoa luân-lý, để nghiên-cứu truy-tầm cho tường-tận cái nguyên-nhân, cách hành-vi, kết-quả của luân-lý. Nghiên-cứu xâu-sa, quan-sát rộng-rãi, nên các thuyết-luận về luân-lý Âu-Tây được sác-tạc, ưu-mãn lắm. Vì người Âu-Tây có tính ham biết hơn người Á-Đông, đã biết cái gì thì biết cho đến nguồn, đến gốc, không chịu mập-mờ ấp-úng. Thuộc về luân-lý-học tuy không phải là khoa-học chứng-nghiệm được rõ ràng, hai năm rõ mười như số-học, ba vuông bảy tròn như kỷ hà học, nhưng các thuyết-lý, luận-đề có phần thiết-thực hơn Á-Đông lắm. Xem bài dịch sau này của quan bác-sĩ Gustave Le Bon là bực hiện-thời trứ-danh, thì rõ tiên-sinh giải về luân-lý một cách rất châu-đáo.

Nói đến luân-lý-học ta phải hiểu rộng ra từ sự hành-động nhỏ-nhỏ hàng ngày hợp với lẽ thường, đến các công-việc to-tát đối với ngoài xã-hội hợp với chính-lý, chớ không phải luân-lý chỉ buộc-chặt trong mấy điều ta thường nghĩ. Luân-lý không phải chỉ lấy tam-cương, ngũ-thường làm giới-hạn, mà nhất-cử nhất-động của ta hàng ngày điều thuộc về luân-lý cả.

Bài dịch sau này, trước hết quan bác-sĩ nói về những cái mập-mờ không chắc (incertitudes) của luân-lý-học, cùng bầy giãi nỗi khổ-tâm của các nhà đại-gia luân-lý truy-tầm cái nguyên-nhân. Rút cục vẫn đành chịu vô-bằng-cớ, không biết lấy gì làm sở-đích. Thế thì luân-lý-học cùng với thần-học (théologie) với qui-thuật-học (sorcellerie) đều ở trong bóng tối mập-mờ khiến cho các nhà sau này nghiên-cứu về khoa-học ấy đều phải mập-mờ cả. Rồi tiên-sinh giải nghĩa luân-lý-học, cái quan-niệm về luân-lý cùng các cơ-quan hành-động về luân-lý. Thế nào là thiện (le bien)? thế nào là ác (le mal)? thế nào là liệt-tính (le vice)? thế nào là đức-tính (la vertu)? thế nào là tư-đức (vertus individuelles)? thế nào là công-đức (vertus collectives)? tiên-sinh đều giải rất rõi-rào.

Rồi nói về luân-lý của giống vật ở thành đàn, thành lũ tức là: động-vật xã-hội luân-lý (morale des sociétés animales). Sau nói đến luân-lý của người ta hợp thành xã thành đoàn tức nhân-loại xã-hội luân-lý (morales des sociétes humaines).

Về động-vật xã-hội luân-lý, tiên-sinh nói rằng: những giống sâu bọ nhỏ bé vô-tri như con ong, cái kiến đều có một cái quan-niệm đầy-đủ về luân-lý. Loài người là chúa-tể vạn-vật dễ có lúc lại kém cũng nên.

Về nhân-loại xã-hội luân-lý, tiên sinh diễn-giải một cách rất tường-tận, cách biến-hóa và sự nhất định của luân-lý. Luân-lý của mỗi thời một khác, mỗi dân một khác, không đâu giống đâu, không đời nào giống đời nào. Khi ta đến chỗ nào, thấy phong-tục của họ nghịch mắt ngang tai, ta đừng vội chê là dồi, là bại; biết đâu rằng trong cái đồi bại ấy họ lại ngụ ý-tứ gì hay riêng của họ.

Sau cùng, tiên-sinh nói rằng: nhân-loại một ngày một văn minh thì luân-lý cũng một ngày một cao.

Một điều nên chú-ý là bài dịch này là bài khảo học, suy-diễn về luân-lý, không phải là bài dậy về luân-lý.

Phùng-Bảo-Thạch dẫn

Những điều không chắc của luân-lý

Đã hai nghìn năm nay, nào nhà thần-học, nào nhà triết-học nối gót ông Aristote và ông Platon mà tranh-luận về luân-lý-học, rút cục vẫn chưa gây dựng nên cơ-sở vững-vàng gì, vì hiện về luân-lý-học còn nhiều mối rắc-rối phân-vân lắm.

Những điều mập-mờ hiện nay còn rành rành ở các cuốn giấy thứ nhất ở các bài diễn-thuyết tại hội-đồng « Vạn-quốc luân-lý giáo-dục-hội » (*Congrès International d'Education morale*) ở thành Haye năm 1912. Trong hội-đồng ấy đủ mặt các nhà trí cao tài rộng như ông Boutroux và ông Buisson. Những ý-kiến phản-đối về những vấn-đề tối-trọng luân-lý, làm cho các bực tài-trí ấy phân rẽ nhau. Cuộc hội-nghị đó chỉ tỏ ra ngày thêm thất-vọng rằng: nhờ cái tia sáng khoa-học làm rõ-ràng cho luân-lý-học.

Đem luân-lý mà giáo-dục quốc-dân là điều thiết-yếu của nhà giáo-sư, cả đến nhà chánh-trị cũng lưu-tâm đến.

Giải-nghĩa luân-lý-học

Điều thiện và điều ác

Trước khi xét đến cội-rễ luân-lý, ta hãy xem cơ-quan cách-thức nó ra làm sao đã. Ta tự hỏi nghĩa mấy câu thường dùng như thiện, ác, liệt-tính cùng đức-tính.

Các tự-điển thường giải nghĩa chữ luân-lý như thế này: Luân-lý là một khoa chỉ-dẫn cho ta những lẽ-lối xử-thế để làm điều thiện tránh điều ác. Đức-tính con người ta biểu-trình ra ở cái khuynh-tâm xu-hướng về thiện, tức là tuân theo các phép-tắc của luân-lý vậy. Liệt-tính thì trái đức-tính.

Nhưng thế nào là thiện, thế nào là ác? Nghĩa hai chữ ấy nay thực lúng-túng cho cả đến bực minh-trí, mà quả dẫn-dị cho các bực thông-thái ở thế-kỷ mới đây. Ông Berthelot là một tay trứ-danh, giải nghĩa ấy, đại-khái nói rằng: « Cái cảm-tình về thiện, ác, là cái cảm-tình từ xưa. Ta sở-dĩ có cái cảm-tình ấy không phải do suy-lý nào, thuyết-đạo nào, ý-tưởng thưởng-phạt nào cả. Cái quan-niệm của nghĩa-vụ tức là cái phép-tắc ở đời cũng bởi cái cảm-tình ấy mà được công-nhận là điều có từ xưa, thoát hẳn ra ngoài và vượt cao lên hẳn cái lời biện-thuyết ».

Giải nghĩa như vậy tưởng không còn giải nghĩa nào dẫn-dị bằng. Không có một nhà triết-học hiện-thời nào là không xét-đoán đến cái thuyết quyết-đích ấy là một thuyết không bằng-chứng không có kinh-nghiệm quan-sát chi cả.

Đem sánh nghĩa thiện-ác của ông Berthelot đã giải được năm mươi năm nay, với cái nghĩa của nhà bác-sĩ Perrier tiên-sinh mới giải đây xem sao?

Đại-khái ông nói rằng: « Cái quan-niệm về thiện và ác, là cái quan-niệm ta nghĩ ra cho dễ đường giao-tế trong xã-hội. Ta gọi việc thiện là việc bổ-ích cho xã-hội, ta gọi việc bất-thiện là việc hại sự ích chung, mưu lấy lợi riêng ».

Vậy thì đức-tính với liệt-tính là chỉ công-việc ích-lợi hay tổn-hại cho xã-hội. Nhiệt-tâm với lợi chung, trung-ái với đồng-bào, ấy tức là đức-tính. Ích-kỷ hại-nhân, tàn-bạo với nhân-quần xã-hội, ấy tức là liệt-tính. Những cái thuyết này chỉ dùng để chỉ về nhân-quần luân-lý, chứ không động gì đến cá-nhân luân-lý.

Nhân-quần luân-lý, cá-nhân luân-lý, có khác nhau xa, ta xem đây sẽ rõ.

Tư-đức và công-đức

Tư-đức là đức từng cá-nhân.
Công-đức là đức cả công-chúng

Luân-lý xã-hội có pháp-luật giữ-dìn nguyên cho sự ích chung : tức là cái luật cần ngay cho đường sinh-tồn một xã-hội. Luân-lý ấy cấm không được đâm người, lấy của, lừa-đảo, dan-trá, bắt phải bảo-thủ lấy nhân-quần, có khi phải liều thân trận-địa để cứu-vớt lấy xã-tắc. Cái luân-lý này không xa được nghĩa ấy.

Những pháp-luật ấy không gây thành cho người ta những phẩm-tính hay như hảo-tính, trực-tính, ái-tha. Vậy khi nói đến luân-lý, ta phải phân-biệt ra luân-lý từng cá-nhân và luân-lý cả công-chúng.

Trong lúc hành-động, sự phân-biệt hai luân-lý ấy, ít ai nghĩ tới, vì luân-lý từng cá-nhân dù thế nào cũng phải tầm-nhiễm cái ảnh-hưởng của công-chúng, không sao khỏi được.

Sự ảnh-hưởng ấy bắt buộc quân đại-ích-kỷ cũng phải hiến-thân chút đỉnh về việc công-ích.

Thuộc về luân-lý riêng, ta có quyền tùy ý mà lựa chọn lấy cái phép-tắc xử-thế, thuộc luân-lý cộng-đồng, ta phải tuân-phục xã-hội, vì xã-hội bắt ta phải vậy.

Luân-lý của công-chúng sở-dĩ mà thành-lập là nhờ những sự tối-khẩn, không đừng được, chớ không bao giờ theo ý-muốn của chúng-nhân. Đó chỉ cốt luân-lý được trường-cửu, vì ai ai cũng tự bắt mình phải tuân theo, và giữ-dìn một vài cái lệ nhất-định. Dù các lệ này hại hay không hại cho ai, cũng không quản gì, chỉ cốt các lệ ấy có cần đến cuộc sinh-tồn chung thôi.

Có nhiều kỷ-luật chung làm bận hại đến bản-tính thiên-nhiên người ta đi, xã-hội khá mạnh, bắt người phải theo kỷ-luật ấy, cốt mong việc công-ích. Đã nói rằng cái thế-lực ấy tự-nhiên hạn-định trong địa-phận công-ích không xa được mục-đích ấy.

Những phép-tắc luân-lý công-chúng có cái đặc-quyền không phải bàn-tán gì cả, xét xem nó do lý hay do công cũng vô-ích, chỉ cốt nó là điều cần, không thể không có được. Những dân-tộc chỉ nghề tàn phá, cướp bóc để nuôi sống, mà họ vẫn tự-nhận sự giết người lấy của đó, là hợp nhẽ luân-lý, há chẳng phải cái việc hung-ác ấy cần cho sự công-ích họ ru ?

Luân-lý xã-hội phải tự-nhiên theo phong-tục. Luân-lý một xã-hội là cái biểu-hiệu của phong-tục xã-hội ấy. Có khi phong-tục đã cải-cách mà ta còn thấy phảng-phất cái hồn luân-lý cũ lại. Các điều cưỡng-bách xưa, của luân-lý trước nay đã cho là bất-chính, thì dù pháp-luật cố bắt người phải theo cũng chẳng ai là người theo nữa. Đã đành rằng bao giờ pháp-luật cũng đặt sau phong-tục, nhưng ý-kiến người đã biến-cải thì pháp-luật không sao thắng được. Pháp-luật thực yếu thế hơn cái ý-kiến biến-cải của con người. Những pháp-luật đã ghi chép mà không có quan hành-pháp thi-hành nữa thì chỉ là có xác chữ còn lại thôi. Cho nên nhiều án-tích xưa xử phạt nặng, mà bây giờ xử nhẹ đi nhiều.

Từ xưa đến nay, sự khẩn-yếu của xã-hội vẫn cho là chính nguồn sinh-sản ra luân-lý. Ông Platon đã nói rằng: điều công-lý không do ở cái quan-niệm thiên-nhiên, mà do ở sự cần dùng trong xã-hội. Nhà triết-học ấy lại nghiệm ra rằng: một phần to người không có một cái luân-lý nào khác,

là cái luân-lý do thói quen, do ý-kiến và do lệ thường.

Những pháp-luật tuy không có sức gì biến-cải được phong-tục, chỉ theo phong-tục mà không gây thành được phong-tục, nhưng có khi cũng có thể áp-chế được một vài cái ý-kiến chưa thành công-đồng khắp mọi người. Như bên Anh và dân Hoa-kỳ có luật nghiêm-cấm được sự bán rượu và trừ hẳn được thói uống rượu là thói sinh ra án-tội, trộm cướp, tất là cái ách chung của nước. Được vậy cũng là nhờ ở nhiều ý-kiến người ta. Còn nhiều các xứ khác không sao bắt chước được ; cũng đem luật-pháp ấy mà thi-hành, thì chỉ là vô-hiệu mà thôi.

Luân lý của xã-hội giống vật

Những điều bàn-luận thuần-lý, làm cho ta ít hiểu cái tính-cách luân-lý, vì học luân-lý là ngoài cái thực-hiện. Muốn hiểu được toàn sự luân-lý, không những ta phải xét luân-lý trong xã-hội người ta này, mà phải xét cả đến trong xã-hội giống vật.

Các nhà thần-học triết-học xưa tưởng rằng: người ta lúc khai-thiên lập-địa, đứng biệt riêng một loài, không có liên-can gì đến các giống vật khác cả. Hiện nay cũng còn có người ngờ thế. Khoa-học ngày nay đã đủ minh-chứng rằng: người ta biểu-lộ lắm cái tính-tình rưa rứa các loài vật, chỉ khác loài vật cái trí-khôn thôi.

Xét kỹ-càng cái xã hội giống vật, thì rõ ngay rằng: luân-lý của nó cũng như luân-lý của người, là một sự khẩn-yếu độc-lập, không can gì đến cách-thức đời, và nơi hoàn-cảnh nó biến-hóa.

Học về cách-thức luân-lý trong một xã-hội giống vật và các điều thiệp-liệp về cách-thức luân-lý trong các dân các xã-hội người, thì cũng đủ hiểu cái lịch-xử đích-thực của sự tiến-hóa hay dở, không còn có gì là thuần-lý mập mờ nữa.

Như ta thường gọi luân-lý là tóm hết các cách để chỉ bảo đường ăn, lối ở, cho những nhân-vật đã họp-tụ làm đoàn-thể. Nghĩa ấy có thể chỉ cho xã-hội giống vật cũng như xã-hội loài người. Cách thức giống nhau của hai loài trong trời đất, thực thiên-hình vạn-trạng. Trong các giống vật, không những là người ta chỉ thấy nó có cái thiên-tính luân-lý mà thôi đâu, chính ông Faguet nói rằng: giống vật còn có đạo-đức nữa. Những loài vật có thể quản-trị được sức hành-động của nó và phẩm-tính từng con, phẩm-tính cả đàn rất nhất định. Lòng duy-tha của nó rất mầu quảng-đại. Nếu đem những phẩm-tính ấy làm biểu-tính của luân-lý thì ta dám xét chắc rằng luân-lý của loài vật được trung-hậu lắm vậy. Nó họp thành đàn, thành tụi để che-chở cho nhau, giúp đỡ lẫn nhau, lại đặt ra những tay tuần-phòng trinh-thám, từng phen liều mình sông-pha mạo-hiểm không quản ngại. Ông Darwin kể rằng: các con quạ già lại mù, nếu không có cùng giống nó tìm kiếm miếng ăn cho thì đành chịu chết đói. Ông Lamarck lại trông thấy giống chim sẻ làm lại tổ ở cạnh có trứng ấp, khi những cái tổ này sắp bị tàn hỏng.

Những chuyện như vậy kể ra khôn xiết, vì thực còn vô-số.

Loài vật cũng có con phạm tội, cũng có con nghĩa-khí anh-hùng. Những việc tàn-bạo bất-lương thường xảy ở xã-hội người ta lại ít có ở xã hội súc-vật. Trừ ra một vài chuyện như các giống chim gáy sang tổ lạ mà đẻ trứng để tránh việc làm tổ nó, và khỏi mất công nuôi nấng lấy con. Hay là có

một vài giống có thói ác, bắt các giống sâu khác phải làm nô-lệ cho mình. Nhưng những giống vật ấy cũng chưa độc-ác bằng loài người khi chiến-tranh, và nó cũng không tâm-địa nào thâm-thiểm thay mưu đồi kế, để lừa lọc nhau từng miếng ăn.

Luân-lý của giống vật rất nghiêm-khắc. Con nào lười không chịu trông nom cần-mật, coi thường coi khinh những luật-phép đã định, thì sẽ phải bị trừ-sát hay trục-xuất ra ngay. Không phải ta nói quá, có lúc luân-lý của giống vật còn cao hơn luân-lý loài người.

Luân-lý giống vật cũng như luân-lý giống người, đều biến-hóa theo với sự khẩn-yếu tùy thời, tùy cảnh. Ví như khắp hết giống ong, không cùng tới đến cái trình-độ luân-lý như nhau cả, nếu ta có ý quan-sát thì nhận được ra rằng có một quãng đường tiến-hóa tuần-tự từ quãng đời chỉ biết bo bo ích-kỷ đến quãng đời biết công-cộng hợp-quần.

Khi nó mới bắt đầu đoàn-hợp thì những phép-tắc luân-lý còn chập-chừng bất-định; mãi đến cái trình-độ tiến-hóa cao hơn thì phép-tắc ấy nhất-định lắm. Như có loài ong rừng vốn có-độc nên dần dần mãi mới tới được cái thời-kỳ chung-đúc phiền-phức. Nhưng, loài ong mật đã tiến-hóa cao lên rồi, thì cái cảm-tình về nghĩa-vụ rất rồi-rào. Giống này thờ-kính một vị ong chúa rất hết trung hết nghĩa, có khi quyên-sinh cứu chúa nữa. Nhưng tấm lòng trung-nghĩa ấy, không phải rằng cố cưỡng bắt nó không được phản-đối lại chúa đâu, nếu chúa mà không hết nghĩa-vụ với nghiệp bá-vương, thì thần-dân tất bắt chúa phải thoái-vị. Nếu chúa không nghe lời khuyên-can của bầy tôi thì sẽ bị giết. Những lúc này là lúc rất quan-trọng cho chúng-dân, nên phải công-đồng cộng-hành mới xong.

Đối với loài ong, sống ở đời tức là làm cho trọn nghĩa-vụ, có con quên sống để mưu công-ích. Lòng hợp-quần như vậy là chỉ riêng trong một tổ với nhau thôi, đối với dân-cư tổ khác, có khi cũng chinh-chiến để cướp miếng ăn.

Trong một xã-hội loài ong, cái quan-niệm về nghĩa-vụ được ưu-mãn, nên trong một tổ không có dư một chỗ nào chứa quân lười biếng cả, có lúc hội-nghị định phải sát-phạt những loài ong dực vô-ích nằm ăn hại của xã-hội.

Những cách hành-vi như vậy, và các công-cuộc khác nữa như phải tùy thời cải-lương ma làm tổ ở, và kho tàng; nói tóm lại là có một cái bản-năng thiên-tính biết cái cách cư-xử cho hợp-thời, cùng theo một mục-đích là một cái biểu-tính cốt-yếu của sự suy-lý, làm cho nhiều nhà thông-thái tưởng rằng loài sâu bọ có trí suy-lý. Nhưng, ý ta nghĩ rằng cách suy-lý của loài vật ấy, không sao sánh với cách suy-lý người ta được.

Nếu luân-lý giống vật nhiều nỗi thật giống luân-lý người ta, là do hai cái luân-lý cùng chung một nhẽ thiên-nhiên làm gốc, là một nhẽ bao gồm hết các loài vật từ giống cao cho đến giống thấp, chớ xét trong chính-lý thì khác nhau xa.

Trong cái phạm-vi về lý-tính thì người ta khác giống vật xa lắm, nhưng, trong phạm-vi giác-lý và sinh lý, thì người với vật rưa rứa nhau mà thôi.

Cơ-quan của đời loài vật giúp cho ta biết rõ rằng: các sự cần dùng của xã-hội là cái chính nguồn sinh-sản ra luân-lý mà rất cần để luân-lý có thể sinh được.

Những điều đã kể trên này và những điều sắp kể dưới này cho ta biện-bạch phân-minh về ý-tưởng thiện-ác trong sách khác với ý-tưởng thiện-ác của các nhà luân-lý và nhà triết-học một cách đặc-biệt. Luân-lý chỉ là một điều lôi thôi khó hiểu ở trong sách thôi, vì giảng-luận trúc-trắc, chớ đem con mắt quan-sát ra chung quanh mình xem cách hành-vi của từng loài nho nhỏ, như cái kiến con ong, cho đến cách cử-động từng người, thì ta biết rõ luân-lý ngay, luân-lý dễ hiểu lắm vậy.

Luân-lý của xã-hội người ta

Cách biến-hóa và cố-định của luân-lý ấy

Luân-lý do ở sự cần-dùng trong xã-hội, thì phải đợi xem nó cùng sự cần-dùng mà biến-hóa với dân-tộc, với ngày tháng, với các hạng người trong xã-hội.

Cái quan-niệm này không phải là cái quan-niệm chung của các nhà triết-học. Ví như ông *Kant* xướng rằng: luân-lý là cái luật vật-lý bất-dịch. Ông nói:

« Luật của luân-lý là chung cả, nghĩa là cái luật ấy không những ứng-dụng cho loài người, mà cho hết cả các giống vật, cả lý-tính ».

Một vài nhà đại-tư-tưởng trái với cái thuyết ấy, có nghiệm ra rằng: phàm luân-lý phải trải bao năm biến-cải, qua mấy chủng-tộc biến-thiên; nhưng hiềm vì các nhà đó chưa tìm rõ được nguyên-nhân sao cả.

Bài tuyệt-bút của ông *Pascal* chứng rõ cuộc biến-cải cái ý-thức về đức-tính và liệt-tính theo với hoàn-cảnh và chủng-tộc. Ông nói rằng:

« Người như gần không biết cái gì là công-bằng, cái gì là bất-công, vì thời-tiết khi-hậu đã thay đổi thì công hay bất-công cũng phải thay đổi. Từ băng-cực trở lên độ ba độ, thì không còn pháp-luật-học gì nữa. Một đường chu-vi trên trái đất là mới định được cái chân-lý, chỉ giữ được trong ít năm thì những pháp-luật chính cốt lại thay đổi: luật-phát cũng có thời ».

« . . . . Đứa dan-trá, kẻ loạn-dâm, đồ giết con, quân giết cha, đứa nào trước cũng đã dự vào những công-cuộc phúc-đức cả đấy ».

(*On ne voit presque rien de juste ou d'injuste, qui ne change de qualité en changeant de climat. Trois degrés d'élevation du pôle renversent toute la jurisprudence. Un méridien décide de la vérité ; en peu d'années de possession, les lois fondamentales changent : le droit a ses époques.*

« . . . . *Le larcin, l'inceste, le meurtre des enfants et des pères, tout a eu sa place entre les actions vertueuses* ».

Cái biến-động bất thường của luân-lý như vậy, khiến cho nhà đại-tư-tưởng ngờ rằng: cách đổi trắng thay đen ấy, do ở tấm lòng bất-định người ta. Không phải vậy, cách biến-cải ấy do ở sự cần-dùng tùy theo cuộc đời nó xoay-vần đó thôi. Cái hình-án ở dân này đối với dân khác lại là một việc nghĩa. Một dân-tộc chỉ sống về sự săn-bắn, tất-nhiên phải nay đi đây, mai đi đó, khi cha mẹ chúng già rồi không theo được chúng nữa, thì chúng phải giết chết đi, hay bỏ chết một số nào. Điều cần ấy tất là cái luật chung luân-lý của chúng vậy.

Như đàm cổ một người thiếu-nữ vô-tội tên Jphigénie để cầu thần lấy trận thuận-phong lại là một luân-

lý ở đời xưa bên Hi-lạp. Một gái hai ba chồng phạt rất nặng ở các nước văn-minh, lại là một cái lệ thường ở một vài dân bèn châu Á, vì hiếm đàn-bà. Trong bài anh-hùng-ca nước Ấn-độ là Malchâharata kể rằng một thuyền-quyên mà sánh với những năm anh-hùng là con vua Pandawa.

Luân-lý quan-hệ mật-thiết đến tính-cách xã-hội ; mỗi dân-tộc đều phải có một cái luân-lý riêng hợp với trình-độ tiến-hóa của dân-tộc ấy, rất khó hiểu cho các dân-tộc đã qua cái trình-độ tiến-hóa ấy. Như dân An-nam xưa hễ ai giết người, thì tội lây ra anh em, cha mẹ, họ hàng cả đến làn-bàng láng sóm nữa.

Cái quan-niệm ấy người ta đã từng nhận rằng : cái tâm-hồn của cá-nhân xưa không sao thoát-ly ra khỏi được cái tâm-hồn nhân-chủng, nên toàn cả một đẳng chỉ chung mảnh lương-tâm, thành ra họ chỉ có cái quyền công-cộng mà không có quyền từng người. Luân-lý không phải chỉ do ở sự cần-dùng trong xã-hội, còn tinh-tình nữa. Không có thể giữ một lối cư-xử mà đem ra đối trong các thời. Thời nào kỷ-cương ấy.

Luân-lý thay đổi khác nhau không những ở dị-chủng, mà thay đổi cả ở đồng-chủng nữa. Cái biến-đổi ấy hơi chậm trễ vì tính-tình tiến-hóa chóng hơn trí-thức, thế mà cũng trông thấy đấy. Nay ta không còn thấy dân nào đốt sống tù-binh hay là khoét mắt bẻ răng như xưa nữa. Tục *mãi-nô* đã tuyệt hẳn đi rồi.

Tuy luân-lý biến đổi nay đời này, mai đời khác, qua dân nọ sang dân kia, mà ta không có thể kết rằng : luân-lý không được nhất-định bao giờ. Cũng có một thời-kỳ lâu dài, luân-lý vẫn đứng nguyên không hề suy-chuyển. *(Còn nữa)*

Phùng-Bảo-Thạch *thuật*

BÀN VỀ VẬN-VĂN VÀ TẢN-VĂN

(Tiếp theo)

2. — Ca Từ

Mục này nói những bài có thể hát được. Xin chia ra làm hai đoạn : đoạn nhất nói về huyền-ca-điệu, đoạn nhì nói về ca-điệu.

1°) Huyền-ca-điệu *(poésie lyrique)* là điệu vận-văn xếp đặt thế nào cho có thể hát được mà vừa hát vừa gẩy đàn, kéo nhị, thổi sáo cùng âm tiếng vào điệu ấy như hát lý, hát á-đào vậy.

2°) Ca-điệu là điệu vận-vần làm để hát như hát trống-quân hát quan-họ, hát đỏ-đưa, ru em, cấy mạ, hái dâu vân vân.

1. — Huyền-ca-điệu

1°) Huyền ca-điệu tây. — Có 4 thể là : tráng-khúc *(ode)*, bi-khúc *(élégie)* ám-xướng-khúc *(cantate)* và hợp-xướng-khúc *(chœur)*.

Nhân xin giải mỗi thứ sơ-lược ít câu, mong rằng có người đồng-chí đem điệu tây ép vào văn ta, cũng thêm điệu cho văn ta được ít nhiều, xem như bài quốc-ca *(la Marseillaise)* làm tiếng ta hát nghe cũng đã được, lại các bài lý Xiêm-thành đã nhập-tịch vào tiếng ta thời đủ chứng rằng hi-vọng thế không phải là quá đáng. Vả các bài hát ta phần nhiều là giọng u-uất, thiết-tha, áo-não, khiến người sinh cảm mà sinh sầu, chứ *không được mấy bài làm cho lòng người phấn-chấn* như văn tây.

Thời-buổi này là thời-buổi cạnh-tranh, ưu-thắng liệt-bại, mà muốn ưu thời trong người phải cho vui-vẻ, người đã vui-vẻ thì lanh-lẹn, linh-hoạt, sẽ hết sức hăm-hở nhiệt-thành với công việc mình ; còn người ủ-rột u-sầu thời chí không được khoát-đạt, chí không được khoát-đạt thì còn làm nên công việc gì ? (không kể buồn sinh yếu người nữa). Tội gì mà ôm não trác sầu ?!

Lại còn một điều này nữa là các bài hát, bài đàn ta không có dấu (*note*). Bởi ba cớ ấy nên tôi kể ít điều về huyền-ca-điệu tây, không phải là ra ngoài đầu-đề quá.

Huyền-ca-điệu tây có 4 khúc :

a) Tráng khúc *(ode)* là khúc làm cho vui ý, cao điệu, đẹp câu, hát lên nghe êm-ái, vui-vẻ, hòa-nhã, như bài Hoa-hồng đã đăng ở trên, và bài « *Promenade dans les Rochers* » của cụ **Victor Hugo** như sau này :

Dieu ! que les monts sont beaux avec ces taches d'ombre,
Que la mer a de grâce et le ciel de clarté.
De mes jours passagers que m'importe le nombre !
Je touche l'infini, je vois l'éternité.
Orages ! passions ! Taisez vous dans mon âme !
Jamais si près de Dieu mon cœur n'a pénétré.
Le couchant me regarde avec ses yeux de flamme,
La vaste mer me parle, et je me sens sacré
Bénit soit qui me hait et bénit soit qui m'aime !
A l'amour, à l'esprit donnons tous nos instants.
Fou qui poursuit la gloire ou qui creuse un problème !
Moi je ne veux qu'aimer, car j'ai si peu de temps !
L'étoile sort des flots où le soleil se noie,
Le nid chante ; la vague à mes pieds retentit,
Dans toute sa splendeur le soleil se déploie.
Mon Dieu, que l'âme est grand et que l'homme est petit !
Tous les objets créés, feu qui luit, mer qui tremble,
Ne savent qu'à demi le grand nom du Très-Haut.
Ils jettent vaguement des sons que seul j'assemble,
Chacune dit sa syllabe, et moi je dis le mot.
Ma voix s'élève aux cieux, comme la tienne, abîme ;
Mer, je rêve avec toi ! monts, je prie avec vous !
La nature est l'encens, pur éternel, sublime ;
Moi je suis l'encensoir intelligent et doux.

Dịch-văn sẽ đăng vào chương « *Các nhà thi-sĩ ở nước ta* » ở cuối bài này để so sánh hai thứ văn xem đằng nào tư-tưởng rồi-rào hơn.

Tráng-khúc có bốn lối là : khúc « thánh-ca » (*ode sacré ou hymne*) để chầu các vị thánh ; khúc « anh hùng » (*ode héroïque ou pintarique*) để xưng-tụng các đấng anh-hùng ; khúc « triết học » (*ode philosophique*) như cách-ngôn, giáo-huấn, và « hỉ-khúc » (*ode badine ou anacréontique*) để tả những cái tư-tưởng êm-đềm, vui-vẻ, nhẹ-nhàng, lý-thú.

B) Bi-khúc (*élégie*) là khúc hát bi-ai thảm-đát như bài « *người ốm* »

của *Millevoye* trích một đoạn như sau này :

Triste et mourant, à son aurore,
Un jeune malade à pas lents,
Parcourait une fois encore,
Le bois cher à ses premiers ans,
« Bois que j'aime ! Adieu ! Je succombe,
Votre deuil me prédit mon sort,
Et dans chaque feuille qui tombe,
Je vois un présage de mort.

Nghĩa là « ... Thiếu-niên bệnh-nhân trông u-sầu ủ-rột, có vẻ sắp chán cõi trần mà về âm-thế, đương đi lò-dò bước một vào trong rừng một lần sau cùng nữa. Rừng là nơi khi thiếu-niên còn nhỏ hay thích tới đấy. Thiếu-niên nói :

« Hỡi rừng rất yêu-dương của ta ơi ! Cành ngươi trơ-trụi đã báo trước cho ta biết rằng số ta đã mãn, và mỗi cái lá của ngươi rụng xuống là ta biết điềm : mệnh ta đã tuyệt. Vậy ta từ-giã ngươi ! Ta tịch ! ... »

Những khúc thuộc về lối này thuần giọng bi-ai, áo-não cả. Bài « *Mùa-thu* » của *Lamartine* tiên-sinh dịch đăng chương sau cùng, cũng thuộc về lối ấy.

C) Âm-xướng-khúc (*cantate*) là khúc dùng trong âm-nhạc như khúc « *Mùa xuân* » (*le printemps*) in sau đây là thuộc về lối ấy.

D) Hợp-xướng-khúc (*chœurs*) là khúc nhiều người cùng hát cùng múa cùng nhẩy một lúc. Thí-dụ như những khúc trong kịch *Esther* và *Athalie* của *Racine* tiên-sinh vậy.

Nhạc tây có bảy bực là (*do, ré, mi, fa, sol, la, si*) cũng như đàn tì ta có bảy cung là (*hồ, xự, xừ, sang, sề, cống, phàng*).

Các bài hát tây và âm-nhạc tây có dùng dấu, dùng hiệu (*notes*) cứ theo đấy mà hát, mà họa vào nhạc rất tiện.

Các bài hát ta và âm-nhạc ta, không có thể, nên khi học rất khó vì không biết tiếng nào dài bao nhiêu, ngắn bao nhiêu, đã đành rằng mỗi cung mỗi bực có một tiếng riêng, ấn vào cung ấy bực ấy thì nẩy ra tiếng ấy, nhưng nhanh chậm không nhất định, vậy phát ra cái tư-tưởng rằng các bài đàn hát ta cũng nên có dấu hiệu (*notes*). Vậy xin kể lược mấy điều về các dấu (1).

Các dấu thường đặt trên các giòng (*lignes*) và các ô (*interlignes*).

Có 4 giòng và 3 ô, mỗi giòng mỗi ô có tên riêng, khi đặt dấu vào giòng nào hay ô nào thời dấu ấy lấy tên giòng ấy hay ô ấy. Mỗi dấu có hai giọng : giọng cao và giọng thấp. Giọng cao đặt trên, giọng thấp đặt dưới.

Như là :

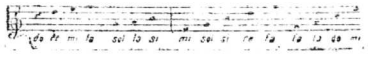

Trên dưới mấy giòng này lại kể thêm vài giòng nữa phụ tiếng cao thấp. Mỗi tiếng khi đặt vào giòng nào ô nào thời thành tiếng giòng ấy ô ấy, nhưng vì còn đọc lâu chóng nên lại phải có hình riêng, như dấu tròn (*ronde*) bằng hai dấu trắng (*blanche*), dấu trắng bằng hai dấu đen (*noire*), dấu đen bằng hai dấu móc (*croche*), dấu móc bằng hai dấu móc kép (*double croche*), dấu móc kép bằng hai dấu móc ba (*triple croche*), dấu móc ba bằng hai dấu móc tư (*quadruple croche*).

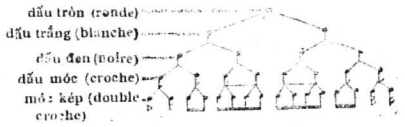

(1) Đây là kể sơ-lược vài điều chính thôi, chứ nếu muốn kỹ, thì ít ra cũng phải đến một quyển sách năm sáu mươi trang. Sau này nếu có dịp tốt, tôi sẽ xin có bài riêng về âm nhạc. (N. U.)

Trong bài hát có chỗ nghỉ. Chỗ nghỉ phải thay dấu khác vào, nhưng cũng có chỗ nghỉ lâu nghỉ chóng, cho nên mỗi thứ lại có dấu riêng, như là :

Mỗi « thổ » (*pause*) bằng hai « bán-thổ » (*demi-pause*) mỗi « bán-thổ » bằng hai « tức » (*soupir*), mỗi « tức » bằng hai « bán-tức » (*demi-soupir*) v. v.

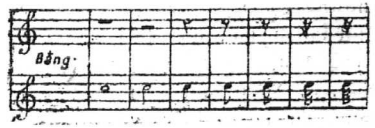

Thí dụ bài « Mùa xuân » (*Le Printemps*) in sau này :

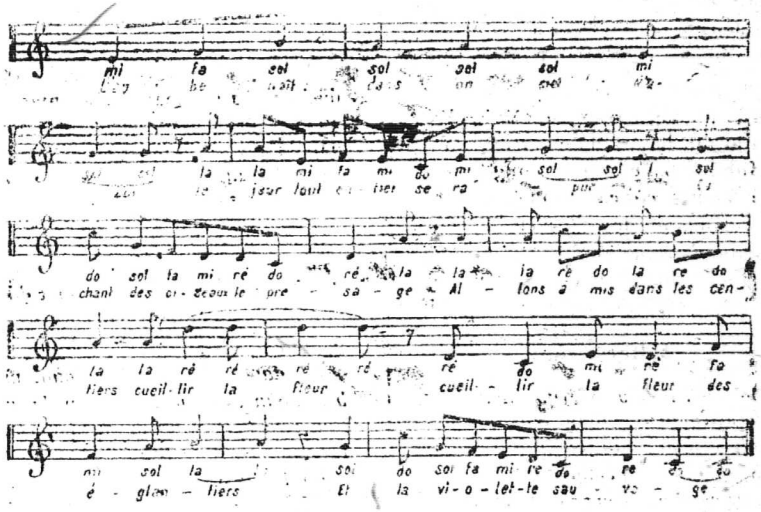

L'aube nait dans un ciel d'azur,
Le jour tout entier sera pur.
Le chant des oiseaux le présage,
Allons, amis, dans les sentiers.
Cueillir la fleur, cueillir la fleur des églantiers,
Et la violette sauvage.

(Saulière)

Các khúc hát ta, giá cũng làm thành bài thành bản như thế thời người mới học hát, học đàn, học sáo v. v. chắc cũng dễ được vài phần, mong rằng có nhà lưu-ý đến cho.

Thôi, xin nói tiếp đến đoạn huyền-ca-điệu, kẻo sợ ra ngoài đầu đề quá.

2°) Huyền-ca-điệu ta. Xin tạm chia ra làm 4 lối :

A) Xiêm-thành ca-điệu,
B) Đào-nương ca-điệu,
C) Từ-khúc,
D) Chầu văn.

A) Xiêm-thành ca-điệu

Gọi thế là vì những điệu hát ấy từ Xiêm-thành nhập-tịch vào văn ta, ta thường gọi là hát-lý vậy. Hát-lý có nhiều điệu lắm, mỗi điệu lại có tên riêng, như là: Hành-vân, Nam-thương, Nam-ai, Nam-bình, Kim-tiền, Lưu-thủy, Tứ-đại-cảnh, v. v.

Các bài ấy soạn ra từ xưa đến nay phải nhiều bài có giọng dâm-tình, hát lên hình như gợi cái dâm-tình của thiếu-niên nam nữ. Đó là một điều đáng tiếc vậy.

Tuy nhiên, những bài tôi in làm thí-dụ sau này là đã chọn kỹ-lưỡng lấy những bài có văn-chương lý-thú, chứ không có cái giọng phù-hoa dâm-đãng, xin độc-giả biết thế cho, và ước ao rằng các nhà thi-sĩ mới cũng biểu-đồng-tình mà soạn những bài không đến nỗi hại gì cho người.

1. Hành-vân

A). Nghiệp phong-trần, nghiệp phong-trần, kén mặt tài-nhân. Sầu ôm gối, gối chiếc đêm xuân, chăn đơn sương lạnh, ngùi thương bóng đôi mình, đem tâm sự cùng ai, trông ngọn đèn canh tàn hiu hắt. Người trong mộng, niềm nguyện mong, giục sui lòng, rỡ-ràng đôi lứa phụng, thành song, thành song. Mừng tạo-hóa chắp mối tơ hồng. Tình giấc cô-phòng, dậy thành không, thành không. Sự sắt cầm chiêm bao thành không. Cô-phòng u-uất, ấy ai là bạn tri-âm !

(Nguyễn-Khắc-Hiếu

Điệu Hành-vân này, không những lấy tiếng ta ép vào hát được, lại lấy cả tiếng tây ép vào cũng hát được nữa.

Mấy năm trước, nhân nghỉ *va-căng*, có người làm rằng:

B). Chers enfants, chers enfants. Vous êtes de jeunes gens, travaillez et rappelez-vous que le temps qui passe, marche vite, et ne se retrouve jamais, quand on veut qu'il se rattrape. Arbres qui poussent, sources qui coulent, pierres qui roulent marquent que le temps qui s'écoule, s'écoule. Un jour fuit, une bourse pleine d'or de notre trésor finira, alors, alors. Tout autre bien ira encore. Nous ne devrons pas perdre ce riche trésor.

Bài này có người đọc cho tôi nghe đã lâu nên chỉ mang-máng nhớ thế, mà không chắc có phải thế không, vậy có sai chỗ nào xin tác-giả cải-chính lại cho.

A) Tựa bên lầu, tựa bên lầu, nghĩ ngợi chừ lâu. Bừng trông (chiếc) chiếc bóng giăng thâu, cung mây đoạn nguyệt, trời cao ngất, chữ đồng-tâm ghi tạc cùng ai ; giục tấc lòng mơ màng chờ đợi.

Bồ-giang hàn, Bồ-thủy loan, mây bèn ngàn trông vừa che rợp, lại vừa tan, vừa tan. Sầu ôm gối, bối rối tơ tình, nghe trống bên thành giục tàn canh, tàn canh. Một ngọn đèn trông lâu mờ xanh, bên tường sao-sác, biết ai cùng ngâm khúc thôi-minh.

(Trịnh-Đình-Rư)

2. Nam-thương

Tri-âm cách nẻo phương trời, ai người nhủ hộ. Gió đông trệnh rèm tây, đưa gửi mấy câu. Ai say ngủ một mình đâu, giấc mồng chẳng hử tìm nhau.

Xa mấy dặm ngàn dâu, nghe nhạn sầu thêm sầu.

Song thưa gió thoảng bên màn, ôm đàn tưởng vọng. Bóng trăng lại kẻ hiên, luống những dón tin.

Thôi chỉ nói mơ mòng, tiếng thần-phong, nhắc gọi trời đông ; cái oanh (cái oanh) vàng, mi đâu lại trêu ai, nhẫn chi đặng đôi lời. Tương-tư trọng, chẻ nhường khan giọng.

Ai biết nỗi sầu manh : nguyện đưa mình, lên hỏi trời xanh : sao ông nguyệt-lão mãn-thinh ? Năm-canh mối-tình.

(Nguyễn-Khắc-Hiếu)

* * *

B) Thương thay thân phận má đào, má đào mày liễu, mắt liếc làn thu, tóc dủ mái mây, chi trách chuyện hồng-quần ! sót mình thơ-thẩn một thân. Bâng-khuâng dạ hoài-xuân. Trạnh sầu ngần vò ngần. Đêm khuya vương-vấn mối tình, một mình trằn-trọc. Sân ngọc thềm hoa, những tưởng những tư, giăng soi canh chì. Gốc trà mi, tựa gốc trà mi. Thâm nguyện tương kỳ. Mối tình si, luống mong gặp thì. Song thương bạn, tình dầu sông cạn. Ôi ! tức bực thay ! Anh-hùng đâu bỗng đến đây ? Thôi thôi, thực là may. Vinh-hoa phen này.

* * *

C) Đêm đông gió thổi, tay đờn, mơ màng tình-tự, gối loan dựa mình nghiêng, tơ tưởng những đâu, ngâm tiêu-khiển một vài câu, khúc đờn tri kỷ cùng nhau, với chén rượu đông châu, để mà sầu tiêu sầu. Canh khuya gió lọt trăng thềm, mây rèm, bóng tỏ rạng, khi giấc tỉnh lúc hồn mê, đắm những say-sưa, xa nghe tiếng chuông vàng, ni núi hàn-san, khốn thở than, nên chi tôi băng ngàn, song thương bạn tình dầu sông cạn. Vì duyên nợ đôi ta, ai làm hai ngả cách xa, này hai ngả cách xa, nhớ thương thêm càng.

* * *

D) Ra đi góc biển, chân trời sa vòi vọi, nay nghe vượn hót chim kêu, trong dạ héo-don, cách ngàn dặm núi non, vái cùng trời xin phù hộ chồng con, xin tạc tấm lòng son, cho đặng tròn vuông tròn. Lương-duyên do bởi tơ hồng, tơ hồng trời định, nay mợ đặng gặp con, khuya sớm hôm mai, Tây-xuyên bằng vời, đã gần nơi, nàng đã gần nơi, cảm ơn trời, duyên nợ vừa đôi, thương nhau lâu giài, song thương bạn tình dầu sông cạn. Non sông nọ láng-lai, lui về quê cũ hôm mai, lo lập-nghiệp sanh-nhai, trăm năm lâu dài.

4. — Nam Bình

A) Trao con lại cho anh, thẩm hỏi trời, sự-tình đây với đó, gặp gỡ nhau chi, cho thêm phiền, em lại thêm phiền, biết nhau chưa đặng bao lâu, sui chàng đắm sắc, về rứt ngãi vợ sao cho đành, kiếp ba sanh chung tình, ai đem buộc cho mình, thương nhau chưa đặng bao lâu, tình còn thương nhớ người sao đành, nghĩ chuyện đời nợ ra ri, cách biệt ly, tình-tự đã ra ri, câu nắn nỉ làm chi, an tâm cho em về.

* * *

B) Song ôm dạ tơ lang, theo với nàng những lời giao-ước, lụy rỏ chứa chan, năm canh tròn, sui trong dạ nhớ mòn, giấc không an, sui trong dạ bàng-hoàng, mơ-màng những thấy, thấy chiêm bao mơ-màng những thấy, trông tưởng bên màn. Đau-đớn thay trong lòng, vì chưa hiệp loan phòng, cùng với bạn thề-nguyện non sông, chàng với thiếp giao duyên sắt cầm, ông tơ hồng se giây, cho đôi bạn, bạn tình dầu sông cạn, dạ cưu mang, lụy rỏ tuôn rơi, xin cho đẹp lứa đôi, năm canh mơ màng.

5. — Kim-tiền

A) Đưa tin đợi chim xanh, lúc nhắn nhe tâm-sự đôi mình, sui yến thương

cùng oanh, đêm năm canh thấy nhau từng khi khi dỗ, khi khi dành, duyên em đó cùng anh, dốc nguyền ba sanh duyên ba sanh cùng bạn là bạn đôi mình rằng tình chung tình chung. Chỉ nước thề non, chung tình chỉ nước thề non, chén son xin còn tạc dạ rằng nguyện nước non, chén son xin còn tạc dạ.

***

6. — Lưu-thủy

A) Từ ngày, từ ngày gặp nhau, trao nhời hẹn cho vẹn lòng thau. Giây tơ mành se chập lấy nhau, giây không dăng, đem tình thương nhớ, cầm thương người ngậm ngùi ba thu, xa cách nhau đêm nằm trông thấy là thấy chiêm-bao, biết bao lại vấn vương bên mình, mình giật mình, giật mình đòi cơn. Biết bao lai quan-sơn mọi đường, tình tình thương, tơ vương mọi đường, xin cho trọn, cho vẹn cương-thường, ai đơn bạc, thì mặc lòng ai, xin cùng bạn, cùng bạn trúc mai, trăm năm lâu giải.

7. — Tứ-dại-cảnh

A) Cơn phong-trần, tay khí-vũ, nay mới tỏ, mới tỏ tài-tình. Thôi đã thực gặp buổi danh dương danh. Ngắm giời xanh, mở hội hoàn-doanh, bày cuộc đua ganh, xui nên chuyện, vang châu-huyện, lắm chuyện kỳ thay! Ai là kẻ kịch-liệt ra tay? Nay mừng thay cờ mở gió bay, trống động giời lay. Trông ra rạng, ngay ngay trang, chức trọng quyền cao. Nghiêng giời bể lừng lẫy xiết bao? Xưa phỉ nguyền, giầy ước mai ao, ngày khát đêm khao! Người người đâu, tung-hoành thế, mới biết tay anh hùng, luống những hòng tượng bể bao dong, phận liễu đoài trông. Lòng lòng mong, ơn đầm thắm có xong, có xong chăng là. Mưa sa chùm hoa, sân ngọc, rườm rạp, rườm rạp xuân thêm xuân. Tương-quân mấy phân chung tình? Xin nhớ đến có ngần ấy chuyện, xin ghi tạc lấy từng ấy câu.

***

B) Xa sôi mà tình chưa tỏ, chưa có tỏ, có tỏ chân-tình, chút nhời hẹn thề nguyện sinh ba sinh. Trách nhân-tình, giời bắt quẳng, ra gì mà ôm áo ra đi. Lưu sinh lạc, lưu sinh lạc, giây-giác thân chi thân, nợ phong-trần, tranh sao cho khỏi hóa-công, kéo cùng ông, cho thấu đến giời xanh, để giả nợ ba sanh; bình bình mình, chim chú canh không dám bay thì, mà than thở bẻo mây: Giời giời ơi, giời giời ơi, có thấu, có thấu hồng-nhan, đa-đoan nhiều bề. Ủ-ê ủ-ê má hồng đoạn-tràng cho cân, giao đoan giao đoan mấy lần, cho vẹn đạo tấn tần hòa hợp, cho vẹn đạo cương thường hòa đôi.

***

C) Hoa đua cười, hoa đua nở, hoa đua nở hớn hở xuân tình, mong tình đợm mầu nhuộm tươi thêm tươi, bởi vì ai mà hồng nhạt vàng phai, giọt xương tuyết hơi hơi? Sơ sác đào, khô vóc liễu, lựu hà bông đơm bông, giây tơ hồng, vấn vít không trên không: nắng càng sông, lòng vàng ngọc nẫu nung, thêm những nhớ gió đông! Ve kêu sầu, quyên gióng-giả, ngao-ngán dạ từng cơn. Giăng thu đã thấp thoáng quang giời quang: nhạn bắc rầy đã lại bay sang, ngân-hà bắc cầu ngang. Dở dở dang, kia Chức-nữ Ngưu-lang, cháu chan hai hàng. Đêm đông tràng để giục canh khuya, hồn bướm những dè-mê. Buồn buồn tẻ, thêm ủ-ê, mong ai nhắn nhe cho mình mà hay, gỡ dặng gỡ dặng duyên tơ duyên, tơ duyên mối này. Ngày xuân nọ vẫn còn dài lâu, xuân xanh nọ vẫn còn cùng nhau.

(Bài này là của ông Mân-châu Nguyễn-Mạnh-Bổng mới soạn)

B) Đào-nương ca điệu. — Là các điệu hát của ả-đào. Có nhiều điệu, nhưng thông-dụng nhất là điệu hát nói.

1) Hát nói. — Hát nói thường có 4 câu mưỡu đặt trên, theo lối lục-bát như là :

Mưỡu :

Trăm năm ai chẳng bạc đầu,
Mười điều ai có hay đâu cả mười.
Trông giăng giăng khéo nực cười,
Nhìn hoa hoa cũng lắm lời thế ư?

Nói :

Ngồi mà nghĩ mấy năm về trước, chẳng dại nào giống cái dại nào. Khi giật mình tưởng giấc chiêm-bao, thế mới biết ước ao là chuyện lắng. Con tạo khéo trêu người không chán, chỉ sui nhau cái dại vô chừng. Chơi cho phờ râu, cho chớn mắt, cho long giải yếm, cho trụt giây lưng, còn tham tiếc lăn lưng vào cuộc dại. Thôi thôi chớ từ đây dại mãi, chữ đa-tình là cái vô-tình. Gặp nhau ta thử làm thinh!

Mưỡu tuy đặt thế, nhưng khi hát câu sáu tiếng, người hát hát 4 tiếng trước, rồi lại bắt xuống hát luôn cả 6 tiếng sau. Như 4 câu trên này thời hát:

Ai chẳng bạc đầu,
Trăm năm ai chẳng bạc đầu.
Mười điều ai có hay đâu cả mười.
Trăng khéo nực cười,
Trông trăng trăng khéo nực cười,
Nhìn hoa hoa cũng lắm lời thế ư?

Hát nói thường có 11 câu thời cách dàn-ý cũng tựa như thơ Đường, nghĩa là cũng có phá-đề, thừa-đề, thiết-thực bàn-luận và tổng-kết, chia ra như sau này:

Phá câu I và II
Thừa » III và IV
Thực câu V và VI
Luận » VII, VIII, IX và X
Kết » XI.

Tuy-nhiên, cũng có bài dài tới 15, 17, 19 câu, nhưng cũng là dư-ý mấy câu thực và luận cả.

Thí-dụ như bài : « **Chèo thuyền chơi giăng** ».

Phá I. — *Trải chiếu giời vừa cơn ban tối,*
II. — *Dừng vó câu mới gọi thằng đồng.*
Thừa III. — *Thơ ngâm rồi sườn núi đứng thung-dung,*
IV. — *Thuyền khách bạc bến sông chèo bắt bộ,*
Thực V. — *Bình-kiều nhân hoàn độ,*
VI. — *Sanh-xuất tiều-chu lai.*
Luận VII. — *Gió thanh chèo quế khoan bơi,*
VIII. — *Vì tiệc hứng giang-sơn phong-nguyệt.*
IX. — *Trăng leo lẻo trời xanh nước biếc,*
X. — *Gió hưu-hưu mặt nước trắng phau-phau.*
Kết XI. — *Thảnh thơi thơ túi rượu bầu.*

Câu phá nói khai-mào cuộc đi chơi thuyền dưới giăng rằng: bấy giờ giời đã tối mới dừng ngựa gọi thằng đồng.

Câu thừa nhân còn dư-ý câu phá, nói tiếp luôn rằng: ngâm thơ rồi ung-dung đứng trên sườn núi, thời thấy bến sông con thuyền khách lơ-lửng.

Câu thực là hai câu ngũ-ngôn cổ-phong đi gióng với nhau, tả ý chính trong bài nói thấy thuyền thời đứng trên cầu gọi đến chở, tức-khắc thuyền đến. . . . . .

Câu luận nhân thừa-ý câu thực, mới luận đến cuộc chơi thuyền dưới giăng ấy nói: bấy giờ gió thổi hiu-hiu, trăng trong leo-lẻo, giời xanh

nước biếc, phong-cảnh hữu-tình, mà con thuyền khoan-khoan chèo quế.

Câu kết tổng-kết cả ý mấy câu trên nói cảnh mình trước gió, dưới giăng, con thuyền đủng đỉnh cùng bầu rượu, túi thơ, rất là thảnh-thơi vậy.

Ấy cách đàn ý trong bài là thế, còn cách đặt câu thời không phải theo luật bằng trắc, cũng không phải nhất định mỗi câu là mấy chữ, quý-hồ đọc cho suôi, điệu cho cao, lời cho đẹp, ý cho nhã, là được, nhưng thường thời :

Câu I, bốn chữ.

Câu II, tám chữ (chữ cuối câu trên vận trắc, vần xuống chữ thứ 5 câu dưới, mà câu dưới hoán sang vận bằng).

Câu III và IV, dùng 7 hay tám chữ.

Câu V và VI dùng 5 hàng 7 chữ nho đi giông với nhau (lại hoán sang vần trắc).

Câu VII, sáu chữ (hay 8).

Câu VIII, tám chữ (hoán điệu sang vần trắc).

Câu IX và X, 7 chữ (đổi sang vần bằng).

Câu XI, 6 chữ.

Như bài « **Gặp cô-dâu cũ** »

Hồng-hồng, Tuyết-tuyết. (4 chữ)
Mới ngày nào chưa biết cái chi chi. . . . . (8 »)
Mười lăm năm thấm-thoắt có ra gì. . . . . . (8 »)
Ngoảnh mặt lại đã tới kỳ tơ-liễu . . . . . (8 »)
Ngã lăng-du thời khanh thượng thiếu. . . . (7 »)
Khanh kim hửa-giá ngã thành ông. . . . . (7 »)
Cười cười nói nói tương phùng . . . . . (6 »)
Mà bạch-phát với hồng-nhan chừng ái-ngại. . (8 »)
Riêng một thú thanh-sơn đi lại. . . . . . (7 chữ)
Khéo ngây-ngây dại-dại với tình . . . . . (7 »)
Đàn ai một tiếng dương-tranh . . . . . (6 »)

Bài « **Cảnh Tây-hồ** »

Thuyền lan nhẻ nhẹ,
Một con chèo đủng-đỉnh giạo hồ Tây.
Sắc rập-rờn sắc nước lẫn chèo mây,
Bát-ngát để ghẹo người du-lãm,
Yên-thủy tự-sinh vô hạn cảm.
Thu-phong hồi-thủ mối thương-tâm.
Rượu tưng bầu mong mỏi bạn tri-âm
Xuân vắng-vẻ biết cùng ai ngâm-họa
Gió hây-hẩy nức mùi hương sạ.
Nhác trông lên vách phấn đôi bài,
Thơ ai, xin hỏi một bài ?

Bài « cảnh thu »

Bể thu lai-láng,
Nước ngniêng trời tho lơ bóng chiều [hôm
Muốn làn la hoa có đợi ngàn,
Non đoài đã chênh vừng nguyệt dãi,
Nhác trông thấy thuyền ngư bỏ lái.
Lênh-đênh mặt nước cảnh buồn giang,
Cá đớp sao mặt nước thung-thăng,
Ve hót gió sườn non bát ngát,
Chiều thu nọ cỗi cây lác-đác.
Nồng-nã thay người hắt-giác thiên-nhai
Lửng-lơ mấy tiếng khoan thai.

Bài dài ngoài 11 câu như bài :

« Hương Sơn »

Bầu giời cảnh bụt,
Thú Hương-sơn ao-ước bấy lâu nay !
Kìa non-non nước-nước mây-mây,
Đệ-nhất-động hỏi rằng đây chăng phải?
Thủ-thỉ rừng mai chim cúng trái,
Lửng-lờ khe nước cá nghe kinh.
Thoảng bên tai một tiếng chầy kình
Khách tang-hải giật mình trong giấc [mộng,
Này suối Giải-oan, này chùa Cửa-võng
Này am Phật-tích, này động Tuyết-kình
Nhác trông lên ai khéo họa hình.
Đá ngũ sắc long-lanh như gấm dệt,
Thăm-thẳm một hang lồng bóng nguyệt
Gập-ghềnh mấy lối uốn thang mây,
Ỷ giang-sơn còn đợi ai đây ?
Hay tạo-hóa khéo ra tay xếp đặt ?
Lần tràng hạt niệm Nam-vô-phật.
Cảnh từ-bi công-đức biết bao,
Càng trông phong-cảnh càng yêu.

Có khi mới hai câu đầu đã đặt hai câu chữ như bài :

Trung-thu vọng-nguyệt

Trung-thu vân tĩnh xuất thương-hải, bán dạ lộ hàn đương bích-thiên. Vẻ thanh soi biết mấy dặm nghìn, đâu là chẳng xem vừng nương bóng. Kim dạ nguyệt minh nhân tận vọng, bất tri thu-tứ tại thùy-gia Sẵn giang-sơn hứng thích mặc lân-la, xin chớ để giăng thanh cười khách tục. Tửu nhất hồ, cầm nhất trương, ca nhất khúc, hứng nam-lâu ai có thua ai ? Biết giăng hãy nói giăng chơi.

Ông Nguyễn-Công-Kiêm là phán-sự tòa-sứ tỉnh Thái-Bình, khi còn cùng tôi ngồi trong nhà trường có cho xem một bài hát của tôn-nghiêm đường (1), lúc ở Hải-dương đổi về Kiến-An, soạn gửi cho ông bạn, và một bài của ông bạn đáp lại. Hai bài tôi còn giữ được, xin đăng sau đây một bài :

Sơn đầu ẩn-ước tàng-vân nguyệt. Giang thượng qui-lai mãn-tải thuyền. Hội trùng-phùng tinh đốt đầy niên, cuộc tan hợp gây nên thêm bứt rứt, Cuối giòng Hàn-thủy giăng tìm khách, trên đỉnh Yên-sơn bạn nhớ người. Nào những khi cầm thơ, khi phong nguyệt, lúc trò-chuyện, lúc vui-chơi. Yên-hà thú tưởng mười mươi mai-lạc mãi, vàng nhuộm lần gió tung cát bãi. Kia, Sông-Hàn Lạch-trẩy ngại lòng ai, Còn non còn nước, còn giài.

(*Còn nữa*) NGUYỄN-ỨNG

(1. Vật đổi, sao rời, cụ năm 1920, đã tịch tại tỉnh Kiến-An. Nhân giở tập giấy cũ thấy bút-tích còn ghi, mà tấm lòng sinh vô-hạn cảm, nên lúc đăng đã ghi lời người cố-nhân, ông Nguyễn-Công-Kiêm chắc cũng lượng biết cái bụng thành của người bạn vậy.

KHẢO-CỨU NGHỀ BUÔN

(Tiếp theo và hết)

Bàn về cái nguyên-lý dùng người.

Ông Cách-luân-vi-bột-ty (Glene Webster) là người kinh-nghiệm rất nhiều về việc quản lý nhà công-sự, có nói mấy cách đối-đãi những người làm như sau này :

1. Cắt việc cho người làm, nên xét tính-tình người mà cho những việc được thích-hợp.

2. Nên khiến những người làm được biết rõ chức-sự của mình thế nào? Và những việc gì chuyên-trách ở người nào?

3. Nên dùng cách tưởng-thưởng để tỏ lòng biết công khó nhọc của những người làm.

4. Trong khi làm việc, thường nên khiến cho những người làm việc được sự an-thích ở trong tinh-thần.

Ngoài ra nữa, người kinh-lý nên tìm cách cho người làm giữ được vệ-sinh, chăm đi làm việc và có lòng nhiệt-thành về sự công-ích nữa.

Cắt việc làm cho được thích-hợp cùng tính-tình người làm, điều đó thực là đầu cái nguyên-lý dùng người. Vì tính-chất của người đời, thường khéo việc nọ tất vụng việc kia, không ai là toàn khéo cả được, nên người kinh-lý phải kỹ xét tài-năng và tính-tình của người làm mà dùng được thích-hợp, thì cái đạo dùng người kể là được quá nửa rồi. Thường thấy nhiều người có tài làm thư-ký được mà giữ sổ không nên, sau đổi cho làm người bán hàng và thông-tin, cực là nhanh nhẹn đắc-lực lắm. Đó là vì tính người ấy không chịu câu-thúc được. Lại khi có người dùng để bán hàng cùng giữ việc quảng-cáo thì không làm được, mà dùng cho giữ sổ lại tinh-tường và chắc-chắn. Như thế thì dùng người mà trái tính, việc tất không nên, dùng người không lượng tài, việc tất cũng không nên. Người kinh-lý phải xét kỹ những chỗ bất-tương-nghi mà liệu xếp đặt sao cho thích-hợp cả mới được.

Khi những người làm không làm được việc mà đến phải loại ra, người kinh-lý nên xét lại xem hoặc có thể dùng được việc khác, thì đổi việc cho người ta. Vì nếu đổi một người làm mới, thì cho rằng những chức-sự tầm thường cũng phải tổn-phí nhiều, nếu muốn cho khỏi sự tổn phí ấy, người kinh-lý phải xét những tài-năng tư-cách và tính-tình của những người làm mà liệu thay đổi cho đắc-nghi, thì thường khi được sự kết-quả hoàn-toàn mà công-ty cũng nhờ đó bớt được nhiều phí-tổn.

Về sự dáng-chức những người làm

Người kinh-lý thấy ở trong công-ty có chỗ bất-tương-nghi, như có muốn đổi thay, phải chú-ý xem những người làm ấy trước làm việc gì mà liệu xếp cho chức-vị cũng được như trước, đừng để đến nỗi thấp kém. Nếu để thấp kém, thì chắc về sau người ấy sẽ đến nản lòng, mà mọi người thấy thế, cũng là bất-mãn-ý cả. Nhẽ ấy thật là điều quan-thiết ở trong thương-giới vậy.

Về sự dậy-bảo những người làm.

Trong công-ty dùng một người làm mới, người kinh-lý phải chú-ý, không nên đưa ngay đến trước mặt người bộ-trưởng, mà dặn qua mấy nhời cho là xong việc được. Lại cũng không nên dặn bảo nhiều nhời quá, khiến cho người ta rối trí mà không hiểu đầu đuôi ra thế nào cả. Vậy hễ khi muốn dùng người mới, phải khiến người ấy tập việc trước ít là một tháng hay là vài tuần-lễ cho hiểu hết những việc phải làm, và những cách làm thế nào, rồi hãy cắt việc cho làm, như thế thì người làm đều quen việc mà không còn điều nhầm lỗ, chắc sẽ được thành-hiệu hoàn-toàn.

Phép dậy những người làm thế nào?

Nay có nhiều công-y lợi-dụng về phép dậy người làm, mà sự doanh-nghiệp phát-đạt lắm. Phép dậy những người làm có ba cách thường dùng: một là mở nhà học tập-sự; hai là đặt nhà xem sách; ba là in những huấn-lệnh ở trong công-ty rồi đóng thành sách mà phát cho những người làm. Dùng các cách ấy, là có ý khiến cho người làm hiểu biết những phép-luật, tình-thế của nghề buôn và rõ hết chức-trách người làm phải đối với công-ty thế nào. Vì cớ ấy, những người đã trải luyện-tập ở trong ba cách ấy, đến khi bắt tay vào làm việc, đều xứng được cái trách-nhiệm của mình.

Những công-ty nhớn bên nước Mỹ, có mở nhiều nhà học tập-sự, để dậy những người làm. Vậy người nào muốn vào làm việc trong công-ty phải xin vào học ở nhà tập-sự. Khi vào học thì được tự ý muốn làm việc gì cứ chuyên học việc ấy, khi đã được tinh-hiểu, lại dậy cho biết những phương-châm và phạm-vi của công-ty, và dẫn cho đi xem các bộ ở trong công-ty. Khi học đã tốt-nghiệp rồi, mới dùng để làm việc, cho nên việc gì cũng được trôi chảy mà không khi nào có sảy những sự sai lầm.

Trong nhà học tập-sự, không nên dùng những người làm việc trước sung chức giáo-thụ. Vì những người làm ấy thường thường chỉ tinh-hiểu nguyên một việc bản-phận của mình, còn những việc khác không kiêm-thông được cả. Nếu dùng những người ấy để dậy bảo người làm, thì chắc cũng chỉ thiên về một việc, còn những việc khác cứ gặp sao thì hay vậy đấy thôi. Như thế thì gọi là thông-hiểu giáo-ngôn sao được. Vậy nên dùng người giáo-thụ ở trong nhà học tập-sự, phải tìm cho được người tinh-thông hết các việc thì mới sung vào chức ấy được. Chẳng những là người giáo-thụ phải thế, tức đến những người học cũng đều phải lược hiểu hết mọi việc như thế mới được. Vì ở trong công-ty thường nhiều khi có việc cần-kíp hay là có người hoặc vì cớ lẽ gì mà nghỉ, tất phải dùng người khác coi đỡ, gánh-vác thay. Nếu chẳng thế mà người nào chỉ biết nguyên có một việc của người ấy thôi, thì họa gặp những khi ấy, có nhẽ những công việc cần-kíp cùng những việc của người nghỉ, đều bỏ đình-trệ lại sao! Nên những người học, trừ việc bản-phận của mình, cũng phải học qua việc khác, để phòng khi sảy nhỡ, được khỏi nỗi thiếu người.

Cũng có nhiều công-ty có mở nhà sách cho những người làm đến xem. Như công-ty Ngải-dịch-sinh hợp-chúng có nhà sách, chứa đến 2.600 quyển và có hàng 10 thứ vừa nhật-báo vừa tạp-chí để cho những người làm được ý chọn xem cho tiện khảo-cứu những điều có quan-hệ và những tình-hình ở ngoài có ảnh-hưởng đến công-ty. Cách dậy như thế thật là rộng lắm và kỹ lắm.

Còn đến như cách in những huấn-lệnh tức là làm ra sách giáo-khoa để chỉ bảo các phép làm việc ở trong công-ty. Những sách này thì để từng trang một cho tiện khi thay đổi các cái tài-liệu trong đó. Cái chủ-ý ban-hành sách này là cốt khiến những người làm rõ biết cái quyền-hạn của mình, phải làm những việc gì, và phép làm phải thế nào. In ra thành sách như thế thì không còn điều gì là sơ-sót nữa. Những người làm cứ coi thì biết tinh-tường mọi nhẽ, chẳng cũng bổ-ích lắm thay.

Những sách chép các điều huấn-lệnh ở nhà công-sự, người ta thường chia làm hai quyển: quyển trên thì thuật những phạm-vi, phương-châm ở công-ty và những qui-tắc người làm đối với công-ty nên thế nào; quyển dưới thì thuật rõ những phương-pháp để làm các việc.

Những qui-tắc ở trong nhà công-sự

Chính-nghĩa Trong mỗi một công-ty đều có đặt ra qui-tắc, không phải là có ý hạn-chế sự tự-do của người làm đâu, một có ý chỉ cho mọi người được biết các đường-lối phải noi giữ. Vì cũng như người đi đường khuất, ít người đi lại, cứ trông đến những biển có đề chữ ở bên đường mà biết được đường-chính. Cái lý-do ở trong các công-ty đặt ra qui-tắc cũng là ý thế đấy thôi.

Phép vào yết-kiến. — Phàm lúc thấy những người làm, người bộ-trưởng, người kinh-lý còn đang bận việc, thì đừng lại mà hỏi những việc gì khác, đến nỗi làm ngăn-trở việc chính của người ta, cũng đừng đứng ở ngoài cửa mà ròm vào. Vì người ta đang cần làm cho xong việc, mà nếu thấy có người ròm nom như thế, thường sinh ra rối trí mà sầy đến sự sai lầm. Đối với người làm việc cùng với mình, hay là người bộ-trưởng, người kinh-lý, đều phải giữ phép ấy cả.

Đừng đem những việc có thể làm được nhiều đến người khác. — Phàm những người làm việc, khi gặp việc gì, nên hết sức cố làm, chỉ khi nào gặp việc không có thể làm được, bất-đắc-dĩ lắm, mới nên nói với người bộ-trưởng mà thôi. Nói xong rồi thì ra ngay, không nên trông quanh-quẩn, đứng vẩn-vơ, khiến cho người ta phải phân-tâm trong khi làm việc. Còn những việc gì không cần phải hỏi ngay cũng được, thì nên dùng một quyển sổ nhỏ mà biên vào, xem khi nào có thì giờ rảnh mà lại hỏi thì tiện hơn.

Có muốn hỏi việc gì phải chọn người hỏi được hãy hỏi. — Gặp những khi có việc cần-kíp mà phải hỏi đến bộ khác, thì nên hỏi đến người chủ coi về việc muốn hỏi ấy, chớ đừng có thấy ai cũng hỏi. Cũng đừng đem những việc người trong bộ ấy coi giữ nói với người bộ-trưởng, hay là đem việc người bộ-trưởng coi giữ nói với người trong bộ ấy. Như thế thì khỏi được sự rắc-rối, lại bớt được thì giờ.

Đừng phí thì giờ. — Phàm đã làm người bộ-trưởng, mà cứ cắm cúi xem xét những việc nhỏ, không phải là chính-đạo đâu. Vì chức người bộ-trưởng, cốt ở sự dạy bảo những người làm, khiến cho xứng cái trách-nhiệm, chớ không phải là người làm, nên các việc cứ giao cho người làm xong việc thì thôi, mình không tự làm là phải. Vả, người bộ-trưởng muốn khiến những người làm về sau sung làm bộ-trưởng, tất phải khiến cho những người ấy hết lòng về trách-nhiệm trước cho nên cần đốc-xuất những người làm mà thôi. Trong công-ty nào mà có nhiều người làm xứng được trách-nhiệm, thì sự-nghiệp tất là phát-đạt chóng lắm. Vậy nên những người bộ-trưởng có thì giờ rỗi cần nhất là sửa soạn những điều lầm-lỗi khuyết-hãm ở trong các bộ thuộc quyền mình quản-lý cho được chu-đáo và đắc-nghi. Còn như người kinh-lý ở trong nhà công-sự chỉ cần phải bổ khuyết những vấn-đề thuộc về sự quản-lý ấy là xứng chức rồi.

Cấm hút thuốc. – Trong nhà công-sự để cho hút thuốc, là cách để ưu-đãi những người làm có chức cao, nhưng xét ra thì có nhiều tệ-đoan bởi đó mà sinh ra, như những người hút thuốc, thường thường tay cầm điếu thuốc, chạy hết nhà nọ sang đến nhà kia, coi thật bất-nhã lắm. Cho nên ở trong nhà công-sự, tuy không phải trong giờ làm việc, cũng không nên để mọi người hút thuốc tự-do.

Cấm rức lác. Đương thì giờ làm việc cần phải tĩnh-mịch, im-lặng, cho những người làm khỏi nỗi phân-tâm. Thường thấy nhiều nhà công-sự cứ để cho những người làm gọi nhau ồn ào, truyện cười rầm rĩ, như thế có nhiều khi làm ngăn trở đến việc làm của người khác nữa. Vậy phải cấm-chỉ những thói ấy đi.

Đừng xem đồng-hồ. – Những người trong khi tới sở làm, hay là khi ra về không nên xem đồng-hồ luôn. Phàm những người nào hay chú-ý ở đồng-hồ, tất không phải là người có nhiệt-tâm với công-ty cả. Vậy những người làm khi đã tới sở, nên vào ngồi ngay bàn giấy của mình mà dự-bị sẵn sàng các việc sẽ phải làm. Đến lúc ra, đợi cho đúng giờ rồi, mới xếp-dọn các cái rồi ra về.

Giữ trật-tự. – Những người làm ở trong nhà công-sự nên có một cái thái-độ trang-nghiêm, đừng có thổi sáo bằng miệng, đừng đi nhanh quá, đừng nhảy cẫng lên. Nếu phạm những điều ấy, chẳng những người ngoài coi không được nhã, ngay đến những người đồng-sự cũng chẳng bằng lòng như thế bao giờ.

Hay nhận sự lỗi. — Những người làm hoặc có điều gì lầm lỗi mà người khác chỉ cho, thì phải nhận ngay sự lỗi ấy, không nên nói dối hay là đổ lỗi cho kẻ khác. Có thế thì mình mới biết được sự lỗi, mới phòng-bị cho được khỏi lầm lỗi về sau.

Phải giữ gìn của người như của mình. – Đã là người làm công cho người, nên giữ của cho người, đừng làm bẩn tường, vách, đừng đánh hỏng đồ dùng, cũng đừng dùng phí những vật-phẩm trong lúc không nên dùng. Nếu không biết gìn giữ như thế, mà làm hại đến sự công-ích, thì tức là tự mình làm cho người ta ghét bỏ mình mà không ai tin dùng nữa.

Những qui-tắc của người thông tin nên phải giữ

Phàm ở trong thư-tín, không bao giờ nên chêm những nhời oán giận vào; vì sự oán giận chỉ là sự tạm-thời mà thôi, mà thư-tín thì còn mãi mãi. Vả những người thông-tín nên biết rằng mình mà sở-dĩ được cái vị-trí này, là nhờ ơn của những cố-khách giúp cho, nếu không có những cố-khách thì hà-tất phải dùng đến chức thông-tín. Xét như thế thì những người thông-tín thực không nên trái ý những cố-khách tức là ân-nhân của mình. Ở trong thư như muốn nói điều gì, thì cho rõ ràng, trực-tiệt, không nên đem những nhời sáo-ngữ mà thù-ứng, còn những điều cốt-tử lại để lại sau cùng. Khi đã viết thư xong, thì phải xét lại xem có chỗ nào phải giải-thích không, như có chỗ nên giải-thích, thì chua ngay xuống dưới thư, đừng lấy cớ rằng giấy vắn khó giải, để đến nỗi người ta cho là chưa có huấn-luyện hoàn-toàn.

Những khi viết thư phải nhớ bảy điều này là cốt yếu: 1 — dản-dị, 2 — không nhầm lỗi; 3 — tinh-tế; 4 — sạch-sẽ; 5 — nhời nói khiêm-nhường; 6 — đích-sác; 7 — thực-thà. Ấy 7 điều ấy là phép viết thư phải thế. Còn như những khi người khác đưa thư lại hỏi điều gì mà viết giả nhời, phải giả nhời cho trọn, như chưa có thể giả nhời được, thì nên báo cho người ta được biết rồi sau sẽ giả nhời, chớ không nên giả nhời nửa chừng, còn thì bỏ lại.

Đến như sách huấn-lệnh dưới này thì đều chia ra từng chương từng tiết một, rồi phát-cấp cho mỗi người làm một phần. Những phần phát-cấp ấy là cứ chiều việc người làm bộ nào thì cấp cho những huấn-lệnh về phần việc trong bộ ấy, chớ không phải là cấp cho mỗi người một quyển đâu. Chỉ có người kinh-lý và người thuộc-viên của người kinh-lý mới được cả quyển mà thôi. Nhưng sách cấp cho người làm ấy, hoặc đánh máy, hoặc in, đều tùy theo số người nhiều ít thế nào. Như chỉ độ 5,6 người thì dùng sắc lam mới mà đánh máy thì coi nhã lắm, như có nhiều người nữa thì in tiện hơn.

Khi biên-tập những huấn-lệnh, nên mời cả các người bộ-trưởng, đem những tình-hình thuộc về bộ mình, kể rõ ra một lượt. Vì người bộ-trưởng đối với thuộc-bộ thì biết rõ các tình-hình hơn người kinh-lý nhiều. Nên phải chép hết những nhời các người bộ-trưởng đã kể rồi chia sách ra mà xem xét lại, hoặc có điều gì sai-sót thì bổ vào; có điều gì sai lầm thì cải-chính. Khi đã sửa soạn đâu vào đấy cả, thì chép những tình-hình của công-ty vào khoảng dưới, coi những tình-hình thuộc về các bộ thì ghi ở từng trên. Như vậy thì những người làm được xem sách này đủ biết được hết các tình-hình ở công-ty, và phép làm việc như thế nào là hợp cách, cũng đều hiểu rõ cả. Nhờ có phép đó, những người làm việc hoặc có gặp việc gì khó khăn, mở sách ra xem, mà làm nên việc được. Lại cũng nhờ có những hiệu-dụng ấy mà người làm đều được biết những tình-hình ở các bộ khác, hoặc khi có việc cần kíp, muốn dùng người bộ này làm việc bộ khác cũng được. Xem thế biết sách huấn-lệnh thật có công-hiệu là nhường nào Nếu không có sách huấn-lệnh này thì những người làm đối với tình-hình ngoài việc bổn-phận của mình, chẳng hiểu gì hết, gặp khi khiến làm giúp việc bộ khác, chẳng biết xoay sở thế nào, thật là bất tiện lắm.

Cách sửa đổi sách huấn-lệnh

Các bộ ở trong công-ty như khi có điều gì phải sửa đổi lại, thì nên trích hẳn một chương huấn-lệnh thuộc về bộ ấy mà biên-chép cả lại, chớ đừng để những người làm tự sửa đổi lấy: Nếu để cho những người làm tự sửa đổi lấy, mỗi người mỗi khác hay hoặc có điều gì lầm sót, như thế thì thỏa-hiệp được sao. Vậy nên những khi sửa đổi huấn-lệnh, người kinh-lý phải trông coi trong việc đó, chỉ có khi nào sửa đổi một vài chữ mà thôi thì mới nên thông-cáo cho những người làm đều tự sửa đổi lấy, mà cũng khỏi sai lầm.

Lê-Trung-Lô

LƯỢC-KHẢO VỀ CÁC HỌC-GIẢ THÁI-TÂY VỀ CỔ-ĐẠI VÀ CẬN-KIM

(Tiếp theo)

Lịch-sử hỏa-xa

Stephenson tiên-sinh

Ngày nay, nói đến hỏa-xa thì chẳng ai còn lạ, ai cũng biết hỏa-xa là gì rồi; nhưng giá có hỏi đến lịch-sử hỏa-xa thì chắc có nhiều người cũng còn bối rối. Lịch-sử hỏa-xa cũng như lịch-sử hỏa-thuyền (tầu thủy), đã phải qua nhiều thời-kỳ khó khăn trắc-trở mới đến được cái thế viên-mãn hữu-dụng ngày nay, thế thì hỏa-xa cũng như hỏa-thuyền, không phải tự-nhiên mà có. Nếu không có cái trí sáng-kiến của những anh-tài ham về việc chế-tạo mà tạo-tác ra thì sao ngày nay ta có được máy nọ máy kia. Mà những anh tài ấy nếu không có lòng nhẫn-nại, thì sao có kết-quả hay cho cái tiền-đồ của mình được.

Nay ta có xe nọ máy kia, chẳng là nhờ ở cái lòng kiên-nhẫn tạo-tác của các anh-tài thuở nọ hay sao.

Sự chế-tạo hỏa-xa đến nay thật đã hoàn-toàn lắm rồi, nào đại-tốc, trung-tốc, tiểu-tốc, xe chạy nhanh chóng thế nào cũng có cả; nào xe chạy bằng sức hơi nước, xe chạy bằng điện, xe chạy bằng sức dầu, tít mù ở trên mặt đất, làm trái đất ta ở ngày nay như một cái đèn chạy quanh vậy. Các nhà tạo-tác ra không phải một lần thí-nghiệm mà được ngay, làm thế nào cũng phải có một nhà sáng-kiến ra, rồi những người đời sau lại nhân đấy gia dảm hoặc sửa đổi lại, thì mới nên được một bộ đồ cơ-khí cụ-bị.

Xem như hỏa-thuyền, từ khi tìm được sức hơi nước cho đến khi biết dùng được nó để sai-khiến mà chế ra tầu chạy trên sông bể phải mất ngót một thế-kỷ. Ôi! trong khoảng ấy đã hao-tổn biết bao trí-lự của anh-tài. Từ trên sông bể có tầu chạy tưởng cũng đã là tiện-lợi rồi, thế mà vẫn chưa là mãn-nguyện, lại nhân đấy mà nối nhau chế nghĩ ra những thứ xe máy chạy ở trên mặt đất, để đi cho vững-vàng và nhanh chóng hơn.

Cái xe máy chế ra trước tiên, vào khoảng giữa thế-kỷ thứ 18, và thực-dụng thì kể vào đầu thế-kỷ thứ 19, năm 1759, nhà chế-tạo nước Anh là ông *Robisson* nghĩ ra việc dùng sức hơi nước để vận-động các xe chạy trên mặt đất, sau đến năm 1769, một nhà chế-tạo Pháp là ông *Cugnot* cũng nhân đấy chế ra một thứ xe chở hàng, chạy bằng sức hơi nước. Đến năm 1806 có nhà tạo-tác nước Mỹ là ông *Olivier Evans* chế ra được một thứ xe máy chạy trên các phố ở thành Phi-la-den-phi (Philadelphie); từ đấy. lại có mấy nhà chế-tạo nước Anh như ông *Blenkinsop* năm 1811, ông *William* năm 1812, và ông *Georges Stephenson* năm 1814 nối nhau mà tạo-tác ra các thứ xe chạy bằng máy. Trong các nhà chế-tạo ấy kể chỉ có *Stephenson* tiên-sinh là chế ra được thứ xe thực-dụng hơn cả, nên chi hậu-thế đều ca-tụng tiên-sinh là tổ-sư hỏa-xa. Như mà về sau máy xe chế ra được hoàn-toàn hơn là nhờ một nhà kỹ-sư Pháp là ông *Séguin* đã làm ra trong khoảng năm 1829 được một thứ xe có nồi súp-de nhiều ống (*locomotive tubulaire*) có sức mạnh hơn trước nhiều. Từ đấy các nhà cơ-khí-học cứ luân-phiên kế-cứu mà chế ra đủ các thứ xe máy cho ta dùng đời nay.

Ta đã nói rằng *Stephenson* tiên-sinh được hậu-thế truy-tặng là tổ-sư hỏa xa, vậy tôi xin sao-lục ra sau đây cái chuyện sinh-thời của tiên-sinh để độc giả chư-quân đồng-lãm.

Xem chuyện tiên-sinh, đọc chuyện tiên-sinh thì ai cũng phải khen cái chí kiên-nhẫn của tiên-sinh, thật cái kết-quả công-nghiệp của tiên-sinh có thể làm gương cho muôn đời, nhất là trong lao-động-giới lại càng nên sùng-phụng lắm.

Tiên-sinh là con một người thợ làm mỏ rất nghèo, sinh năm 1781 tại thành Nhi-Cát (Newecastle), năm lên tám đã phải đi kiếm ăn để đỡ-đần thân-phụ, thường hay chăn bò cho người ở gần mỏ, mỗi ngày được vài ba su, đến năm lên mười, ông bố giắt vào làm việc ở mỏ, nhưng còn bé quá, nên mỗi khi có quan thanh-tra đi qua, thì tiên-sinh lại phải núp-nấp ở đàng sau xe, mỗi ngày kiếm được hơn một hào. Tiên-sinh nhanh-nhẩu lại chịu khó, nên đến 16 tuổi được cắt vào làm việc máy. Tiên-sinh vốn thích nghề máy, nên các máy-móc giao cho tiên-sinh trông coi đều được giữ-gìn cẩn-thận. Tiên-sinh chẳng những chuyên làm về việc giữ máy

(1) Đọc là : *Si-tê-phau sơn*

mà lại muốn biết cho đến nơi cái cơ-quan vận-động của các máy mình coi; một ngày làm ròng-rã 12 giờ đồng hồ mà vẫn để tâm vào việc khảo-xét. Than ôi! tiên-sinh vốn là con nhà cùng-bách, thuở nhỏ không được ăn học, một chữ chẳng biết, mà nay muốn khảo-cứu đến cơ-quan máy-móc thì khác gì như chích vào rừng. Tiên-sinh nghĩ bụng rằng: nếu mình không biết được dăm ba chữ thì biết ngày nào cho vỡ được cái ngu-tối của mình, nghĩ vậy bèn đi mua sách đánh vần để học. Tối về, thường đem sách đến một ông đồ ở trong làng để thụ-giáo, ban ngày đến bữa cơm lại vừa ăn vừa học. Ở nhà mấy có được lúc nào thư-nhàn, thì là thò ngay vào túi lấy sách ra đọc, không thì lại lấy thạch-bảng ra để tập viết và tập tính. Tiên-sinh thật là một người quá chuyên cần, tối về lại xoay ra học-tập, tiền làm đủ ăn, lấy đâu mua sách, vì thế phải làm thêm việc hoặc vá giầy hoặc chữa giầy cho các thợ khác, để lấy thêm tiền mua sách. Xem cái chí kiên-nhẫn của tiên-sinh như thế, ai là chẳng cảm-phục. Vốn là con một người bèn khổ mà sau này chẳng những qua được sự cơ-cực mà lại còn làm được vẻ vang cho nước cho nhà, thế mới biết rằng: thông-minh vốn bẩm tính trời, nhưng nếu không chịu thương chịu khó, không kiên-tâm, không nhẫn-nại, thì cái thông-minh ấy có phải cũng là uổng đi không?

Tiên-sinh khởi-nghiệp trong nghề máy.

Tiên-sinh đã lao-động như thế, mà lại đa-mang sớm sề đường vợ con, nên chỉ càng ngày lại càng phải lao-động hơn lên. Được ngày nghỉ, thì lại học-hành hoặc xem sách, hoặc tính-toán suốt ngày, có khi đem các tranh vẽ máy móc ra nghiên-cứu, vì thế, mỗi ngày nghệ-nghiệp lại được thêm tinh. Tiên-sinh tuyệt-nhiên không ưa rượu chè, dù đến ông chủ mình có mời đi cũng là từ-chối mà nói rằng: « Tôi đã thề độc không bao giờ dám uống rượu ».

Có một ngày, ngọn lửa vô-tình kia phát tại nhà tiên-sinh, trong khi tiên-sinh vắng nhà, làm cho tiên-sinh phải thiệt-hại nhiều, chỉ còn sót lại có một cái đồng hồ cu-cu, máy lại liệt, mà đem đi chữa thì không có tiền. Tiên-sinh vốn đã thạo máy, bèn đem tháo tung cả cái đồng-hồ ra, xem đi xem lại, lau chùi sạch sẽ, rồi lắp lại như mới, cái đồng hồ chạy được tốt hơn xưa. Tiên-sinh thấy vậy, nghĩ bụng rằng: « từ nay ta biết thêm được nghề này, khác nào như chim thêm cánh, ta sẽ làm thợ chữa đồng-hồ nữa. Thế thì cháy cũng có lợi cho ta đấy. Ở trong làng thấy thế, gần xa ai cũng đem đồng-hồ lại cho tiên-sinh chữa.

Tiếng chữa máy giỏi của tiên-sinh mỗi ngày một nổi, nên được cử đi chữa một cái máy to ở xứ Ecosse (È-cốt) Đường thì xa, mà tiên-sinh cứ chịu khó đi bộ, vì tiên-sinh nghĩ rằng: « Ta nên chịu khó một tí, để lấy tiền giả tiền học cho con ». Cậu con tên là Robert khi ấy đã đi học, tiên-sinh chỉ ước một điều: là cho con sau này được thành-đạt, bởi thế nên lao-lực đến đâu, tiên-sinh cũng vẫn vui lòng cam chịu. Tiên-sinh chữa máy xong, được đền công 700 quan, đã tưởng là một món tiền to lắm rồi, thấy tiền mà cũng không dám hoang-phí, tiên-sinh lại nói rằng: « khi đi ta đã quốc bộ mà đến. Vậy khi về ta cũng cứ nên chịu khó như thế để cho món tiền được nguyên vẹn. » Khi trở về đi đến nửa

đường, tiên-sinh tạt vào làng kia để thăm thân-phụ khi ấy đã cao-niên. Chao ôi! tai-nạn ở đâu thình lình đã đem đến, làm cho cụ già trong khi làm việc phải sức hơi nước vọt ra, bỏng mắt mà mù, nay cũng cùng-bách lắm. Tiên-sinh thấy vậy, lấy tiền ra trang trải công-nợ cho cụ mất hơn một nửa, rồi đón cụ về ở một cái nhà con đẹp để gần chỗ mình ở, để cụ vui thú cảnh già. Như mà họa vô đơn chí; phu-nhân của tiên-sinh lại sa chơi nơi suối vàng, rồi vì đấy tiên-sinh lại càng thêm bĩ, trên cha già dưới con thơ, tình-cảnh thảm-hại lắm. Bấy giờ nước Anh đang giao-chiến với nước Pháp, bao nhiêu người tráng-kiện trong nước phải gọi ra tòng-quân cả. Tiên-sinh không sao chối được, phải đem hết cả vốn liếng ăn nhịn để dành được từ xưa đến giờ, để thuê người đi thay hộ mình thì mới có thể ở nhà làm ăn mà phụng-sự cha già và nuôi nấng con côi được. Tiên-sinh lao-động ngày đêm như thế, mà đến đây chẳng còn một xu nhỏ, giá phỏng sầy có công-việc hay ốm đau, thì không biết khốn đến đâu, nên chi cũng có khi phát lo, mà nhiều khi đã phải ngậm-ngùi cho thân-phận.

Trên kia ta đã nói tiên-sinh là người rất nhẫn-nại, nên chẳng gì làm được ngã lòng tiên-sinh, từ đấy lại càng gắng công hơn trước, thường chỉ lấy việc học hành tra-khảo làm khuây.

Bấy giờ gần nơi tiên-sinh làm, có đặt một bộ máy mới để tháo những nước đọng trong mỏ, nhưng máy đặt sai nên không chạy. Các nhà kỹ-sư danh tiếng trong nước đều đến xem cả, nhưng không tài nào chữa được, một năm như thế mà không ai là được thành công. Tiên-sinh thường các lúc rảnh việc, vẫn lại xem cái máy quái lạ ấy, từ đấy trí-khôn không từng nghỉ, ngày đêm chỉ muốn tìm cho ra vì cớ gì mà máy ấy không chạy được. Có một hôm, tiên-sinh nghĩ được ra, mừng quá, nói to lên rằng: « Ta có cách làm cho máy này chạy được rồi. » Sự phát-kiến ấy đến tai ông chủ mỏ, ông chẳng ngần ngừ gì, giao ngay việc chữa máy ấy cho tiên-sinh. Quả-nhiên được mấy hôm sau, máy chạy thật tốt, bao nhiêu nước đọng trong mỏ tháo ra được hết, thợ-thuyền lại được đến làm. Chúng thấy vậy đều tôn tiên-sinh là ông thầy chữa máy. Ông chủ mỏ cảm cái công ấy, bèn thăng tiên-sinh lên chức kỹ-sư mỏ, và tăng công lên hơn trước nhiều.

Tiên-sinh từ đấy có đều phong-phú hơn trước, song cũng chưa chịu dưỡng tinh-thần, lại càng học già, lại mua thêm nhiều sách mới, để tối về xem. Cậu Robert khi ấy ngày mang lương cưỡi lừa đi học ở tỉnh gần đấy, tối đến mới về, khi về lại đem bài học ra giảng-giải cho tiên-sinh nghe, tiên-sinh cùng cậu con thường cùng nhau bàn-bạc văn-bài, tiên-sinh thật từ đấy mới được hưởng-thụ giáo-dục. Cậu Robert thấy tiên-sinh đêm ngày chuyên-cần sách vở thì lại càng biết rằng: học-thuật là rất trọng, nên hết sức gắng công học để chóng được thành-đạt.

Học-vấn của tiên-sinh mỗi ngày một thêm uyên-bác, thì nghề máy của tiên-sinh lại mỗi ngày một thêm tinh tường. Ở trong nhà tiên-sinh có một xưởng máy con có nhiều kiểu máy, tiên-sinh thường hay ở đấy suốt ngày để khảo-xét các cơ-quan. Tiên-sinh chế ra được nhiều máy tốt cho mỏ than ở gần đấy dùng. Tiên-sinh nhân nghề máy đã thạo, lại muốn khởi phục cái sáng-kiến của mình khi xưa, là chế

ra thứ xe máy vận-động bằng sức hơi nước để chở hàng đi cho nhanh chóng và khỏi phải dùng đến sức ngựa lừa. Bây giờ kể cũng đã có xe máy rồi, nhưng mà cách chế-tạo còn nhiều điều khuyết-điểm, mỗi giờ chạy được có hai dặm (8000 thước tây) phí mất nhiều than, mà khi chạy tiếng máy kêu cực kỳ to dữ, làm cho ngựa lừa trâu bò nghe thấy phải khiếp-đảm. Nếu khi xe đương chạy mà gặp các súc-vật ấy, thì phải dừng ngay lại, không thì lại có sự tai-nạn sinh ra, như thế thật là có nhiều điều bất tiện, mà lắm khi lại chậm-chạp, vì thế xe máy không dùng được.

Tiên-sinh muốn nghĩ ra cách làm cho máy xe bớt kêu và chạy được nhanh hơn, song việc ấy không phải một hai ngày mà được tận-mỹ tận-thiện ngay. Tuy tiên-sinh vẫn lưu-tâm đến việc chỉnh-đốn máy xe mà chẳng lúc nào có quên đến công việc trong mỏ của mình.

Tiên-sinh vốn xuất-thân là con nhà thợ mỏ, và chính mình cũng đã làm qua nghề ấy nên hiểu thấu được cái cam-khổ, cái nguy-hiểm của thợ-thuyền thường khi gặp ở trong mỏ. Số là trong mỏ, thỉnh thoảng có hơi đất nổ lên, làm cho sụt lở mà nhiều người phải chết chôn ngay. Ở trong mỏ thì tối, mà cái hơi đất ấy lại kỵ lửa, hễ hai vật-chất ấy mà tương-giao thì nổ ra những tiếng long trời lở đất, vả lại ở dưới mỏ không có ánh sáng thì thợ thuyền không làm được việc, thế mới biết rằng cái đời của người thợ mỏ ngày xưa là chỉ nguy, động có đất nổ chỗ nào là người làm đấy chết sạch. Tiên-sinh đã hằng kê-cứu cái cách để tránh cái tai-nạn ấy từ lâu. Ở nhà, tiên-sinh thường chế những thứ hơi giống cái hơi đất ấy để thí-nghiệm. Có một ngày tiếng nổ phát ra làm cho trần nhà xụt xuống, và bao nhiêu những đồ thí-nghiệm đều vỡ đổ tan tành cả, may cho tiên-sinh lại thoát được cái nạn ấy.

Sau tiên-sinh chế ra được một thứ đèn ngoài có bọc mạng sắt, chỉ còn việc đem ra thí-nghiệm nữa thôi. Tiên sinh bèn cùng với một người thợ mỏ thạo việc và một người đốc-công đi xuống hầm mỏ, người đốc-công đưa tiên-sinh đến một chỗ hùng rào đã phải bỏ, vì ở đấy có nhiều hơi hay nổ ra đến nơi, thấy hơi phì ra như tiếng sáo, người đốc-công không cầm đèn, đi vào trước, rồi ra quyết với tiên-sinh rằng: nếu thò một tí lửa vào đấy, là nổ ngay Tiên-sinh mỉm cười bảo các người ấy tìm chỗ chắc chắn mà đứng, rồi tự mình sách đèn đi vào hang, ai nom thấy cũng phải rùng mình cho tiên-sinh. Khi tiên-sinh mới thoạt vào, thì ngọn đèn bốc lên rồi nhạt dần mà tắt đi. Lúc tiên-sinh trở ra, kể sự ấy cho mọi người nghe và bảo đến gần mà xem, họ đều thấy như tiên-sinh đã kinh-nghiệm Từ đấy tiên-sinh nghiên-cứu mãi, sau chế ra được thứ đèn hoàn-toàn đem ra thực-hành được hoàn-mỹ. Thợ-thuyền cảm cái ơn ấy bèn lấy tên tiên-sinh mà đặt cho cái đèn ấy. Tiên-sinh đem thí-nghiệm cái đèn ấy được năm hôm, thì có một nhà thông-thái nước Anh là ông Đa-vi, (*Davy*) đệ-trình tại viện Han-lâm thành Luân-đôn (Londres) một cái đèn kiểu khác.

Danh tiếng của tiên-sinh đã bì thế nào với nhà đại-danh kia, một đằng là một bực đại-tài có tiếng trong nước mà tiên-sinh là một người làm tầm-thường, nên chi cái đèn của *Đa-vi* được cả nước hoan-nghênh, chẳng bao lâu cả toàn-cầu cũng đều dùng đến. Cái đèn của tiên-sinh chỉ trong một bọn thợ ở Núi-cát biết, nếu sau này tiên-sinh không làm xong công-việc vĩ-đại

kia, thì tiếng-tăm cũng là theo cái đèn mà mai-một mất. Tiên-sinh tuy không được nổi tiếng ở cái đèn ấy, song cũng không có sự gì là ngã lòng, mà lại được chọi trán với một nhà đại-tài trong nước, nên càng thêm hưng-khởi mà muốn đi cho đến một bực cao hơn nữa.

Tiên-sinh thành-công

Từ đấy, tiên-sinh mới thực bắt đầu vào việc chế ra máy xe, và nghĩ ra cách làm đường sắt, để cho xe chạy. Cậu Robert lúc này đã lớn, học đã giỏi, nên các công việc chế-tạo của tiên-sinh, cậu có thể giúp vào được cả. Trong khi hai cha con đem thân hiến cho học-thuật thì đã gặp biết bao nhiêu nỗi khó-khăn, vì dân khi ấy còn mê muội và hay đố-kỵ. Từ chế cái đèn về sau, mười bốn năm lao-lực, trăm phen thí nghiệm tiên-sinh mới tới được cái mục-đích của mình. Trong ngần ấy năm trời chỉ độc thân độc lực mà làm, đồng-bào không ai là người khuyến-khích và lại đem lòng khinh bỉ chế bác tiên-sinh là điên rồ, nhất là khi tiên-sinh đi qua các đồn-điền ngắm địa-thế để định mở đường sắt thì lại gặp nhiều sự ngăn trở nữa. Các nhà canh-nông tưởng-tượng rằng: những đường ấy lập xong thì hại cho mình. Họ nói rằng: khói ở xe bốc ra làm độc cho không-khí, gà vịt không nuôi được, cây cối gần đường bị chết, trâu bò sợ không dám đến gần đấy ăn cỏ, những tàn lửa ở xe phun ra có thể làm cháy được mùa màng. Lời dèm pha thật là vô-số. Tiên-sinh bị các chủ-điền đuổi không cho qua địa-giới của họ và lại đe nẹt đủ điều. Hai nữa đến những các người thầu sông gần đấy cũng sợ có đường hỏa xa thì việc vận-tải trên sông cũng sẽ thiệt thòi, họ bèn rủ nhau để phá cái dự-án-đồ của tiên-sinh. Họ đặt người rình các nơi để làm ngăn trở tiên-sinh không họa được đồ.

Tiên-sinh phải dùng đến mưu mới lừa được họ, nghĩa là tiên-sinh ngầm sai người đến bắn súng ở các nơi, làm cho những người đi rình tưởng có trộm cướp gì bên kia bèn chạy cả về giữ trại. Khi ấy nhờ ánh sáng mặt giăng tiên-sinh vội họa ngay lấy địa-thế mình cần dùng. Than ôi! trong thời dốt nát, nhân-dân thấy gì mới lạ cũng là khiếp sợ, lúc nào cũng chỉ phản-đối các ý-kiến mới, nhưng mà chống sao được với sự tiến-bộ. Thế mới biết học-vấn là cần, tuy không ai cũng chế-tạo được, nhưng có học thì mới không có những cái lầm to.

Đến năm 1829, Chính-phủ Anh mở ra một kỳ thi xe chạy bằng máy và có đặt một giải thưởng lớn cho cái xe nào trong một giờ chạy được ba dặm và chở được thật nặng.

Hai cha con ông Stephenson đã quyết rằng máy của mình được hoàn-toàn bèn đem xe ra thi. Cái xe ấy đặt tên là « Dẫn hỏa xa » (*la Fusée*). Lúc ra hiệu chạy, xe ấy chạy rất nhanh rất mạnh, thật là xứng đáng với cái tên, một giờ chạy tới sáu dặm. Lượt thứ hai bỏ đồ ra chạy xe không thì lại chạy nhanh được đến mười dặm. Bấy giờ cũng có bốn cái xe khác đem đến thi, nhưng không hợp lệ đều hỏng cả. Từ đây danh tiếng của tiên-sinh gần xa đều biết, những người khi trước nhạo báng tiên-sinh nay đều phải phục cả. Tiên-sinh thốt-nhiên chở nên một bực anh tài của nước Anh làm được vẻ vang cho tổ-quốc.

Trước kia người ta chỉ chú ý về việc dùng xe máy để chở đồ, đến nay mới hiểu lời tiên-sinh đã tiên-tri từ hai mươi năm về trước, vì tiên-sinh

đã có nói rằng: « Rồi ra có ngày loài người có thể nhờ về hơi nước mà đi lại nhanh chóng ở trên mặt đất được »

Tiếng tăm của tiên-sinh bấy giờ thật là độc nhất vô song. Chính tiên-sinh lập ra đường sắt thứ nhất ở nước Anh và nhiều đường ở nước Pháp như đường từ kinh-thành Ba-lê (*Paris*) đến tỉnh thành Ru-ăng (*Rouen*) và đường từ Mác-xày (*Marseille*) đến A-vi-nhông (*Avignon*).

Từ tiên-sinh chế ra hỏa-xa và đặt đường sắt được một năm thì ở nước Pháp cũng một nhà thông-thái là ông Séguin chế ra được một thứ xe hoàn-bị hơn mạnh mẽ hơn (1829), cho nên ông cũng được đứng vào hàng tổ-sư hỏa-xa.

Tiên-sinh từ khi công toại danh thành, thì trở nên một bực đại-phú-ông, bấy giờ thấy trong mình hơi mỏi mệt, tiên-sinh bèn để lại các công việc cho con làm mà mình lại ra công làm phúc-đức. Tiên-sinh xuất tiền ra làm trường học cho các thợ thuyền, mở ra thư-viện để cho họ xem, và lập được ra nhiều hội tương-tế. Mỗi khi đi đến những nơi thợ thuyền thường đem những chuyện bình-sinh của mình mà kể cho họ nghe. Tiên-sinh thường nói rằng: « Ngày nay ta được thế này là nhờ ở cái lòng kiên-tâm của ta, nếu ta không kiên-nhẫn thì đâu được có ngày nay. Ta không quản ngại gì cái sự nghèo khổ và những sự quẫn-bách mà ta cứ một lòng kiên tâm tư học. Dù ai dỗ ta, dù ai khuyên ta đi chè chén, ta cũng không bao giờ thèm bước chân vào những nơi tửu-quán,. ta phải long-đong năm chìm bảy nổi mà ta vẫn cứ một lòng tin ở ta mà ta cứ kiên-tâm làm việc. Ôi! kiên-tâm! kiên-tâm! thật đã nhờ ở sự kiên-tâm mà ta vượt qua được hết mọi sự khó khăn. Nếu các người có kiên-tâm thì có ngày các người cũng được như ta không khó gì », mấy lời diễn thuyết dản-dị ấy lúc nào cũng như in vào trong óc các người thợ vì các người ấy đều biết trước khi tiên-sinh giảng dụ thì chính mình tiên-sinh đã làm một cái gương hay cho họ rồi.

Thật cái sinh-thời của tiên-sinh là một gương soi thiên-cổ cho các người ở trong lao-động-giới. Tiên-sinh hưởng thọ 67 tuổi, đến năm 1848, thì tử-thần đến đón tiên-sinh ra khỏi cõi trần để lại tiếng thơm cho muôn đời.

Về sau con tiên-sinh là ông Robert cũng nối được chí cha, ông cũng chế-tạo ra được nhiều cơ-khí mới, chính ông đã sáng khởi ra làm những thứ cầu ống (*ponts tubulaires*) để bắc qua sông hay qua lạch biển.

Cái cầu sắt Britannia (Bờ-ri-tan-ni-a) bắc qua bể ngày nay để liên-hợp đảo Anglesey (Ang-gờ-lơ-day) với nước Anh là cái áng công-nghiệp của ông làm ra. Ở dưới cầu ấy những tầu lớn đều chạy qua được cả,

Khi thân-phụ ông sang lập đường xe hỏa bên Pháp thì ông cũng có theo sang giúp, nên ông cũng có chút công-nghiệp ở đấy. Ông còn làm được nhiều công việc vĩ-đại nên cái tiếng của ông lưu-truyền đến nay vẫn là bất tử, chẳng kém gì cha. Thật là cha nào còn nấy.

Nhờ về công-nghiệp của hai cha con ông mà ngày nay thế-giới đâu đâu cũng có hỏa-xa, sự thông-đồng được linh-hoạt, dù sơn xuyên cách trở cũng là vượt được qua, nhân-loại được thâm-hiểu nhau hơn, sự hòa-bình càng được thêm vững chãi. Thế mới biết cái câu: « Sức hơi nước rồi ra làm đổ hết cả những cái hàng rào ngăn cách các dân-tộc » là thật. (*La vapeur fera tomber les barrières qui séparent les peuples.*)

Rồi đây ta sẽ có hỏa-xa chạy suốt Nam-Trung-Bắc ba kỳ, tinh thần hữu-ái của ta nhờ đấy mà sẽ được thêm đằm-thắm: người Bắc vào Nam, người Nam ra Bắc, anh em ta đi lại cùng nhau khác nào như con một nhà ngày ngày

được tương phùng tương ngộ, như thế chẳng đáng mừng lắm ru? Ai người Nam-việt là không khoan-nghênh cái đường sắt ấy. Ta đã biết hoan-nghênh thì càng nên nhớ đến những người đã vì hậu-thế mà phải lao-tâm khổ-tứ.

(*Còn nữa*)

Trác-Ngọc VŨ-TÚC

TIN NHẢM

I

Sự tin nhảm của người văn-minh và người giã-man.

Một sự tin nhảm, tưởng không cứ là dân-tộc nào, người giã-man hay tin nhảm dã đành, mà đến người văn-minh cũng có điều hay tin nhảm lắm. Ngay như người Âu Mỹ, khoa-học giỏi là thế, lý-tính cao là thế, thì không còn tin nhảm gì nữa mới phải, thế mà xét ra, người Âu Mỹ đối với sự họa phúc cát hung, cũng còn tin nhảm nhiều lắm.

Ở những chỗ đô-thị văn-minh bên Âu Mỹ, một cái nhà hát là hay tin nhảm thứ nhất. Ngày năm ngoái, ở nước Anh, có một nhà hát định diễn bản kịch mới là « *The Golden Moth* », các con hát nhất định không chịu diễn, số là trong nhà hát có một sự tin nhảm, là hễ bản kịch nào đem lên sàn-khấu diễn, thì không nên có chữ « *Golden* », vì có chữ ấy, là có điềm chẳng lành, thành ra chủ nhà hát không sao được, đành phải đổi một chữ ấy ra chữ khác, khi bấy giờ con hát mới chịu diễn. Con hát tin nhảm, không phải như phổ-thông xã-hội tin nhảm đâu, mà kỳ-thực là tin nhảm về chức-nghiệp như khi họ ngồi nói chuyện phiếm với nhau, ai ngẫu-nhiên nói đến bản kịch « *Macbeth* », thì tức thì bị chúng rủa là sắp có điềm xấu đến nơi; những nhà con hát có danh-tiếng, lúc tứ-giã nhau, không có khi nào dám nói câu: « *ba chúng ta đến bao giờ lại gặp nhau?* », ý cho là một câu nói gở mà không dám dùng đến. Hễ nhà hát mà ế, thì họ đổi ngay tên để lấy may, ý bảo là tên đổi thì mệnh-vận cũng phải biến-đổi vậy, cho nên ở nước Anh có nhiều nhà hát đương tự nhiên đổi tên, là vì cớ đó.

Trừ nhà hát ra, trường đua ngựa cũng có nhiều điều tin nhảm lạ lắm, như có một người nào sắp sửa đi ra trường thi ngựa, mình không thể chúc họ ra đua được gặp may ăn giải được, vì chúc thế, khác nào rủa họ những điều chẳng hay, cho nên đối với một người sắp ra đua ngựa, anh em bà con thường nói: « Chúc cho anh dập hông ra», chúc như thế mới là chúc tốt, buồn cười thay!

Người Âu Mỹ lại còn tin nhảm đến thế này nữa, là tin về số-mục, thật là kiên-chấp lạ lùng. Bình-thường lấy số **13** làm kiêng-kỵ lắm. Ông *Wilson* Tổng-thống Hoa-Kỳ mà đến nỗi thất-

bại, thì có nhiều người đổ tội cho số-mục, cứ theo như lời họ nói thì khi Ông *Wilson* đến dự hội hòa tại Kinh-đô Paris nước Pháp, hôm ăn tiệc buổi đầu có 13 người dự, mà ông *Wilson* sang dự hội, vốn muốn phát-biểu ra 14 điều ước cả thảy, không dè đến khi hội-nghị, có một điều « tự-do trên bể » của ông, thì các nước đồng-minh phản-đối không chịu, thành ra chỉ còn có 13 điều, ai cũng bảo nếu ông thêm ra một điều nữa, hoặc hôm ăn tiệc ấy thêm một người nữa cho đủ 14 người, thì cuộc hội-nghị hôm đó ông *Wilson* không đến nỗi bất-đắc-chí.

Người ta thường cho rằng: « Văn-hóa với sự tin nhảm trái hẳn với nhau, cho nên ai nhiều trí-khôn thì ít tin nhảm, mà ai hay tin nhảm thì ít trí-khôn »; xét ra lẽ ấy cũng không đúng, thật ra thì có tin nhảm hay không tin nhảm, cùng là có nhiều trí khôn hay ít trí-khôn, chỗ phân-giới không phải ở đó, vì ta thấy có nhiều người thông-minh trí-tuệ đến đâu, mà hay tin nhảm bằng mấy những hạng tầm-thường ngu-phu đi nữa. Ông *Parnell* là một nhà chính-trị giỏi có tiếng ở Ái-Nhĩ-Lan (*Irlande*) có một hôm có người đem đến tặng ông một cái mũ tím, ông nhất định không nhận, vì ông ta cho rằng đội mũ mùi tím là cái điềm không hay mà trông cái màu đó dễ sợ lắm. Đại-loại những bực vĩ-nhân, hay tin nhảm còn nhiều, không kể sao cho xiết.

Lại có người nói rằng: « Cái sự tin nhảm, là theo ở trình-độ văn-minh hay giã-man, mà nhiều hay ít », câu nói ấy cũng lại không hợp lý lắm. Ta thử nghĩ mà xem, con người ta kki cái tính suy xét chưa mở-mang, thì có biết tin nhảm là cái gì, mà đến thời-kỳ mới hơi biết suy xét, thì tin nhảm phát-sinh ra từ lúc đó, vì lúc đó người ta mới biết suy xét, thì óc hãy còn đơn bạc lắm, mới bước chân ra cửa, thấy sự gì khác mắt, đi một đỗi đường bắt được đồng bạc hay đồ gì, đã tưởng ngay rằng: cái sự khác mắt mình thấy lúc nãy, là cái điềm bắt được cửa bây giờ, ấy thế, tin nhảm là bởi cái óc suy xét còn đơn-bạc mà sinh ra, cho nên bảo rằng người tin nhảm với đứa trẻ con giống nhau, đều là bởi sức óc mới biết suy xét, thì còn đơn bạc, thành ra hay tin nhảm như vậy. Người văn-minh cũng hay tin nhảm, song khác người giã-man, là họ không vội tin mà cái gì cũng đã từng có thực-nghiệm, để tìm lấy nguyên-nhân sự thực, họ không phải như người giã-man hay đứa con nít, nghe gà gáy thì bảo là trời sáng, hoặc thấy cái xe hỏa mới bắt đầu chạy, thì bảo đó không phải là tự hơi nước, mà bảo là tự cái cờ phất thì xe mới chạy vậy. Ấy là về mặt suy-xét thì họ hơn nhiều, song về mặt những việc tin nhảm cũng không phải là ít ỏi gì, chỉ nhân vì vũ-trụ thì rộng lớn bao-la, mà mệnh-vận của người đời thì không biết thế nào mà suy-trắc, không có thể lấy cách thực-nghiệm mà biết được, thành ra họ sinh ra hoài-nghi, cũng là ấy nảy trong lòng, không biết tính sao, mới đâm ra tin nhảm. Đương đời bây giờ, bên Âu-Mỹ đương thịnh-hành cái học-thuyết thần-bí, là vì cớ đó.

II

Tin nhảm với khoa-học xung-đột nhau.

Sự tin nhảm với khoa-học vốn cũng chung một nguồn gốc mà ra, tức như là thiên-văn-học, thì khởi-nguyên từ thuật *xem sao*, mà hóa-học thì khởi-nguyên từ thuật *điểm-kim*, thật đã rõ ràng như vậy, chẳng qua về sau này hai đàng chia rẽ ra, khóa-học thì cốt cầu lấy lẽ thực, mà sự tin nhảm thì vẫn giữ thói xưa, khoa-học thì lưu-động, là biến đổi luôn luôn, còn tin-nhảm thì cố-định, là cứ giữ mãi như cũ, thành thế ra mỗi đàng có một tinh-thần khác nhau. Cái cớ xung-đột sinh ra từ đó.

Một sự tin nhảm có quỷ-thần thì tùy mỗi xứ mỗi dân-tộc mà khác, chứ không chỗ nào giống chỗ nào, ví dụ như dân ở ven bờ bể thì hay tin có ông hải-thần, vì dân ở đó, phần nhiều làm nghề đánh cá, cái đời của họ là chỉ sinh-nhai ở trên mặt bể, trải bao phen trời mù biển rộng, sóng lớn gió to, nguy-hiểm nhiều lắm, mà tự mình họ vì nghề kiếm ăn, phải đem thân ra chỗ vạn tử nhất sinh như thế, biết thế nào mà giữ được sinh-mệnh cho toàn, bởi thế phải nhờ đến thần-minh ủng-hộ, nên các xứ ven bể, thường có lập miếu để thờ ông hải-thần, cũng như dân ở núi lập đền thờ ông sơn-thần và ông thần trừ mãnh-thú, và những dân làm ruộng, thì thờ ông thần ngũ-cốc, đều là bởi lẽ đó vậy.

Nhưng mà xét ra, bể nào thì cái tính biết suy-yét cũng là một đồ khí-cụ rất trọng yếu để giữ-dìn cho đời người ta, nghĩa là làm người tất phải có tính biết suy-xét. Những người đời thượng-cổ, chui hốc ở hang, dầu cho có sức-lực mạnh mẽ như người bây giờ, song so ngay với những giống mãnh-thú, thì người có đâu móng sắc nanh dài, có đâu da dầy che chở, sao không bị những giống mãnh-thú ấy cắn chết cả đi, mà vẫn sinh sinh nở nở, đầy rẫy như thế? Cái lẽ ấy, ngay những nhà sinh-vật-học đời này, cũng lấy làm kỳ-quái, không biết ra làm sao. Xét ra loài người, mà được sinh nở phồn-thịnh, là chỉ nhờ được cái óc to, nên có được các tài-năng biết suy-xét (*faculté rationnale*); song loài người dầu có tài-năng suy-xét thật, biết được cái hiện-tượng về tâm-lý-học thuật, mà từ khi khoa-học phát-đạt trở về đây, cũng còn lắm cái chưa biết giải-thích thế nào cho rõ ràng, huống chi những người ở đời thượng-cổ, làm gì có khoa-học, thì những việc mà họ cho là thần-kỳ, tất là nhiều lắm.

Đời thượng-cổ, chẳng những họ tưởng rằng: mặt trời với mặt trăng cũng lớn bằng nhau, mà cũng xa-cách mặt đất như nhau, vì họ chỉ mới biết lấy con mắt trông chừng, chứ đã có phương-pháp gì mà suy biết rằng: mặt trời so với mặt trăng, to mấy vạn lần, xa mấy vạn lần; họ lại thấy mặt trời mặt trăng khi ẩn khi hiện, thì lại vơ vẩn không biết nghĩ ra làm sao, vì họ về mặt kinh-nghiệm, chỉ thấy loài động-vật có chân thì mới hành-động được, mặt trời mặt trăng có chân đâu mà hành-động được như thế? Bấy giờ muốn tìm ra cái nguyên-nhân làm sao mà mặt trời mặt trăng hành-động được, bởi vậy họ mới đâm ra nghĩ, nghĩ rồi đâm ra phải tin, tin ấy là tin nhảm. Song cái tin nhảm ấy, ở cái đời chưa có khoa-học là gì, thì những sự nghĩ tưởng-tượng để cầu lấy biết, cũng không có hại gì lắm, duy chỉ có một điều, đã tưởng-tượng mà tin nhảm, cho là chân-lý không thể thay đổi được nữa, khiến cho người ta không dám sinh ngờ, bởi thế sự tin nhảm mới là cừu-địch của khoa học về sau này, không thì cũng là một thứ đồ gươm dao để giết người vậy.

Sự tin nhảm có thể giết người được, điều đó đã có nhiều người tai nghe mắt thấy, không còn nghi-hoặc nỗi gì; ở đời thượng-cổ, họ giết người tế thần, là sự thường lắm; cho đến về sau, đã có hơi biết công-nghệ, biết

bắc cầu, biết đắp thành, mà vẫn thường thường thấy giết người để cúng-tế quỷ dữ thần thiêng vậy. Những việc tàn-nhẫn như thế, tuy ngày nay không có nữa, nhưng cũng vẫn còn, năm 1880, báo *New York Tribune* còn đăng cái tin ở xứ Mandalay : Nhân vì sự cầu cúng cho vua khỏi bệnh, mà đến nỗi con trai con gái, mục-sư, và người ngoại-quốc cả thảy 700 người bị chôn sống ở bên thành để trấn-áp những ác-ma khỏi quấy nhiễu.

Câu chuyện ở trên này là kể ra cho có lệ đó mà thôi, chớ những sự tin nhầm mà đến nỗi giết người còn nhiều lắm, ông *Ximenez* thuật rằng: « Dận Vera Paz ở Ấn-độ có cái thói quen : hễ một người chủ nhà sắp chết thì nội bao nhiêu tôi tớ trong nhà, đều đem giết hết, để cho chúng nó xuống dưới âm-phủ trước để làm nhà làm cửa, thu xếp cho chủ ».

Những dân-tộc còn giã-man, cứ hàng năm những người chết về sự tin nhầm rất nhiều, không kể sao cho xiết, điều đó ai ai cũng đã từng tai nghe mắt thấy, chẳng cần kể ra chi cho nhiều, bây giờ ta hãy nên xét xem khoa-học và sự tin-nhầm xung-đột nhau ra thế nào, nghĩa là phải biết qua cái tình-hình các nhà khoa-học hay vì sự tin nhầm mà đến nhiều nỗi khốn-đốn lắm.

Đời xưa, những nhà khoa-học và triết-học vì sự tin nhầm mà đến nỗi chết cực nhiều. Ông *Protagoras* là một nhà quy-biện ở Hy-Lạp, nhân vì ngờ là không có quỷ thần mới nói mấy câu này : « Nói đến chuyện thần thánh tôi không bảo rằng có, tôi cũng không bảo rằng không, mà có hay không có chúng ta cũng chẳng biết thế nào, vì là có nhiều lẽ : phần thì bởi bàn đến sự đó, mờ mờ mịt mịt biết thế nào cho phân-minh, phần thì đời người ngắn ngủi, xét thế nào cho cùng được» Ấy, chỉ nói có thế thôi, mà đến nỗi bị những kẻ tin nhầm ngược-đãi ông, ông phải từ kinh-thành *Nhã-Điển* (Athènes) ra Tây-Tây-Lợi, nửa đường ông đâm đầu xuống bể mà chết.

Xưa những nhà triết-học tư-tưởng, vẫn không tin có thần, ông *Xenophanes* là người Hy-Lạp đã từng thuyết-minh cái lẽ sở-dĩ có thần, là tự người ta bày vẽ ra cả ; ông ta nói rằng :

« Giá phỏng con trâu và con sư-tử cũng có tay thì mình có thể bảo nó vẽ, bảo nó làm nghề này nghiệp khác cũng hệt như người : thế thì con ngựa mà có vẽ ông thần, thì hình-trạng tự-nhiên phải giống con ngựa, con trâu mà vẽ ông thần, thì hình-trạng tự nhiên phải giống con trâu. Thế là bất quá chỉ tự mình vẽ ra cái thân-thể mình, cái hình-trạng mình rồi bảo là thần vậy ; cho nên người *Ethiopians* đắp thần-tượng thì bao giờ cũng da đen mũi gỗ ; người *Thracians* đắp thần-tượng thì bao giờ cũng tóc đỏ mắt xanh vậy ».

Ông nói câu ấy, nếu ông sinh vào Athènes là nơi tôn-giáo hưng-thịnh, chẳng kẻo bị chết thảm hại như ông *Socrates*. Ông *Socrates* cũng chỉ vì phát-minh cái tư-tưởng của mình ra, mà đến nỗi phạm phải ba điều tội án :

1° Phản-đối về sự thờ thần ;

2° Xướng ra đạo đối ;

3° Phá-hoại đạo-đức của những hạng thanh-niên ;

Mà bị kết án phải uống thuốc-độc chết, vì thế môn-đồ đệ-tử của ông đều phải bỏ thành *Athènes* mà đi, đủ biết sự tin nhầm của đời bấy giờ hiểm-ác thật.

Trải mấy đời về sau, những nhà học-giả vì sự tin nhầm làm cho thiệt thân cũng nhiều, ở thiên khảo-cứu còn con này, không làm sao thuật cho hết, duy có điều, ta nên biết câu chuyện một nhà thiên-văn nổi tiếng xưa nay, là ông *Galileo*, bị sự tin nhầm hiếp-bách ông đến thế nào. Ông *Galileo* vốn là nhà thiên-văn Ý-đại-Lợi, 17 tuổi học nghề làm thuốc, rồi xoay ra học về khoa vật-lý, sau ông thí-nghiệm mà phát-minh ra được một thuyết rất mới, lừng lẫy tiếng tăm ở trong khoa-học.

Nguyên trước ông *Aristote* là người Hy-Lạp nói rằng : *« Hễ vật gì rơi từ trên cao xuống, mà nhanh hay chậm, là tùy ở như vật ấy nặng hay nhẹ thế nào, một quả cầu nặng 10 bảng ở trên cao rơi xuống, vì với quả cầu chỉ nặng 1 bảng, thì nhanh gấp mươi lần».* Sau này tuy có người phản-đối cái thuyết của ông, song cũng không biết thế nào mà chứng-minh, thành ra không có mấy ai tin-phục. Ông *Galileo* cố phá cái thuyết ấy, để chứng-minh cho thiên-hạ biết rằng sai ; ông mới trèo lên cái tháp thật cao, cầm một quả cầu nặng 1 bảng, và một quả cầu nặng 100 bảng, đồng-thời quăng xuống, thì quả-nhiên hai quả cầu cùng rơi xuống đất trong một lúc, chớ không phải vì nặng nhẹ mà nhanh chậm khác nhau.

Ông *Galileo* cả đời chỉ cắm cúi vào khoa-học thiên-văn, nên cái ách-nạn làm khổ ông, là cũng chỉ vì ông khởi xướng ra nói rằng : « Mặt giời là vị định-tinh mà quả đất quay chung quanh ». Cách ít lâu, ông phải điệu đến tòa « Dị-giáo tài-phán » (inquisition) mà bị tra-tấn một cách rất nghiêm-lệ, lại bị bỏ ngục mấy phen ; năm ông đã 70 tuổi đầu, tóc bạc da mồi, chịu những cực-hình không được, cực chẳng đã, ông phải quì và thề ở giữa mặt công-chúng rằng : ông không dám bảo mặt giời là vì định-tinh ở giữa mà quả đất quay chung quanh nữa. Đó, ta xem ông *Galileo* lúc bấy giờ, chỉ xướng lên cái thuyết « quả đất quay chung quanh mặt giời », mà bị khốn khổ đến như thế, có lạ hay không? Nhưng mà, xem mấy lời nghị-luận của một đẳng giáo-sĩ lúc bấy giờ, thì cũng đủ biết cái học-thuyết của ông *Galileo* xướng ra như thế, tuy bây giờ công-nhận là phải, song lúc đó, không tài nào chúng lại khoan-dung được thật. Trích những lời nghị-luận nổi tiếng như sau này :

Ông *Scipio Chiaramonti* nói rằng : « Loài động-vật mà cử-động được là nhờ có chân tay cùng là gân cốt, quả địa-cầu không có chân tay gân cốt, cho nên không cử-động được, sao Mộc-tinh, Thổ-tinh cùng là mặt giời mà vận-chuyển được, cũng là nhờ ông *sứ nhà giời* nào vận-chuyển cho đó, như bảo là quả địa-cầu quay được, thì chắc cũng có ông *sứ nhà giời* đứng đâu ở giữa mà quay cho vậy, nhưng mà xét ra ở mặt đất, thì nhiều ma dữ, thế thì quả đất quay được, cũng là nhờ những con ma dữ quay mà thôi vậy. Nào là định-tinh, nào là hành-tinh, nào là mặt giời, đều là một loài tinh-tú tức là loài về thiên-thể, nay đem quả đất cũng sát-nhập vào họ nhà giời, ấy là một điều bậy bạ mà láo vô-cùng, vì thiên-thể vốn tinh-sạch mà thần-thánh, còn quả đất thì dơ-dáy và ô-trọc lắm vậy ».

Lại có mấy lời biện-luận rất thú-vị của ông *Fromundus* như sau này :

« Như bảo là địa-cầu quay, thì quay ra cách thế nào, mà chắc lúc nó quay, thì bao nhiêu nhà cửa trên mặt đất đều

bắn vung ra cả chớ còn gì, loài người ta hẳn phải có móng như móng chân mèo, thì lúc quả đất quay, mới bám chặt vào mặt đất được ».

Ấy những lời nghị-luận bướng như thế, mà đời bấy giờ rất tin, trách nào ông *Galileo* xướng nên cái học-thuyết trên kia, mà khỏi sao được chúng làm tội làm tình, xử một cách tàn-nhẫn được.

Tự đấy trở lên, là nói sự tin nhầm với khoa-học xung-đột nhau, đó là việc giữa thế-kỷ thứ 17, nhưng mà không bao lâu, kết-cục thì chân-lý cũng vẫn chiếm được phần hơn, mà sự tin nhầm phải bị cái phong-trào khoa- học sô đẩy băng đi, tuy vậy cũng chưa được hết, song sự tin nhầm đã bị khoa-học trừ đi đến già nửa mất rồi

(*Còn nữa*)

Đào-Trinh-Nhất *dịch thuật*

MÁY LƯU-THANH

I

Nói về sự phát-minh ra máy lưu-thanh

Hình-dáng người ta muốn lưu-truyền đến đời sau hay là muốn cho người ở xa cách trông thấy thì nhờ có máy chụp hình. Giọng tiếng người ta muốn lưu-truyền đến đời sau hay là muốn cho người ở xa cách được nghe thấy, thì nhờ có máy lưu-thanh. Máy lưu-thanh này là một thứ máy của ông THOMAS EDISON người nước Mỹ mới chế ra năm 1876, Đến tháng một năm 1877, EDISON có đem máy này đến một sở « Thông-tục-khoa-học-tạp-chí » gọi là *Khoa-học-thượng chi Mỹ-quốc-nhân-gia*. Khi đến nơi, những người trong sở mời vào ngồi chơi trong nhà khách, một lúc lâu, ông EDISON chẳng nói năng nhờn gì, mọi người lấy làm ngạc-nhiên, sau ông mới lấy cái máy nhỏ ở trong túi ra để ở trên bàn, rồi khẽ xoay chuôi cong ở máy ấy, chợt thấy có người nói cả tiếng rằng: « Chào các ngài, ít lâu nay các ngài có được mạnh khỏe không? Các ngài phỏng có thích cái máy lưu-thanh này không? » Nghe các tiếng đó thì thật hệt tiếng ông EDISON nói ra, ông đã cho mọi người xem thấy máy ấy rồi lại bỏ vào túi ra về, chẳng nói nhờn gì sốt. Trong lúc bấy giờ những người nghe thấy thế, đều lấy làm kinh-hãi, rồi đem chuyện ấy đồn đi, có một ngày mà các nước trong thế-giới đều nghe thấy cả. Ai nghe chuyện ấy cũng nức khen ông EDISON là một bậc rất tài giỏi, người đời không thể sánh kịp được. Đó là nói về máy lưu-thanh mới bắt đầu phát-hiện ra ở thế-giới này.

II

Nói về các tên máy lưu-thanh

Các tên máy lưu-thanh thì nhiều, không biết tên nào là sác-định? Nhưng xét ra thì nên cho tên *Phonographe* của nước Anh là đầu hết; vì máy ấy có thể thu các tiếng ở ngoài vào rồi lại tự nói lại được. Những tiếng đã thu, ghi vào trong máy rồi lại nói ra, thì tiếng nước Hy-lạp gọi là *Phone* hay là *graphien*, bởi thế cũng đặt tên máy lưu-thanh là *Phonographe*. Từ đấy về sau, có người nhân cái lẽ đã ghi vào lại nói ra được mà gọi là *graphophone*; có người nhân cái ống nói bằng ống sáp đổi làm ra hình mâm tròn và phẳng mà gọi là bình-viên-bàn lưu-thanh-cơ *(gramophone)* Tiếng *gram* này là nói máy lưu-thanh dùng cái kim để ghi các tiếng, chẳng khác dùng bút để viết các chữ vậy. Về sau người ta đặt tên máy lưu-thanh đều theo phép đó cả, mà hiện nay thì có máy *graphophone* và máy *gramophone* là dùng nhiều hơn hết. Nói rút lại thì tên các thứ máy lưu-thanh đều có tiếng *Phone*, như *Lyrophone*, *Nipponophone*, *Mikadophone*, nhưng không phải là nguyên tên máy lưu-thanh như thế. Đó là do những người sau tìm được cách sửa đổi những máy lưu-thanh cho thêm tinh-xảo rồi đặt ra các tên hơi khác một chút, cho tiện sự quảng-cáo để đời dễ nhận biết đó là một thứ máy đã sửa lại mà tốt hơn.

Trong Công-ty Victor nước Mỹ có chế ra máy lưu-thanh gọi là *Talking Machine* là có ý chỉ cái máy ấy toàn dùng những vật-phẩm của Công-ty chế ra mà những tiếng nói ra hệt hẳn như tiếng người nói chẳng có một chút tiếng máy cọ sát lẫn vào đấy được, thật là thứ máy tốt nhất ở thế-giới này. Bây giờ lại còn thứ máy lưu-thanh không dùng loa kèn gọi là *euphone*, mà nghĩa *eu* là chỉ bóng rẳng dáng đã xinh đẹp tiếng lại trong trẻo. Lại còn một thứ máy của Công-ty Victor đã chế cũng không có loa kèn mà gọi là *Vitorale*, đặt tên như thế, là có ý chỉ máy ấy là thứ máy riêng của Công-ty đã chế ra.

III

Nói về sự khởi-nguyên ra máy lưu-thanh.

Máy lưu-thanh có hai điều rất cốt yếu: một là thu được các tiếng nói ở ngoài mà ghi chép cả lại; hai là tự nói lại được hết các tiếng đã ghi chép từ trước. Trong hai điều đó, thì điều thứ nhất là từ ông Leon Scott đã tìm ra, mà điều thứ hai là từ ông Edison mới nghiệm thấy.

Scott xưa có làm ra cái ống để ghi các tiếng, lấy thạch-cao chế ở đáy trên cái thùng nhỏn, để cho lọt dần xuống đáy thùng dưới. Ở giữa đáy thùng dưới để một lỗ tròn khoát chừng hai tấc rưỡi, cắm một cái ống ngắn bằng thau, cuối cái ống có trùng màng mỏng rất thẳng, giữa màng mỏng thì có đặt một cái kim chế bằng lông gáy lợn, mà khiến cái kim đó đứng thẳng, cho đầu nhọn sát với ống tròn nhỏn, ngoài ống tròn lại quấn một mảnh giấy hơ đều than muội. Hễ khi làn tiếng ở ngoài tràn vào thùng nhỏn, động vào màng mỏng, thì cái kim bằng lông cũng truyền làn tiếng động mà ghi chép vào mặt ngoài ống tròn là chỗ quấn mảnh giấy có hơ than muội. Xét công việc như thế, đối với máy lưu-thanh ghi các tiếng vào ống sáp thật chẳng khác chút nào. Năm 1860, ông Reis nước Đức phát-minh ra máy nói bằng điện, sau ông Graham Bell và ông Elisha Gray sửa lại thành ra máy *Téléphone* bây giờ. Thứ máy này thu được tiếng nói ở phương xa theo khí điện mà truyền đến hòm điện-từ ở cái ống chịu nhờn chỗ khác rồi làm cho rung-động lá sắt mỏng ở phía trước hòm điện-từ mà sinh ra những tiếng hệt như những tiếng người nói ở bên kia. Ông Edison thấy thế, muốn biết sức mạnh của lá sắt thế nào, mới để một đầu cái kim vào giữa lá-sắt, còn đầu kia thì đề liền vào lá thiếc mỏng, mà nghiệm ra rằng: lúc lá-sắt rung động thì mũi kim khắc được những rãnh sâu trên lá thiếc mỏng. Sau suy những

công-dụng của rãnh sâu ấy lại thử vận-động sang những màng-mỏng khác, thì thấy các tiếng lại sinh ra được. Đó là kể sự ông Edison đã dụng-công thực-nghiệm mà chế được máy lưu-thanh.

IV

Nói về máy lưu-thanh của ông Edison mới bắt đầu chế ra.

Máy lưu-thanh của ông Edison khi mới bắt đầu chế ra thì khác hẳn những máy bây giờ. Trong giữa thì có cái ống tròn bằng nhau, ngoài trục cái ống thau có những đường soáy-ốc nho-nhỏ liền khít với nhau, đầu trục thì có cái chuôi cong. Hễ khi xoay cái chuôi, thì cái ống tròn cũng theo đường soáy ốc của cái trục mà xoay lên mãi. Lại mặt ngoài ống tròn có nhiều rãnh nhỏ. Những rãnh nhỏ ấy cùng đường soáy ốc ở trên trục đúng nhau từng cữ từng khớp một. Lại đem lá-thiếc mỏng quấn quanh bên ngoài ống tròn, ở góc thẳng hướng vào ống tròn lại cho một cái loa-kèn ngắn và nhỏ, phía dưới có trăng lá sắt mỏng, trong giữa lá sắt để cái kim con, cho đầu nhọn cái kim liền khít vào lá thiếc mỏng ở ống tròn, rồi lấy tay xoay cái chuôi cong, đối miệng vào loa-kèn mà nói, thì làn tiếng tràn vào sắt mỏng, sắt mỏng ấy phải rung động, chuyển động cả cái kim, mà mũi kim sẽ khắc nên những rãnh lõm vào lá thiếc mỏng, hoặc chỗ sâu chỗ nông không đều nhau. Những rãnh lõm mà sâu nông không đều nhau đó, là do những tiếng nói khi lên bổng, lúc xuống chìm không đều nhau. Cái ống tròn để ghi các tiếng gọi là *âm-phổ* (*Record*). Vì thử đem cái kim hơi cùn cùn, để lên trên âm-phổ ấy mà xoay chuôi cong, thì cái mũi kim chạy trượt qua những rãnh lõm mà làm cho rung động, lại sinh được những tiếng như đã nói trước.

V

Nói về máy lưu-thanh của ông Edison đã sửa lại.

Máy lưu-thanh của ông Edison mới bắt đầu chế ra thì còn khuyết-điểm nhiều lắm; rồi sau sửa đổi lại, mỗi ngày càng tinh-xảo thêm lên. Nay thuật các phép cải-lương như sau này:

1. Phép xoay Âm-phổ được thật đều - Khi ông Edison mới chế ra máy lưu-thanh, còn phải xoay bằng tay, nên *Âm-phổ* quay chuyển không được đều, khi thì nhanh quá, khi thì chậm quá, mà những tiếng nói thường vì đó biến mất cả điệu. Bởi vậy phải dùng đến máy xoay. Làm máy xoay cốt phải tính thì giờ cho đúng, mà nhờ những giây cót hoặc bánh xe chia ra từng độ cho thật đều. *Âm-phổ* chuyển có đều thì điệu nói mới khỏi biến. Vậy thì máy bình-tốc thật là một bộ cốt yếu ở máy lưu-thanh. Những bộ máy xoay thường dùng hơn là máy *Lợi-dụng-li-tâm-lực bình-tốc-cơ*. Sức động của bộ máy này phát ra từ răng bánh xe mà truyền đến cái trục, chung quanh cái trục, có 3 cái giây lò-so, mỗi cái giây lò-so đều phụ một khối bằng loài kim cho thêm nặng. Những cái giây này thì một đầu gắn hẳn vào cái trục, còn một đầu nữa thì vẫn theo cái trục mà chuyển-động được. Ở đầu ấy lại hợp liền với một tấm sắt tròn, tấm sắt tròn này cũng theo đầu ấy mà chuyển-động ở cái trục, ở khoảng giữa tấm sắt tròn và đầu ấy cùng đối nhau, có một cái cán đầu nhọn, cái cán đó lại để thêm một mảnh vải. Hễ khi nào cái trục xoay thì những khối bằng loài kim cũng xoay, mà bởi những giây lò-so phùng mãi ra, nên đầu này bị dẫn gần sang đầu kia rồi cứ theo trục xe mà xoay chuyển, mặt trong tấm sắt tròn cũng nhân thế sát ghịt vào mảnh vải. Nên cái trục càng xoay nhanh bao nhiêu, thì tấm sắt tròn cùng mảnh vải càng sát ghịt hơn mà cọ sát càng mạnh bấy nhiêu. Đến lúc cái trục xoay đã chậm, nếu để miếng vải nhờ đường soáy-ốc, hoặc giây lò-so cho bám sát vào tấm sắt tròn, thì cái trục liền thôi không xoay nữa. Đây là nói về cách âm-phổ xoay chuyển và những cách mở máy cùng đóng máy thế nào. Máy lưu-thanh bàn tròn bây giờ cũng thường dùng bộ máy xoay ấy.

Nay người ta lại dùng máy điện động để soay *âm-phổ* cho điều, mà khỏi biến điệu, máy điện động ấy gọi là mã-đạt. 1. Mã-đạt ở máy lưu-thanh thường, thì điện chạy 2 phất-đả cùng 2 An-bồi là thích độ, còn những máy lưu-thành nhớn hơn, có khi phải cho thêm điện đến 4 phất-đả, cốt sao những lúc xoay được thật tròn thật trơn không có tiếng khàn là một điều rất cần thiết hơn cả.

2. Phép dùng những vật-chất để chế ra tấm đựng tiếng gọi là âm-phổ-bản — Trước kia người ta thường dùng lá thiếc mỏng làm âm-phổ, thì chẳng những là lúc ghi cái tiếng vào đã khó lại những lúc thay đổi cũng hay biến động những rãnh lõm mà hỏng ngay. Năm 1886, ông Bell và ông Sumuer mới phát-minh ra cách lấy ống sáp thay cho lá thiếc. Song lúc mới chế ra ống sáp chỉ dùng nguyên một thứ sáp trắng mà thôi. Sau cải-lương-dần dần mới dùng các chất khác pha lẫn lộn vào. Các cách chế-tạo của những nhà nghệ-học tuy đều có phép bí-mật khác nhau, nhưng chẳng kỳ thứ nào cũng dùng sáp rồi pha lẫn nhựa cây vào, nhựa cây càng nhiều thì chất nó lại càng rắn;

Nhưng nếu rắn quá thì thường hay tách sứt ra những mạt vụn, mà làm cho chỗ sâu chỗ nông ở những rãnh lõm không được hợp với điệu tiếng cao, thấp, nhớn, nhỏ của người. Nên những lúc ghi tiếng vào tấm sáp đó phải dùng lông lạc-đà quét những mắt vụn ấy đi hay là thổi không khí vào cho bay lên.

3. Phép đổi cái *màng động* và *kim ký âm*, *kim phóng-âm* — *Cái màng động* ở dưới đáy *loa kèn*, xưa thường dùng lá-sắt mỏng. Nay người ta dùng pha-lê hoặc vân-mẫu mà thay lá sắt ấy. Những màng-động lại không để liền vào cái hòm trấn-động (hòm trấn động là cái hộp nhỏ ở dưới đáy loa-kèn; hòm này những máy lưu-thanh không có loa-kèn cũng phải dùng đến cả) thường để sen một miếng da voi ở khoảng giữa cái màng và cái hòm, khiến cho lúc động chuyển khỏi có điều phương ngại.

Từ lúc mới có máy lưu-thanh thì đã có hai thứ kim khác nhau, một cái kim để ghi cái tiếng, gọi là *ký-âm-châm* (Recorder) và một cái kim để nói các tiếng ra gọi là *phóng-âm-châm* (Reproducer), hai cái kim đó bao giờ cũng gắn liền vào cái *màng-động*, nên đều phải dùng đến hòm trấn-động cả.

Cái kim *ký-âm* chế bằng thanh-ngọc thì tốt lắm, nhưng phải dùng cái đột bằng pha-lê siết đầu nhỏ đi mà phụ cái mũi nhọn vào, cái mũi nhọn đó chỉ lả trên tấm sáp thành một cái góc tà chừng 60 độ ở trên, thân kim lại bọc lá bạc mỏng hay lá thau mỏng chỉ để đầu kim thò ra một ít vậy mà thôi. Lá bọc ngoài cái kim ấy thì hình mặt phẳng, thường gắn liền vào giữa cái màng động bằng pha-lê mà gắn hơi lả, khiến cái kim chỉ vào tấm sáp làm thành một góc tà chừng 40 độ. *Kim phóng-âm* thì bao giờ cũng chỉ sít ở

góc ngoài mặt tấm trấn-động, đầu nhọn thì hơi tròn và hơi cùn, chớ không sắc như mũi *kim ký-âm*. *Kim phóng-âm* này người ta thường dùng thép mà chế ra. Song thép tuy rắn, mà vì kim thì nhỏ, nên cũng chóng mòn lắm. Có người lại chế bằng kim-cương thì rất rắn và rất bền không thể mòn được, nhưng đầu kim thường không được thích-hợp với những rãnh lõm ở trên *âm-phổ* thì cũng chẳng ăn thua gì. Chỉ có thứ kim thép mài qua vào mặt ngoài những tấm âm-phổ chứa khắc các rãnh, thì các đầu kim ấy rất thích-hợp, bởi vậy có nhiều người nói kim thép là thích-dụng hơn cả, song vì chóng mòn, nên hễ đã dùng qua một lần rồi, thì thành ngay như hình lưỡi búa sắc mà làm hại những rãnh ở âm-phổ. Vậy thì những kim này hễ dùng qua rồi thì phải đổi ngay cái khác. Ngày nay đã có người nghĩ muốn cải-lương cái *kim phóng-âm*: hoặc dùng cái đót bằng pha-lê hay là thanh-ngọc, nếu chế ra như thế mà thích-hợp được với các rãnh lõm ở trên âm-phổ không tổn-hại gì đến các rãnh ấy, thì tiện-lợi biết là dường nào!

Sau lúc đã cải-lương như thế lại còn có thứ máy lưu-thanh bằng ống sáp xuất-hiện ở trên đời này, tức là máy lưu-thanh bằng ống sáp của ông Edison đã chế ra, để nghe những tin tức ở bên nước Anh, máy ấy không dùng loa kèn mà dùng cái ống bằng da-vol để vào tai người nghe, như thế thì đồng-thời tuy nhiều người không thể cùng nghe trong một lúc được, một người nghe thì rất rõ. Thứ máy này tuy ngày nay không mấy người thích dùng, nhưng đến phép ghi tiếng thì rất tiện và rất dễ, cho nên các trường dùng để dạy học cũng là một cách tiện-nghi.

VI

Nói về sự phát minh ra máy lưu thanh bình-viên-bàn

Máy lưu-thanh như hình cái mâm tròn và phẳng gọi là Bình-viên-bàn lưu-thanh-cơ, hiện nay người ta thích dùng hơn hết. Máy này phát-minh ra từ ông Eiml Berliner ở nước Mỹ, mà những cách cấu-tạo như sau này:

Dùng cái mâm tròn và phẳng làm *âm-phổ* để thay cho ống sáp, lại đem *kim ký-âm* và *kim phóng-âm* cho đi phẳng trên âm-phổ-bản, đầu trên cái kìm thường vẫn chỉ khít vào giữa *âm-phổ-bản*, giữa thân kim thì nhờ có đường soáy ốc hoặc phương-pháp khác mà để định hẳn lên trên miệng thành hòm *trấn-động*, còn mũi kim thì nhứn vào những rãnh ở bàn tròn, mỗi một lần phóng âm rồi, thì lại đổi cái kim mới, bởi thế lại tìm cách xếp đặt cho dễ thay kim, còn bộ giữa thân kim đã soáy chặt vào miệng thành hòm *trấn-động*, nên 2 đầu kim cũng phản-đối với nhau như cái cán cân nghiêng lệch, đầu này hướng sang bên tả, đầu kia hướng sang bên hữu. Lại nữa trên thì dài hơn, nửa dưới thì ngắn hơn, cho nên đầu dưới chỉ hơi động, mà đầu trên thì động nhiều, cho tiếng nói ra được mạnh.

(còn nữa)

NGUYỄN-MẠNH-BỔNG.

NAM-SỬ DIỄN-CA

(*Tiếp theo*)

Trải triều Hiền-Túc suy-vi,
Sang Uy-Mục-đế thứ-chi nối đời,
Quỷ-vương tửu-sắc vui-chơi,
Nguyễn-Văn-Lang khởi binh ngoài Thanh-hoa,
Dản-Tu một thói dâm-tà,
Quỷ-vương hóa kiếp lại là Trư-vương,
Quân Trần-Cảo giấy Thủy-Đường,
Cải-nguyên Thiên-Ứng xưng vương từ rầy,
Quyền-thần Duy-Sản ghê thay,
Cầm quyền phế-lập một tay dan-hùng.
Đã tôn Quang-trị nối giòng,
Lại mưu phù lập Chiêu-tông có gì?
Cơ trời báo-phục đã kỳ,
Giết Duy-Sản lại mượn uy giặc Trần,
Cảo già Thăng nối xưng quân,
Tuyên-hòa cải hiệu Ngụy-Trần từ đây.
Phong-trần một cuộc vần xoay,
Mạc-đăng-Dung lại ra tay cường-quyền,
Cảnh-Chân, nỡ giết tướng hiền,
Bỗng xui Nguyễn-Kính nổi lên báo thù.
Hai vua mà một tay phù,
Nguyễn-sư khéo gặp những đồ bất-lương,
Chiêu-tôn gặp bước vội-vàng,
Đăng-Dung lại lập Cung-hoàng lên thay.
Mạc đầu tiếm-vị từ đây,
Kia Thăng-Long nước, nọ Nghi-Dương nhà,
Đăng-Dung vừa ẩn cõi già,
Truyền ngôi con cả gọi là Đăng-Doanh,
Lòng trời rắp muốn trị-bình,
Bản-triều Triệu-tổ khởi binh ở Lào,
Nghệ-an chỉ ngọn cờ đào,
Nửa đêm phút động tiếng trào Lôi-Dương,
Phù Trang-tôn ngự ngôi vàng,
Nghĩa-thanh không sấm mà vang dậm nghìn,
Trong dinh khi bỗng sao tàn,
Rể là Trịnh-Kiểm thay An-tĩnh-hầu,
Nguyên-hòa kiến-hiệu năm đầu,
Đạo Gia tô có người Âu qua truyền,
Đông Tây hai phía chia liền,
Một miền người Pháp một miền người Tây,
Trung-quân nối vị từ đây,
Muôn nghìn tướng-sĩ đóng đầy Biện-Doanh,
Gươm vàng thẳng chỉ Đông-Kinh,
Phúc-Nguyên chúa Mạc, Kim-thành chạy sang,
Lại còn Kính-Điển chưa hàng,
Lửa binh một trận duyên-giang tan-tành.
Tây-Đô riêng một triều-đình,
Biết bao rối loạn khi Anh-tôn triều,
Thanh-Hoa quân Mạc kéo vào,
Thái-sư Trịnh-kiểm đứng đầu đồng-nhung,
Triều Lê có biểu Trịnh-công,
Bản-triều Thái-tổ trấn-phong Hóa-Thành,
Hoành-sơn một giải xanh-xanh,
Đất hưng vương sẵn để dành triều ta.
Trịnh-công lại kéo quân ra,
Bắc Tây các đạo đều là hiệu-trung,
Mới cùng Kính-Điển giáp-công,
Mạc-binh chỉ nẻo Thăng-Long chạy về.
Nhân khi Mậu-Hiệp hải-đề,
Mở đường phố Cát, thẳng về Hoài-Ân.
Quan-quân lương-lướng chứa chan,
Đuổi quân Minh tới Lĩnh-trường mới thôi.
Kiểm già Cối lại nối ngôi,
Hoang-dâm nào biết vua tôi đạo thường
Cối đà theo Mạc đầu hàng,
Trịnh-Tùng lại nối giữ-dàng việc quân,
Ngoài cường-tặc, trong cường-thần,

Lôi-dương nỡ bỏ cái thân ngàn vàng,
Thế-tôn lên nối nghiệp vương,
Trịnh-Tùng phù-lập một dường giả danh,
Mạc-binh ra sức tung-hoành,
Đại-Hà dĩ Bắc, không thành nào kiên,
Quang-Hưng mười bốn kỷ-niên,
Thiên-binh năm đội băng miền Thiên-quan,
Trường-khu một lối duyên-san,
Đá bay Thạch-thất lửa tàn Thăng-Long,
Đuổi Mậu-Hiệp chạy qua sông,
Bấy giờ sai sứ cầu-phong Minh-triều,
Vua Minh tin ít nghi nhiều.
Khắc-Khoan Phùng-thị sứ-thiều lại sang,
Biện-minh Đô-thống quốc vương,
Tuyết sương muôn dặm sắt gang một lời,
Trước sau Mạc tiếm hai đời,
Kể năm vừa được sáu mươi bảy niên.
Mạc-triều có Nguyễn Trạng-nguyên,
An-nam lý-học Trình-Tuyền là tinh,
Biết rằng: Mạc-vận còn hanh,
Vài đời còn được Cao-Bình nhỏ chi,
Biết rằng: Nam-phục khai ky,
Hoành-sơn vạn đại khó gì dung-thân,
Nay còn truyền tụng sấm-văn,
Thi-văn lại có Bạch-vân tập truyền.
Mạc suy Trịnh lại nối lên,
Tùng phong vương-tước, uy-quyền ngang vua,
Kinh-tôn vừa độ ấu-cô,
Ngạn Khuê theo Mạc giúp phù Kính-Cung,
Tặc-binh thẳng cứ Thăng-Long,
Quan-quân đánh đuổi thành-trung phục vi,
Trịnh-Thung tàn-ác đã kỳ,
Hiếu thân chẳng biết, biết gì trung quân
Thần-tôn chính tại cường-thần,
Vua Lê chúa Trịnh nhân-tuần đã quen.
Phong Trịnh-Tráng chưởng binh-quyền,
Bức Thần-tôn phải thiện-truyền Chân-tôn;
Bầy năm lịch-số vừa chung,
Thần-tôn lại ngự càn-cung trị đời.
Phó-vương quyền cả trong ngoài,
Tiếm-phong Trịnh-Tộ nối ngôi vương-hầu,
Từ năm Vĩnh-Thọ là đầu,
Thuốc Ai-Lao mới đem vào nước ta,
Khói thơm bay khắp gần xa,
Ai đà biết đến ắt là chẳng quên.
Tương-tư nên có đặt tên,
Trước còn quốc-cấm, sau quen tục-tình,
Thái-tôn hoàng-đế khởi binh,
Phù Lê duyệt Mạc uy-danh muôn phần.
Lệnh sai hai tướng một lần,
Phá châu Bố-chính dần dần kéo xa,
Kỳ-hoa rồi đến Thạch-Hà,
Phân-binh lược địa đã già sáu niên,
Luỹ dài dấu-tích còn truyền,
Phạm biên không được Trịnh liền rút quân,
Vận Lê còn buổi gian-chuân,
Huyền-tôn tuổi trẻ, cường-thần quyền cao,
Long-Xuyên nổi trận cung-đao,
Trịnh-binh đuổi Mạc sang Cao-bình-thành,
Mạc-Kính-Vũ viện quân Thanh,
Phong làm Đô-Thống tung-hoành bốn châu,
Gia-hi nối nghiệp bấy lâu,
Trịnh-Căn tập tước vương hầu cố-gia.
Quan Thanh sâm-chiếm đất ta,
Thổ-quan đem hiến Na-oa cõi ngoài,
Lửa binh trải tám năm giời,
Châu Nam-Hà mới thu hồi về ta,
Có quan Ninh-quận đi xa,
Đào khoai trong núi khi đà hết lương,
Giống từ ở Bắc đưa sang,
Nước ta mới có khoai lang để trồng.

(còn nữa)

Hoàng-Giáp Đinh-Văn-Chấp.

NHÀ NGHỈ MÁT CỦA HOÀNG-ĐẾ BÁ-ĐA

(Tiểu-thuyết)

Ở gần thành Bá-đa (Bagdad), có một người đàn bà hóa và nghèo ở trong một cái nhà con. chung quanh có cái vườn trồng rặt hồng và nhài cả. Người ấy có một đứa con trai mới lên bảy tuổi, tên là Sê-lim. Hai mẹ con lận-lứa ở với nhau, mẹ thường ngày đem bán hoa cho những thợ cất nước hoa để lấy tiền nuôi con. Cứ như thế hai mẹ con cũng đủ tiền chi-dụng. Tuy nghèo khổ mà bà ta vẫn lấy làm sung sướng hơn người, trong lòng chỉ ao ước một điều là sao cho con, sau này nên người ngay thẳng, để thân già được yên nghỉ trong cái nhà con mà ông cha đã để lại cho kia.

Một hôm Hoàng-đế Bá-đa cùng quần-thần xuất-du ngoại châu thành, Hoàng-đế trông thấy cái nhà con của bà ta ở giữa cánh đồng, nhìn địa-thế lấy làm thích lắm. Chung quanh nhà phong-cảnh rất êm đềm ngoạn-mục, nào cam nào chanh mọc chiu chít như rừng, làm cho gió nóng không sao lọt qua khỏi cái lũy lá được. Hoàng-đế bụng nghĩ rằng, ở chỗ cái nhà nhỏ bé kia, ở trong cái vườn tốt đẹp kia, nếu bảo những nhà kiến-trúc có biệt tài xây dựng nên một cái nhà nghỉ mát cho mình thì tất không có điều chi trở ngại.

Vua mới sai một viên quan hầu vào trong nhà người đàn bà hóa hỏi xem bà ta muốn bán cái cơ-nghiệp ấy bao nhiêu tiền thì mua lấy. Nhưng bà ta từ chối, không chịu bán, mà nói rằng: « Tôi sinh ở đây thì tôi lại muốn chết ở đây»

Vua thấy không bán lấy làm phiền lắm, khi về cung, xem long-nhan có vẻ bất bình. Song vua vốn là một vị minh-quân, rất công-bằng và rất thương dân nên tuy người đàn bà ấy không theo ý mình và không sợ oai-quyền mình. mà cũng không nghĩ đến sự cướp đoạt lấy cơ-nghiệp của người. Bọn cận-thần thấy vua thường tơ-tưởng đến cái nhà nghỉ mát kia, mà không sao thi-hành được thì lấy làm tức bực ấy này vô cùng, Có quan Cảnh-sát-trưởng tên là A-Lịch bụng nghĩ rằng: nếu làm cho vua được thỏa lòng hi-vọng tất sao lộc-vị cũng được cao-thăng. Bèn vào tâu rằng « Muôn tâu Thánh-thượng, triều-thần đã mạn-phép Thành hoàng lại nhà mụ hóa chồng, bảo mụ ấy bằng lòng bán cái nhà của mụ lấy hai túi vàng rồi. »

Vua nghe nói lấy làm vui-sướng vô cùng mới truyền rằng « A-Lịch, khi nào nhà-mát của trẫm xây xong, trẫm sẽ phong cho ngươi làm tể-tướng và sẽ ban-thưởng cho ngươi rất hậu. »

Hôm sau, hai mẹ con Sê-Lim đang trông nom sửa-soạn cây ở ngoài vườn, bỗng thấy một toán lính như hùm như hổ xấn vào nhà. quan Cảnh-sát-trưởng truyền rằng: « này mụ kia, mụ phải đi khỏi chỗ này ngay lập tức. » Bà ta sợ hãi vừa nhìn vừa run cầm-cập không nói được câu nào. Quan Cảnh-sát trưởng lại nói: « Mụ kia, phải bỏ chỗ này mà đi ngay lập tức ! »

— Bẩm quan-Lớn, nhà này là của tổ-tiên tôi truyền lại cho tôi, mà nay là nhà của tôi.

— Này mụ kia, tuy nhà này là nhà của mụ thực, song nay không phải là nhà của mụ nữa, vì Hoàng-thượng có ý muốn ở chỗ này.

Bà ta trong lòng xét ra đau đớn vô cùng, mà không dám chống-cự, sợ rằng dám linh kia sẽ ra oai hành hạ mình hay con mình chớ chẳng không. Chỉ than thở được một câu rằng: « Hoàng-đế tuy có quyền muốn sao được vậy, song việc này thật chẳng công bằng! »

Lũ lính lấy quần áo của bà ta bỏ cả vào một cái bồ, dắt con lừa ở trong chuồng ra và để cái bồ ấy lên lưng nó. Cậu Sê-Lim vừa bíu vào áo mẹ vừa khóc rằng: « mẹ ôi, sao nhà ta, nó lại đuổi ta đi? » Bà ta không biết trả lời thế nào giắt lấy con rồi đi vòng ra phía sau nhà. Khi đi ấy mỗi vật trông thấy là có một điều kỷ-niệm. Tuy rằng ở trong cái nhà bé nhỏ kia phải làm lụng vất vả, thế mà xưa nay, bà ta vẫn lấy làm sung sướng. Vừa đi, vừa khóc vừa hồi-tưởng lại thuở thiếu-niên. Hình như điều nhớ mới sầy ra hôm trước mà thôi, vì nghe như còn rõ ràng và mới mẻ lắm. Bấy giờ bà ta như trông thấy trước mặt mình những người đã qua đời hiện lên để từ giã mình trong khi kẻ ở người đi ấy. Ôi! thảm thay là người phải bỏ cửa bỏ nhà! đau đớn thay là lúc sắp sửa bước ra khỏi cái chỗ mà mình xưa nay vẫn có lòng âu-yếm.

A-Lịch thấy bà ta ngần ngại sốt ruột gắt lên rằng: « Mụ kia, phải đi ra ngay đi! »

Bà ta đi ra vườn, thấy hoa vẫn có vẻ tươi cười vui thú như mọi hôm. Bà ta từ giã hoa, từ giã cây, từ giã cái cảnh êm-đềm là nơi mà từ xưa đến nay bà ta vẫn ở. Hình như cái cảnh thiên-nhiên ấy có quan hệ mật-thiết đến đời bà ta, nên bà ta không nỡ bỏ đi cho đành.

Khi ấy A-Lịch lại dục giã: « Mụ kia đi ra cho mau! » rồi đẩy bà ta ra ngoài đường, và đưa cho một đồng tiền vàng mà bảo rằng: « Đây là Hoàng-thượng có lòng thương mà cho mụ đấy. Mụ dùng tiền này vào trong tỉnh kiếm công việc mà làm ăn. »

Bà ta đi không nhìn trở lại nữa. Tay giắt con lừa trên lưng mang cả hành-lý của mình, còn cậu Sê-Lim đi theo bên cạnh nét mặt rầu rĩ ủ ê. Hai mẹ con lủi thủi đi trên con đường cái không nói năng gì cả. Sau nhọc quá, hai mẹ con ngồi xuống vệ đường than khóc; mà bà mẹ lúc ấy mệt quá, sức đã đuối nên nản chí ngã lòng.

Khi ấy mặt trời đã sế non đoài, Sê Lim ôm cổ mẹ nói rằng: « Mẹ ôi! thôi đừng khóc nữa. Ta cứ đi vào tỉnh xem sao. Đến đó, ta sẽ kiếm việc làm, lấy tiền tậu một cái nhà khác, rồi lại được sung sướng chớ sao! » Bà ta nghe con nói thế cũng yên lòng, lại tay giắt cương lừa, cùng với con lần theo đường vào tỉnh.

Vài tháng sau, ở chỗ trước kia là một cái nhà bé con con mà nay đã thấy sỡ sộ một tòa biệt-thự trắng phà, tường hoa, cột chạm chung quanh lại có hiên-viên, trông thật uy-nghi rực rỡ. Hoàng-đế Bá-đa thế là nay đã thỏa lòng hi-vọng, tuy vậy trong lòng vẫn không được hưởng điều chi khoái lạc cả. A-Lịch — khi đó đã được phong làm tể-tướng — hết lòng tìm cách cho vua tiêu-khiển, mà cũng không công-hiệu chút nào: bày biết bao nhiêu trò vui cuộc thú mà hình như trước mắt vua có một cái màn sầu não khiến vua chẳng ngó thấy chi! Trong lòng vua lúc nào cũng thấy băn khoăn, không rõ vì đâu, làm cho trong người khó chịu hình như là có điều chi hối-hận vậy.

Vua thấy vậy lấy làm lạ lùng, thường tự vấn tâm rằng: « Hay là ta đã vô-ý mà phạm điều chi bất-minh chăng? »

Từ khi hai mẹ con Sê-Lim bị A-Lịch xua đuổi khỏi nhà, tìm đường vào tỉnh, thuê nhà ở trong một phố rất nhỏ hẹp bẩn thỉu để đi tìm việc kiếm ăn. Mẹ thì đem chiếu rách về vá lại, con thì giắt lừa đi chở nước thuê, từ giếng ngoài thành chở vào tận trong phố, như thế hai mẹ con kiếm mỗi ngày được dăm su cũng đủ độ thân.

Hai mẹ con lần-hồi kiếm ăn như thế trong mấy năm trời ròng rã mãi, đến khi Sê-Lim đã đến tuổi trưởng-thành; khi ấy Sê-Lim nghĩ đến chuyện cũ lấy nghi-hoặc lắm: không có lẽ đâu một vị minh-quân rất có lòng công-bình, rất có bụng thương dân, lại nỡ đuổi hai mẹ con đi mà chiếm lấy đất lấy nhà như vậy! Có lẽ hai mẹ con đã bị ai dùng kế âm-hại chớ chẳng không? Vì thế nên Sê-Lim định tìm cách cho được biết rõ vì đâu mà đã xảy ra sự đó. Khi bà mẹ nghĩ đến việc cũ mà có lòng buồn, thì Sê-Lim lại khuyên giải rằng: « Thưa mẹ, mẹ chớ lo sầu làm chi, trong lòng con hình như có ai bảo rằng rồi mẹ con lại sắp hết cơn bĩ-cực tới ngày thái-lai đây! »

Một hôm Sê-Lim trong trí nghĩ thế quên cả sợ hãi, không giữ dìn gì cả, một mình định tìm đến tận mặt vua để bày tỏ nỗi niềm oan-khúc. Khi ấy vua đang ngự ở dưới hiên nhà mát, và vừa mới truyền đuổi một toán múa rối ra, vì toán đó làm không được vui cho lắm. Một tên lính thị-vệ vào tâu rằng có một đứa bé con, cưỡi một con lừa muốn xin vào bái-yết,

A-Lịch bao giờ cũng vẫn ở cạnh vua, mới quát lên rằng: « Hãy đuổi nó đi! » Vua bèn nói: « Sao lại đuổi đi? không cứ truyền cho nó vào đây xem sao. »

Sê-Lim vào cúi đầu rạp đất chào vua, và lấy ở dưới yên lừa ra một cái bao to lớn, rồi nói rằng. « Muôn tâu Bệ-hạ, kẻ hạ-thần đến xin Bệ-hạ ban cho một ít đất ở cái vườn này »

Tể-tướng A-Lịch không biết Sê-Lim là con người đàn bà đã bị mình hãm hại ngày xưa, bảo rằng: « Thật là một thằng điên! »

Vua truyền cho phép lấy đất. Khi Sê-Lim lấy đầy bao đất rồi, chực mang lên nhưng không nổi, mới nói rằng: « Muôn tâu Bệ-hạ giúp một tay đem cái bao đất này lên trên lưng lừa hộ cho. »

Vua nghe nói vậy bật buồn cười, và tuy A-Lịch kiếm lời ngăn trở mà Vua cũng chịu giúp Sê-Lim, nhưng cũng không đem lên nổi. Vua mới nói rằng: « Cái bao đất này nặng thật »

Sê-Lim lại tâu: « Muôn tâu Bệ-hạ, bao đất này nặng thật, song mới là có một ít đất đó thôi! »

Phải, chỉ có một dúm đất mà đã nặng thế!

— Muôn tâu, trong cái việc thô-xiển này có ẩn một điều chân-lý.

— Nhà ngươi nói thế là nghĩa làm sao?

— Muôn tâu Bệ-hạ, tiểu-thần có thể nói thật mà không sợ nghịch ý Thánh-thượng chăng?

— Nhà ngươi cứ nói, không ngại gì, vì một điều chân-lý không bao giờ làm mếch lòng ngay thẳng.

— Muôn tâu Bệ-hạ, cái bao này tuy nặng, thế mà mới đựng có một phần nhỏ của cái cơ-nghiệp mà Bệ-hạ đã chiếm-đoạt của mẹ hạ-thần. Thế thì cả cái miếng đất kia, cả nhà kia, nặng đến thế nào, lương-tâm Bệ-hạ không biết có chịu nổi không?

Bấy giờ vua mới hiểu lại làm sao trong bấy nhiêu năm trong lòng vua vẫn ngay ngáy không yên, bèn quay lại phía quan tể-tướng đứng hầu. A-Lịch khi ấy mặt xám như chàm, mình run như rẻ, qùy xuống miệng lắp bắp xin vua tha tội cho mình. Vua liền truyền rằng: « Ta tha tội cho nhà ngươi, song ngươi phải làm lụng đi chuộc lấy cái lỗi ngươi mới được, Bao nhiêu của cải cơ-nghiệp của ngươi phải để lại đó, và phải đem cái bị và cái gậy của kẻ bị đầy ra khỏi nước ta mà kiếm ăn. Còn ta thì ta không thể nào hưởng được những của bất-công tàn-bạo mà ra. Gã thiếu niên kia, từ nay nhà này và vườn này lại cơ-nghiệp của người. »

Rồi vua cho A-Lịch một đồng tiền vàng đuổi ra khỏi nước, và đem một phần tài-sản của A-Lịch mà ban cho mẹ con Sê-Lim để đền bù cái nỗi oan-khiên khi trước.

NGUYỄN-VĂN-HIẾU lược dịch

CỬU-MỸ KỲ DUYÊN

(Tiểu-thuyết Tầu)

Ngạc-đình PHẠM-QUANG-SÁN *dịch thuật*

TỰA

Văn-tự cảm nhân, không gì mạnh bằng tiểu-thuyết, vì người ta ở đời, mối thất tình chan chứa trong lòng, miệng không thể nói ra được, bút không thể tả ra được; nhất-đán có chỗ kích-phát thì chuyển-động rất mau, tiểu-thuyết tức là cái máy kích-phát trong lòng người ta đó, nó đã có tài kích-thích, làm cho não-cân ta cảm giác rất linh-tiếp, cho nên xem đến truyện Đại-thánh, Phong-Thần, thì tóc gáy tự nhiên dựng ngược, xem đến truyện Phật-bà Thị-Kính, thì nước mắt tự nhiên chứa chan, nó lại có cái tài tầm-nhuận làm cho ái-tình ta, thấm thía mãi về sau, cho nên đọc hết bộ Tây-Sương-Ký mà trong óc vẫn còn mơ màng, đọc hết bộ Phấn-Trang-lâu mà tấm lòng vẫn còn tơ tưởng, mới biết rằng tiểu-thuyết có thể cảm-phát lương-tâm cho người ta, mà cũng có thể bại-hoại tâm-thuật của người ta. Tiểu-thuyết quan hệ như vậy, thì những nhà trước-thuật cũng nên lựa mà phiên-dịch để giúp một phần công-ích cho xã-hội.

Nhân khi thong thả xem chuyện Cửu-Mỹ Kỳ-Duyên, mới thoạt nghe vẫn tưởng là hoa nguyệt tình-sử, đến khi xem hết một lượt thì điều thuộc về luân-lý cương-thường, nào là anh-hùng liệt-nữ tài-tử giai-nhân nghĩa-phu tiết-phụ, cho đến người dâm nịnh bất lương, tưởng tượng như hiện-hình ngay trước mắt, khiến cho ta chia vui chia buồn, chia cười chia khóc với cổ-nhân, khi thì tim ruột căm gan, khi thì nức lòng hởi dạ, cảm-tình không thể ngăn át được. Kìa như Hồ-Công-Tử, am danh ẩn tính, lưu lạc giang hồ, thế mà đi đến đâu cũng gặp kỳ-duyên đến đấy, thực là có số đào hoa, vả lại giai anh-hùng gái thuyền-quyên, cân tài sắc cũng vừa đôi phải lứa, sau chín vị mỹ-nhân, nhưng cảnh ngộ mỗi người một khác, mà dạ sắt lòng son, gương trong ngọc truốt, cũng đủ làm gương cho bọn quần-thoa. Than ôi! Hồng-nhân đa chuân, anh hùng lạc nạn, con tạo vẫn thường hay trêu người. Nhưng gian-chuân rồi cũng có khi gặp gỡ, hoạn nạn rồi cũng có lúc vẻ vang, ấy là cái lẽ xoay-vần của tạo-hóa.

Nay đương buổi học-giới cải-lương, chữ quốc-ngữ học tập rất tiện, sách quốc-ngữ phiên-dịch cũng nhiều, nhưng xét kỹ mà xem, thì phần nhiều thuộc về hoa-nguyệt phong-tình, mà luân-lý hãy còn khuyết-điểm. Vậy đem chuyện Cửu-Mỹ dịch ra quốc-ngữ, ước làm 15 hồi, mỗi hồi mỗi khác, càng đọc càng vui, cũng muốn cho bạn cân-quắc nữ-lưu, bắt chước mà noi theo cho tới mục-đích, chứ không những mua vui đôi ba khi nhàn-hạ mà thôi đâu.

Nay tựa
PHẠM-QUANG-SÁN

HỒI THỨ NHẤT

Thái-phu-nhân mộng triệu bất-tường
Hồ-công-tử đi chơi gây vạ

Đời vua Thành-Hóa nhà Minh, có một vị lão-thần tên là Hồ-Trấn-Nhạc người huyện Hoa-âm tỉnh Thiểm-Tây có công chinh-nam, phong làm Hộ-quốc-công; phu-nhân là Lý-thị, sinh được 5 vị công-tử: 1. Hồ-Tất-Thái, làm chính-điện đại-tướng-quân; 2. Hồ Tất-Hoa, làm đô-sát-viện ngự-sử; 3. Hồ-Tất-Hằng, làm Đề-Đốc trấn-thủ biên-quan, 4. Hồ-Tất-Hanh được chiêu làm phò-mã, cùng công-chúa kết thân còn người thứ 5 là Hồ Tất-Tùng mới 18 tuổi, mi thanh mục tú, tướng-mạo khôi-ngô, vẫn ở nhà học tập và phụng mẫu-thân.

Năm ấy Lý phu-nhân 70 tuổi. các vị công-tử đưa các vị phu-nhân về quê-hương, trước là chúc thọ cho mẫu-thân, sau là làm lễ tiên-tổ, Phò-mã cùng công-chúa cùng tâu với Thánh-thượng xin đem Hoàng-ngoại-tôn về Hoa-âm chúc thọ. Thiên-tử chuẩn tấu cho cung-nga thái-đám sắm ktệu đưa về.

Hồ-Tất-Tùng dọn dẹp cửa nhà, sắm sanh lễ-vật, giải bàn đặt ghế treo đèn kết hoa, chưa bao lâu Phò-mã cùng công-chúa cùng các vị phu-nhân đến nơi, con cháu đề-huề họ hàng đông đủ, thái-quân lấy làm vui mừng lắm. Các quan ở gần đó điều đem lễ chúc mừng, ngoài cửa sôn sao, cờ tàn rợp đất, trong nhà dộn dịp, nhã nhạc vang giời, thực là một tiệc rất vui vẻ. Chúc thọ xong rồi, đem nhau đến từ-đường làm lễ tế tổ, chỉ có một mình Thái-quân ở nhà.

Thái-quân đương ngồi trên giường, bỗng chốc ngã lăn xuống đất, mê man bất tỉnh nhân-sự. Gia-đồng vội vàng chạy đến từ-đường báo tin. Cả nhà thất kinh hớt hơ hớt hải chạy về, thấy Thái-quân hai mắt nhắm nghiền lại mặt sám như đồ chàm. Phò-mã ôm lấy Thái-quân gọi luôn mấy tiếng: « Mẫu-thân lại tỉnh, mẫu-thân lại tỉnh » Cả nhà súm lại khóc ầm lên, được một lúc, Thái-quân dần dần tỉnh lại, mở bừng mắt ra, thở dài một tiếng, dơm dớp nước mắt nói rằng: « Quái lạ thay! ta mộng thấy linh-hồn tiên-tổ, tay cầm cây thông, khi bước ra ngậm hồng-tuyết phun đầy cửa, chắc hẳn là triệu bất-tường ». Phò-mã nói: « Mộng-ảo vô bằng, xin mẫu-thân chớ ngại ». Ngờ đâu tay cầm cây thông tức là Hồ-Tất-Tùng, hồng tuyết phun đầy cửa tức là bị chu-diệt cả nhà. Số là Hồ-Tất-Tùng gây vạ làm cho cả nhà bị tội chu-di, về sau quả nhiên ứng-nghiệm. Thái-quân từ khi tỉnh giấy, điều-dưỡng mấy ngày, lại được mạnh khỏe như thường.

Một hôm, gia-bộc là Hồ-Phúc ngồi trong phòng riêng uống rượu, Tất-Tùng thấy vậy, bảo Hồ-Phúc rót rượu uống chơi. Hai người chén thù chén tạc, trò chuyện làn la, công-tử nói: « Lâu nay ta ở nhà phụng-sự mẫu-thân, không ra khỏi cửa, nay nhân cả nhà đông đủ, ta muốn đi chơi cho giải trí, nhà ngươi nghĩ thế nào? » Hồ-Phúc nói: « Tôi nghe Hàng-châu có cảnh Tây-hồ thực là danh-thắng thứ nhất, âu là thầy trò ta cùng đi ngoạn cảnh một phen. »

Công-tử mừng lắm, vào xin phép đi chơi. Thái-quản không bằng lòng cho đi. Thầy trò bàn nhau cứ lẳng lặng đi trốn. Đêm hôm ấy, Tất-Tùng vào phòng lấy trộm vàng bạc gói vào một gói, cùng Hồ-Phúc lẻn ra cửa sau mới ra đến cửa thành đã sinh sự đánh chết người.

Nguyên cửa thành có hai tên lính canh cửa: 1° Thôi-Đại, 2° Từ Vinh. Hồ-Phúc gọi mở cửa, hai người sực thức giậy quát rằng: « Đêm khuya tối tăm ai đi đâu mà gọi cửa làm vậy ». Hồ-Phúc nói: « Hồ-công-tử về Kinh có việc, chúng bay mở cửa mau mau ». Từ-Vinh toan ra mở cửa. Thôi-Đại cản lại mà rằng: « Chẳng biết công-tử công-tôn là ai cả? Đưa cho ta hai lang bạc, ta mở cửa cho ra ». Công-tử nổi giận, nắm lấy Thôi-Đại dìm xuống đất, đánh luôn mấy cẳng tay. Từ-Vinh thấy vậy, vội vàng ra mở cửa. Thầy trò công-tử theo ra ngoài thành, kéo thẳng lên đường. Từ-Vinh ngẫm lại thấy Thôi-Đại đã chết rồi, vội vàng chạy về nhà Thôi-Đại báo tin.

Mẹ Thôi-Đại hóa chồng từ năm 23 tuổi, chỉ sinh được một mình Thôi-Đại, thủ tiết nuôi con, mong cho trưởng-thành để cậy nhờ về mai sau. Đêm hôm ấy chợt thấy Từ-Vinh báo tin, hoảng hốt chạy ra cửa thành ôm lấy Thôi-Đại mà khóc rằng: « Hài-nhi ơi, con có một mẹ, mẹ có một con, nay con bị công-tử đánh chết, mẹ biết trông cậy vào đâu, giời cao đất giầy, thảm-thiết chưa, thôi thì mẹ chết theo con cho rảnh ». Nói đoạn, toan tự-vẫn mà chết. Từ-Vinh tìm lời khuyên giải. Sáng hôm sau đem việc vào huyện trình quan. Quan huyện Hoa-âm là Hứa-Công, tức khắc thân-hành khám-nghiệm, khám xong, lên kiệu đi thẳng vào Hồ-phủ, đem việc công-tử đánh chết Thôi-Đại kể hết một lượt. Cả nhà sợ hãi thất kinh. Phò-mã nói: « xin Đại-nhân cho đòi Thôi lão-mẫu, để tiểu-đệ liệu cách điều-đình ». Hứa-công liền sai đi đòi. Thôi lão-mẫu vào Hồ-phủ yết-kiến. Phò-Mã nói: « Em ta đã nhỡ đánh chết con nhà bà, nó đã chết rồi, không thể sống lại được, vậy thì bà ở trong phủ với ta, lúc sống thì ta phụng-dưỡng khi chết thì ta tống-táng, và lập đền tiết-hiếu phụng sự trăm năm, đừng sinh sự làm chi nữa ». Thôi lão-mẫu xin vâng lời. Phò-mã bèn sai gia tướng sắm sửa quan-quách khâm-liệm, làm lễ hậu tang cho Thôi-Đại, điều-đình đâu đấy, Hứa-Công từ-biệt ra về.

HỒI THỨ HAI

Gặp anh-hùng Tất-Tùng kết nghĩa Tham nữ sắc, Phạm-Phượng vong thân.

Tự khi công-tử ra khỏi cửa thành, thầy-trò chạy suốt một đêm. Sáng hôm sau đến Chương-gia-trấn, công-tử đau chân không đi được. Thầy trò rủ nhau sào tửu-lâu uống rượu, rồi sẽ thuê thuyền đi Hàng-châu. Vừa bước lên lầu đã thấy hai người đương uống rượu, trông ra dáng hòa-nhã, anh hùng, hai người ấy thấy phong-lưu công-tử mà thiếu-niên, đứng giậy chào vái, liền hỏi họ tên, Công-tử nói: Tiểu-sinh họ Hồ, tên Tất-Tùng, đứng hàng thứ năm, phụ-thân là đương triều Hộ quốc-Công. Hai người nghe nói, bèn thi-lễ mà tạ rằng: « Chúng tôi có con mắt không có con ngươi, công-tử tha lỗi », Công tử lại hỏi: hai người ở đâu, họ tên là gì? Hai người nói: « Anh em tôi ở Lão-hồ-sơn: 1. Triệu Mậu Hùng, biệt hiệu là Ba-sơn-hổ: 2. Lý-Đức-Bảo, biệt hiệu là Thủy-đồ-Long, nhân đi Sơn-đông thăm bạn, ngẫu-nhiên qua đây lại được thừa-nhan công-tử, hân hạnh biết là chừng nào, nay muốn cùng Công-tử kết nghĩa làm anh em, không biết ý công-tử thế nào? Tất-Tùng mừng lắm, sai Hồ-Phúc đặt án đốt hương, cùng hai vị anh-hùng kết bái, ba người uống rượu đàm-tàm, ý hợp tâm đầu, mười phần tương-đắc. Tiệc rượu tan rồi, hai người cáo-biệt giở ra. Tất Tùng sai Hồ-Phúc thuê thuyền đi Hàng châu. thuyền vừa ra khỏi Chương gia loan, lại sảy ra một sự rất kịch-liệt

Khi ấy có một người tên là Phạm-Phượng, phụ-thân là Phạm-Bảo làm tri-phủ Phương-tường, mẫu-cữu là Nghiêm-Bình-Trực hiện đương triều thứ-tướng. Bình-Trực chính là đầu đảng dan-thần, trên dối vua dưới hại dân, làm lắm việc lộng quyền phi pháp. Phạm công-tử cậy thế môn đình, hoang dâm tửu sắc, hễ thấy con gái thì mắt chấp cha chấp chới, như mèo thấy mỡ, ai lôi cũng không ra. Nhân khi đi thuê thuyền đi Phương-Tường, đến Chương-Gia-loan, nhác thấy người con gái và người con giai đi trên bờ sông, liền sai thủy-thủ cắm thuyền lại, bắt người con gái đem xuống thuyền. Nguyên người con gái ấy là Vương-Thời mới kết-duyên với Cảnh-Qúy, hai vợ chồng đem nhau về làm lễ lại mặt, đi đến ngang đường, thì Vương-Thị bị bắt. Cảnh-Qúy kêu rằng: « vợ tôi là con nhà lương-thiện, việc gì mà sai người đến bắt ». Phạm công-tử quát rằng: « Chúng bay nhân tình với nhau, dám giả-thác là vợ chồng, cứ đem nó xuống thuyền cho ta hỏi ». Thủy-thủ bắt Vương-Thị xuống thuyền vừa toan nhổ sào chở đi. Cảnh-Qúy kêu rầm lên, hoảng hốt chạy đâm nhào xuống sông, thủy-thủ xuống cứu thì đã chìm lỉm mất rồi. Vương-Thị thấy vậy, như dao cắt ruột cũng toan đâm đầu xuống sông, nhưng bị Công-tử nắm chặt không sao thoát thân được.

Hay đâu thuyền Hồ-Công-Tử vừa đi tới nơi, bắt thủy-thủ cố bơi cho kịp, hỏi rằng: « thuyền nào kia, có người nhảy xuống sông mà sao không cứu » Vương-Thị nghe có tiếng người, liền kêu to lên rằng: « Thuyền ai cứu tôi với ». Tất-Tùng thấy người hô cứu, vội vàng chạy ra xem thấy Phạm công-tử đương lôi kéo người con gái, tức khắc nhảy thót sang thuyền quát rằng: « Ban ngày dám sự cường dan, tội người đáng chết ». Vương-Thị khóc rằng: « Phu-quân tôi đã bức-tử xuống sông rồi, lại bắt tôi toan những sự ức-hiếp »

Hồ công-tử nghe nói vừa toan ra cứu Vương-Thị, Phạm-Phượng thét gia-đinh ra đánh. Tất-Tùng đạp luôn năm sáu đứa xuống sông. Vương-Thị dằng ra được, khóc mà kêu to rằng: « Vợ chồng ta cùng đi với nhau nay phu-quân đã tuyệt-mệnh rồi, thiếp còn sống làm chi nữa». Nói đoạn, liền đâm đầu xuống sông tự-vẫn. Tất-Tùng sai thủy-thủ xuống cứu, chẳng thấy tăm hơi đâu cả, nổi giận lôi-đình, nắm lấy Phạm-Phượng mà thét rằng: « Quân dan-tặc này, nhà ngươi là bức-tử hai mạng người, vậy phải xuống sông tìm cho ta ». Nói đoạn, quẳng Phạm-Phượng xuống sông

đánh tòm một cái. Gia-đình thấy vậy, tưởng là Đại-Vương ở Sơn-trại nào, sợ run như cầy sấy, lạy mà khóc rằng: « Xin Đại-vương tha tính-mệnh cho chúng tôi ». Hồ công-tử nói: « Không phải là tội chúng bay, ta cũng sinh phúc cho chúng bay ». Nói đoạn, lại nhẩy về thuyền mình nhổ sào chở đi thuận buồn suôi gió, thẳng tới Hàng-Châu tìm chỗ yên nghỉ.

Bọn gia-đình được thoát thân rồi, chở thuyền đi bay như tên, về báo tin cho quan phủ Phượng-Tường. Vợ chồng Phạm-Bảo nghe tin như vậy chết ngất người đi, rồi mới tỉnh lại, sai người đi thám-thính xem ai là thủ-phạm, sau biết đích là Hồ Tất-Tùng, nhưng ngặt vì dòng dõi công-thần, không thể sao được, ngầm gửi thư về Kinh cho Nghiêm-Bình-Trực nhờ tìm cách làm hại Hồ Quốc-Công, báo thù cho công-tử.

Việc vợ chồng Cảnh-Quý bị bức-tử, sau có người đưa tin về nhà. Hai nhà nghe tin vội vàng đem nhau ra bờ sông, chỉ thấy nước chảy cuồn cuộn mà không thấy vợ chồng Cảnh-Quý đâu. Hai cha mẹ vật mình lăn khóc bà con họ hàng ai nấy đều rỏ nước mắt. Hai nhà thiết áu làm lễ chiêu hồn, gạt nước mắt giở về.

(Còn nữa)

ANH HÀNG PHỞ'

(Hoạt-kê tiểu-thuyết)

— Phở... phở... ở... ở... ở... Đêm khuya cứ từ 11 giờ đêm mà đi, ta ngồi trong nhà nghe thấy tiếng rao bán phở dòn mà trong, xa nghe cũng thấy đó là tiếng anh hàng phở lấy được vợ cô đầu đó. Anh ta, cái ngày ấy tôi cũng không biết tên, song tôi còn nhớ hình-thù. Người anh ta xương-xương mà cao, mặt phớn-phở mà dài, da bánh mật, đầu cúp, « ca-rê », hay đội cái mũ tây dạ, vai gánh gánh phở đi thẩu-thệt ở đường rao:

— Phở... phở... ở... ở... ở...

Ai nghe tiếng rao của anh ta thời cũng biết ngay hiệu anh ta mà gọi mua, vì phở anh ta ăn ngon hơn các hàng phở bán rong khác.

Nhà anh ta ta trọ ở cửa Nam, anh ta mới hai mươi tuổi, chưa có vợ, tính-khí rất là cần-thận. Anh ta cứ tối đến vào khoảng tám giờ thời cất gánh đi bán phở đem! khởi đi từ bên hàng Lờ, lên hàng Bông, hàng Gai, đi thẳng hàng Đào, hàng Ngang, hàng Đường rồi bán đến phố hàng Giấy...

— Phở... phở... ở... phở... ở... ở... ở.

Ấy chị em ở xóm Bình-khang ta nghe thấy tiếng rao ấy, đều bảo nhau rằng:

— Hàng phở ngon đã đến!

Chỉ gọi là hàng phở ngon, vì không biết tên anh ta, mà chỉ ăn phở của anh ta. Ôi! *nhất-nghệ-tinh, nhất-thân vinh*, thế cũng là một cái danh của anh vậy. Con người ta đi cầu lợi như anh hàng phở này, mà sách-danh là phở ngon, như thế tưởng cũng là danh-lợi kiêm-toàn.

Anh ta được thiên-hạ hoan-nghinh cũng đắc-chí, lại càng nghĩ cách làm phở cho ngon! Phở càng ngon bán lại càng được nhiều tiền. Song cái tư tưởng của anh ta rất là đơn-dản, cất gánh phở lên vai chỉ tính:

— Đêm qua lãi 9 hào, đêm kia lãi đồng rưỡi, đêm nọ ngày hội lãi được ba đồng hai, phải hôm ấy giời mưa nên hàng ế, ế thời ế cũng không chịu lỗ vốn, thế là lúc nào cũng có lãi, đồ đồng mỗi đêm được lãi một đồng. Tính tiền ăn, tiền ở, tiền thuế, tiền sưu, tiền đóng góp ở làng, tiền ăn mặc trong bốn mùa, mỗi tháng cũng còn đi hơn chục bạc, trừ ốm đau đi cũng còn mỗi năm lãi được dặm chục đồng. Rồi ta cưới vợ, tậu nhà ở làng ta, mua ruộng, ta bỏ cái nghề phở... phở... ở... phở... ở... ở.. mỏi mồm này.

Nghĩ thế thời nghĩ, song trong trí nghĩ mà thôi, chứ mồm vẫn:

— Phở! phở.. ở. phở... ở... ở... ở... Khỉ quá! anh ấy nghĩ thì chín thế, song cũng mắc vào cái bệnh đa-tình đa-cảm, giá cha mẹ anh ấy ngày xưa mà cho anh ấy đi học dăm ba quyển sách vào. thời anh ấy cũng làm được thơ tự-thán, mà xuất-bản được dăm quyển sách cho làng báo ta bình-phẩm chèn đi, kẻo sợ thiên-hạ phục, thời chia mất bụng phục mình đó. Song, anh ta lại chẳng biết chữ gì, cho nên có tình cũng không ai biết, có cảm cũng chẳng ai hay, mà làng báo ta cũng không bình-phẩm vào đâu được. Thế nhưng anh ta cũng nghe lỏm vào tai được mấy câu Kiều, câu sầm chợ, dù không « trước-tác » được, anh ta cũng « dịch-thuật » ở miệng anh ta luôn:

Lạ chi thanh-khí nhẽ hằng,
Một giây một buộc ai giằng cho ra.
Sớm đào tối mận lân-la.
Trước còn giăng gió sau ra đá vàng.

Đó là những câu Kiều mà anh ta hay ngâm, sau khi gánh phở đã bán vợi gánh không giở lại, đắc-chí mà thuật dọc đường. Cũng có lúc anh ta lại hát trống-quân, giọng anh ta nghe cũng thanh-thú, tôi còn nhớ mấy câu anh ta thường hát luôn rằng:

Ta đã yêu nhau, tam tứ núi cũng trèo,
thất bát giang cũng lội, tứ cửu tam thập lục đèo ta cũng trèo qua.

Anh ta hát nghêu-ngao như thế, đôi khi gặp chị hàng mía hay chị hàng bánh tây nào thời anh ta cũng biết bắt chim, song cách chim của anh ta rất dản-tiện, nghĩa là gặp là nói những câu chuyện tình-tứ chứ không phải viết bức thư tình nào ném vào lòng, hay nhờ con đỏ đưa mà « mình mình mợ mợ » và « ba sinh duyên nợ, trăm năm đá vàng » gì! hay là làm bài thơ « tương-tư » bát-cú, cùng bài ca lục-bát « thuật-hoài » gì! Hễ bên các chị kia bằng lòng thời là anh ta nắm lấy cổ tay nói chuyện gần-gụi, chứ không có hôn tay hôn má như bọn thượng-lưu.

Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng, thế mới biết, cô-nhân phải chọn láng giềng mà ở, anh ta đâm mê cô đầu, thì ra cũng tại bán phở trên hàng Giấy. Thật là rắc rối tơ!

Anh ta mê cô đầu, cũng không phải là anh ta mê về lối nhục-dục hay lối nghe tiếng hát cung đàn, mê là mê sắc đẹp muốn cho trải mùi đời. Vốn anh ta cũng hay chim! Song anh ta ghét sự chim vô-lý, anh ta chim gái tơ hay đàn-bà không chồng, chứ anh ta không chim như kiểu ông chủ-bút báo nào ở nước Ma-lặc-kha đi chim vợ chú Chi-na mà bỏ vợ đi để lấy làm vợ rồi ca-tụng chữ ái-tình! hay quan thủ-tướng nào ở nước Tây-lý-á chung-chạ vợ người thư-ký rồi lại đi kiện đòi tiền danh-giá. Vị anh ta ghét làm những điều phi-nghĩa.

Anh ta bán phở trên hàng Giấy, tối nào cũng thấy khi ô-tô, khi cao-su, kẻ sang người trọng, kẻ trẻ người già, tấp-nập nhà này sang nhà nọ. Tiếng trống « tung-tung », dịp phách « lạt-chạt », cung đàn « từng-tưng »,

giọng hát « e-e », trận cười pháo nổ, tiệc rượu linh-đình. Song trước kia thời anh ta cũng mặc không thèm để ý đến. Nhưng trước mắt thường nhìn thấy mặt người đẹp, bên tai thường nghe thấy tiếng người xinh, gỗ đá cũng phải sinh tình sinh cảm vậy.

Bắt đầu tư-tưởng anh ta đổi :

— Lưng vốn mình ba bốn năm nay, được vài trăm bạc chưa biết làm cái gì ! Nghĩ cũng nên thử cái mùi ả-đầu cho nó biết. Rồi ta lại bán phở kiếm lời, giời còn để sống lâu, thời còn lời-lãi chán.

Anh ta hỏi thăm giá, biết rằng mỗi người vào chơi một chầu cháo một đêm mất độ sáu đồng, gọi dăm người ra mất vào hơn chục bạc. Bèn nhất-quyết, nghỉ bán hàng một hôm rồi đi chơi cô-đầu một bữa. Anh ta nghĩ quần áo bán phở vào nhà cô đầu không tiện, bèn đi may quần áo mới, sắm giầy khăn mới, lên hàng Giấy vào ngay một nhà có cô đầu đẹp nhất, mà anh ta vẫn bán phở cho cô ăn xưa nay. Anh ta tiêu pha may mặc hết vài chục bạc còn bao nhiêu giắt cả vào lưng đi lên hàng Giấy thật. Anh ta vào nhà cô Tuyết là một cô đẹp nhất phố mà vốn anh ta vẫn thùy-tình.

Rõ nỡm quá ! cũng là anh hàng phở ấy mà đổi bộ cánh đi, chị em đã cho là khách lạ.

— Mời quan sơi nước ạ !

Đó là cô Tuyết mời, hai tay nàng chén nước lên.

— Quan mới ở đâu về ạ ?

— Tôi ở cửa Nam.

— Quan đi một mình thôi à ?

— Vâng cánh tôi ít người đi hát lắm. Nẫy nói ra chỉ có tôi mộ tiếng cô, mà hôm nay dối già đó mà thôi.

Anh ta nói thật, chị em cho là nói kiểu.

— Chết, quan dậy quá nhời làm gì thế, quan có bụng chiếu-cố là phúc nhà em lắm.

Anh ta nghe đã nói thầm trong bụng, mình đâu được xứng những lời nói ấy nhỉ, phải nói lại.

Bẩm thưa cô, cô có lòng thương đến tôi là phúc nhà tôi lắm !

Chị em lại tưởng nói kiểu, liền đỡ lời :

— Chết, quan cứ *chửi chữ* em làm gì thế ? chỉ sợ quan chẳng thương đến em mà thôi... mời quan sơi thuốc.

Tay cầm điếu thuốc lá đưa. Anh ta cầm lấy nghĩ sướng quá, chẳng biết nói-năng gì. Ngồi run cầm-cập. Cô Tuyết lại hai tay đưa miếng dầu :

— Mời quan sơi dầu... quan sơi rượu nhá.

— Cảm ơn cô... Tùy cô.

Cô Tuyết lại gạn :

— Em bảo làm rượu nhá ?

Bấy giờ chị em muốn bảo anh ta thế nào anh ta cũng :

— Vâng.

— Bẩm quan có gọi ai không à ?

Anh ta chẳng biết nghĩa thế nào, tưởng gọi là gọi bạn mình, thì toàn cánh bán phở cả, liền đáp :

— Không.

— Bẩm xin cho gọi các chị ấy sang uống rượu cho vui.

Bấy giờ anh ta mới biết mà đáp :

— Được.

— Bẩm mấy người ạ ?

Anh ta cũng nói tầm bậy :

— Độ vài bốn người.

— Quan quen ai để cho gọi.

Anh ta bán phở thời quen hầu khắp mặt, bấy giờ ngồi tính những cô đẹp mà gọi, bèn đáp rằng :

— Cô Lan, cô Huệ, cô Lý, cô Trà, cô Sảm, cô Nhung.

— Nhỏ đi gọi các cô sang mời rượu.

Cô Tuyết bảo đầy tớ đi mời rượu xong thời vào trong nhà bảo cô nuôi mình làm rượu. Anh ta ngồi ngoài với một cô nữa tên là cô Đức, không nói một lời nào, giời thời rét. Cô Tuyết vắt chăn ra rồi nói :

— Mời quan nằm nghỉ.

— Vâng.

Anh ta cũng đi nằm, song lại hỏi :

— Thế bao giờ có rượu,

— Bẩm xin quan cho đến 10 giờ.

Đồng hồ bấy giờ tám giờ rưỡi. Anh ta vừa nằm thấy ngoài cửa có tiếng :

— Mời cô Tuyết sang nhà con sơi rượu ạ !

— Nhà ai ?

— Nhà cô Yến ạ !

— Hát ai ?

— Bọn chú *Téng* ạ ?

— Bảo để đến khi khác nhé.

Anh ta nghe chẳng biết thế là nghĩa-lý gì, vì tuy có thường thường bán phở ở phố này, song chỉ biết bán ở ngoài cửa nào đã mấy khi được vào nhà. Vả cũng chẳng để ý đến, thời đã thạo đâu được. Anh ta tuy không biết, song không dám hỏi, không sợ chị em cười, mà chỉ sợ chị em dận, chốc lại nghe thấy ngoài cửa :

— Mời cô Đức sang nhà cô Loan sơi rượu ạ !

— Bọn nào ?

— Bọn các cậu trường Cao-đẳng ạ !

— Cứ về đi.

Anh ta lại nghĩ, có lẽ mất trăm mất nghìn mới biết hết được phong-vị cô đầu thật ! Lại thấy ngoài cửa :

— Cô Tuyết sang bên 38 uống rượu ạ !

— Khách nào thế mày ?

— Bọn lạ ! các ông đã già cả ạ.

— Đề bận khác. Về bảo nhà tao hôm nay có khách nhá.

— Gớm ! cô con vừa sang bên này hôm qua mà nay cô đã chối.

Cô nuôi cô Tuyết ở trong nhà ra bảo :

— Ừ cứ về đi, đi sang bên ấy một lúc không có nó dận.

Mười giờ, rượu dọn ra trên chiếc chiếu, bày đâu vào đấy, cô Tuyết nói :

— Mời quan dậy sang sơi rượu.

Anh ta nhổm dậy đi sang ngồi đó nhìn. Cô Tuyết tay đỡ chai rượu con hươu ra bát, mồm gọi :

— Nhỏ mang món ăn ra đây và đi dục cô đầu mày... mời quan cầm đũa...

Anh ta cầm đũa.

— Mời quan sơi rượu.

Anh ta trông không thấy chén, chỉ thấy những thìa là thìa, bụng bảo giạ có lẽ họ dọn rặt phở cho mình ăn chắc, vì anh ta bán phở vẫn có thìa xưa nay.

— Quan sơi rượu.

Anh ta ngồi nhìn, bụng lại bảo giạ :

— Chết ! uống mỗi bận một bát rượu thế này thời chết. Liền nói :

— Cô cho tôi xin cái chén.

— Quan uống bằng thìa không được sao ? Nếu quan uống bằng chén khi giả lại chúng tôi bằng thìa kia đấy.

Anh ta mới biết uống bằng thìa. Bèn nói :

— Vâng, tôi xin uống bằng thìa !

Anh ta vừa cất thìa rượu uống xong, thời một cô đến, anh ta nhìn cũng biết rằng cô Lan. Cô Tuyết nói :

— Kìa chị Lan đã lại.

Cô Lan :

— Chào chị ạ, lạy quan ạ, gớm bên em vắng hát quá, nhà chị bên này

hôm nào cũng có hát. À này ngày hôm nay có lên đấy không?

— Ai?

— *Ét-xi* ấy à?

— Ừ.

— Đi Thanh-hóa đã từ hôm kia! chủ-nhật mới về?... Chị Nhung kia, mời chị sang sơi rượu.

— *Bông-xua me-sừ*, chào các *me*.

— Mời hai chị sơi dầu, Nhỏ đi dục các cô đi mày.

Cô Tuyết vừa nói xong, cô Nhung hỏi ngay rằng:

— Mời rượu chưa? Bên *moa* có khách phải về sớm đây!

— Cánh nào đấy chị? Chưa, đã mời rượu đâu! còn đợi các cô ấy đến.

— Cánh nào đấy.

— Cánh nhật-trình ấy mà.

Cô Lan nói:

— À lại anh Thu-phong chứ gì? gớm say mình nhỉ! Hát luôn.

Cô Sàm cô Trà cùng vào, cô Đức nói:

— Mời hai cô, chị ơi! mời rượu nhá! tôi còn phải sang bên chị Hảo đây, cô Tuyết nói:

— Cứ đi, chốc nữa về mời cũng được. Cô Lan bảo cô Tuyết:

— Mời đi.

Trong khi các cô ấy đến, làm rối cả mắt, loạn cả trí anh hàng phở lên, thời anh ta cứ ngồi ngẫm-nghĩa không cử-động. Đến khi cô Tuyết cầm thìa rượu mời anh ta uống xong rồi không mời giả lại. Cô Tuyết ngồi một lúc rồi đứng dậy đi ra cạnh cô Lan để cô Đức vào mời, rồi mỗi cô đến một thìa anh ta rối-rít cả người người lên. Các cô nhận ra biết rằng khách *quịch* lại tha-hồ tự do nói chuyện ồn-ào. Còn cô Lý và cô Huệ cũng đến nốt. Ngoài cửa thời các đứa ở nhà các cô nhao-nhao mỗi đứa mỗi nhởi ầm lên như chợ:

— Cô Nhung về nhà có khách.

— Cô Lan về nhà dọn rượu.

— Cô Trà về kẻo các ông ấy không ở.

— Cô Huệ về nhà đã sắp ăn cháo rồi.

Rầm-rĩ cả lên. Rồi các cô cứ lần-lượt:

— Xin phép quan cho em về.

Anh ta đều đáp:

— Vâng.

Dầu cô Tuyết có bảo:

— Quan cứ cho về đi cả thế thời mâm rượu kém vui.

Song anh ta cũng không hiểu là thế nào cả. Trong một tiệc rượu ấy không cô đầu nào phải uống một thìa rượu, không ai phải anh ta hôn, rất là điềm-tĩnh. Cô Tuyết xét ra rằng anh ta mới đi hát, cũng lượng, sai gọi lấy cháo để anh ta ăn. Ăn xong, rửa mặt rồi mời anh ta lên gác quạt màn đem chăn lên cho anh ta ngủ. Rồi nói rằng:

— Quan cho phép em đi uống rượu một lát em lại về nhà.

Nói xong hôn vào má anh ta một cái, anh ta si-tình quá, nắm lấy tay nói rằng:

— Tôi van cô, cô hãy ở đây với tôi để tôi thú thực nỗi lòng. Rồi hãy đi.

Cô Tuyết thấy thế liền nói rằng:

— Vâng, thời chốc nữa.

Anh ta giở ngay túi một nắm giấy bạc ra nói rằng:

— Cô về cho tôi tính tiền hát rồi tôi về.

Cô Tuyết sợ anh ta dỗi, liền nói:

— Vâng, tôi chỉ đi 10 phút đồng-hồ tôi về.

Nói xong đi. Anh ta nằm một mình ngổn-ngang phấp-phỏng, ngơ-ngẩn đủ trăm đường. Một lát thời cô Tuyết về, uống rượu say quá. Anh ta thấy thế lấy chăn đắp cho tử-tế, còn mình thời ngồi cạnh đến sáng.

Sáng ngày ra, cô Tuyết mở mắt dậy thấy anh ta ngồi yên một bên, bèn nói rằng:

— Xin lỗi quan, em hôm qua thật say quá.

— Không dám, hôm qua tôi thấy cô về say quá, tôi phải ủ chăn cho cô mà tôi ngồi cạnh cô suốt sáng.

— Cảm ơn quan, quan đừng về nữa, ở lại đây ăn cơm với em đã.

Anh ta không biết thế nào, cũng ở ăn cơm sáng, lại ăn cơm chiều, thấy bữa cơm nào cũng là sang trọng cả. Đến tối anh ta sực nhớ đến nghề của anh ta, bấy giờ anh ta ở trên gác mới chìa đám tiền ra mà nói với cô Tuyết rằng:

— Xin cô tính tiền cho, hết bao nhiêu tôi xin giả. Tôi không dám nói giấu cô, tôi nguyên là con nhà học-trò xứ quê, cha mẹ chết cả rồi, chưa có vợ con, vì nhà sa-sút, ra Hanoi này làm nghề bán phở. Tôi vẫn bán cho cô xưa nay....

Nói đến đấy cô Tuyết mới nhận diện ra được.

—.... Tôi mê cái nhan-sắc cô nên đánh liều một chuyến, gom góp mới được hai trăm rưỡi bạc, sắm sửa quần áo hết hai chục, còn hai trăm ba đem cả lên đây hát cho cô một chầu hết bao nhiêu xin cô cứ bảo, thế là thỏa cái vong-linh tôi rồi, tôi dẫu chết, được ngồi hầu cô một đêm hôm qua thế đã là đủ rồi.

Cô Tuyết thấy thế, cảm-tình lai-láng, nghĩ-ngợi một lúc rồi nói rằng:

— Cậu mới thực là tri-kỷ của tôi. Nghĩa là sự đến đây không phải là ngẫu-nhiên, thực thành-tâm mà đến. Ở đời này thực là cậu yêu tôi hơn hết cả mọi người. Thôi, tôi xin bỏ cái nghề vợ ghép muôn người, của vui cho cả thiên-hạ, ai có tiền cũng được đây vò này, mà tôi theo cậu, là một người chân-thực, vốn riêng tôi có hai trăm bạc. Của cậu có hai trăm ba, giả chủ tôi đi ba chục, còn hai trăm thế là hai đứa chúng ta có được bốn trăm. Ra thuê cửa hàng, mở hiệu phở, tôi bán hàng cậu làm bếp, đôi ta kiếm ăn lương-thiện cùng nhau.

Giả tiền nhà chủ xong, cô Tuyết có bao nhiêu tiền đưa cả cho anh ta đến hôm sau xin nhà chủ ra về. Nhà chủ không cho đi. Cô đi trình cầm lấy hòm xiểng tráp quần áo đi theo anh hàng phở, mấy hôm nữa mở cửa hiệu phở ở cửa Nam. Buôn bán ba bốn năm, gặp dịp tẩy-chay, các hiệu cao-lâu khách không ai vào ăn nữa, sô cả vào hàng phở, hiệu được phát-tài tỏ, bấy giờ lên ông chủ-hiệu buôn lớn, chồng ăn mặc tây, vợ lại ăn mặc sang trọng hơn khi còn đi hát, tậu xe cao-su nhà, diện khắp mọi nơi.

Vừa độ nào Hà-thành tranh nhau Nghị-viên rất kịch-liệt, có người khuyên anh ta ra ứng-tuyển, vợ anh ta bảo rằng:

— Chịu thôi, vợ chồng tôi dốt nát thà cứ an-phận làm ăn, cho nên giầu nên có, rồi làm công kia việc nọ ích-quốc lợi dân, chẳng tội gì ra tranh nhau để cho người ta lại vẽ nên bức tranh «*gánh phở*» với «*túi xẻnh*» thời chẳng bõ thêm trò cười cho Hanoi.

Ấy là chuyện anh hàng phở lấy được vợ có đầu. Ở cái xã-hội ta này ai biết đâu, mấy năm nữa ông chủ hiệu phở ấy chẳng đứng vào hạng người thượng-lưu như mấy ông phú-hộ khác. Bấy giờ thời chồng quan lớn vợ bà lớn, danh-giá ở chỗ lắm tiền. Có tiền là sang-trọng ngay lập-tức.

— Phở....phở-ớ-ờ.....phớ-ớ.-ớ-ớ.....

Từ khi ấy đến nay đêm đêm tôi không được nghe thấy những tiếng rao ấy nữa.

NGUYỄN-MẠNH-BỒNG

VĂN ĐÀN-BÀ

Sự làm phúc

Làm phúc nghĩa là làm điều lành, như tô tượng đúc chuông chẩn bần, tuất lão, tật bệnh tương-cứu, hoạn-nạn tương phò, thế là người đời gọi biết cách làm phúc đó. Vậy thời người làm phúc cần phải có dư-dụ mới xướng-khởi nổi mấy việc ấy, còn như người, không sẵn tiền của thời có lẽ gì làm phúc dặng không? Tưởng cũng nên bàn qua các lẽ như sau nầy, để cho rộng tư-tưởng ra, phòng khi nào người gặp về cảnh-ngộ nào, cũng làm dặng trọn vẹn cái nghĩa làm phúc.

Ôi! người ta sinh ra trong đời, thân-thế thuận nghịch có kẻ hơn người kém, bĩ-thái tuần-hoàn, khi vinh khi nhục, mà sự giúp đỡ lẫn nhau, chính là nhờ khi nghèo ngặt nguy cấp ấy, mới gọi là có lòng yêu nòi chuộng giống biết thương đồng loại, biết thể cái lòng hiếu sinh chi đức của thượng-đế, mà tạo-hóa đã sinh người thời khi nào ai ai cũng có cái lòng lương-thiện cả, như là nghe ai làm chuyện hiếu chuyện nghĩa, thời mừng thời vui, mà nghe ai làm việc ác việc độc, thời ghét thời giận, thế là cái lương-tâm phát-biện ra đó. Trong kinh Phật có câu: « chúng-sinh giai hữu phật tính », lại sách nho cũng có câu: « nhơn chi sơ, tính bổn thiện », chỉ vì sau nầy cái tính ham muốn lợi danh cạnh-tranh thái quá, cho nên vật-dục nó ám muội mất cái lòng trong trẻo kia, thời khó cái sự làm phúc cho chân-thành, làm phúc mà làm tự trong cái lương-tâm của mình, chớ không vì nhơn-dục cầu phúc, mà làm phúc, thời người nào cũng làm dược không cứ sự giầu nghèo, như là trong khi đi qua đường, thấy sự rủi-ro nhà người bị hỏa-tai, sông vào cứu chữa, thấy người đàn-bà sinh sản lỡ làng, quạnh hiu không có ai, thời ra sức dìu-dắt người ta vào sở dưỡng-bệnh điều-trị, ngộ kẻ mù-quáng nghiện-ngửa, trẻ con thất-lạc, cùng hết thảy các việc cấp-nạn của người đời, mà có thể đem công giúp sức được cho người, thời bất hạn người nào, giầu hay nghèo đều làm được việc phúc ấy cả. Làm như thế mới gọi là làm phúc tự lương-tâm của con người ta, khi nào còn mong ai trả ơn lại nữa, ước gì trong xã-hội ai ai cũng giữ được cái lòng làm phúc chơn-thành như thế, còn lo gì phong-tục không thuần-mỹ, đạo-đức đến suy đời, mà kẻ nghèo có khó chi mà lại làm không dặng, chỉ sợ cái lòng không muốn làm việc phải mà thôi.

Duy có một lẽ như là người làm phúc mà phải cần đến tiền của, thời mới trương-la nhiều việc xứng dáng, làm đình làm chùa, ấn-tống kinh-văn, phóng-sinh bố-thí, là thuộc về sự trọng tôn-giáo mà làm, hoặc xây-cầu đắp-đường, cho hành-nhơn tiện-sự vãng-lai, ấy cũng là có nhiệt-thành với sự công-ích mà làm, nhưng mấy điều đó, mà phát-tâm cho chơn-thành, làm ra mà dốc một lòng bổ-cứu cho đạo-đức, ảnh-hưởng đến phong-tục, còn gì qui-hóa bằng, chỉ hiềm cái lòng người thường từ bao giờ vẫn khăng-khăng về sự báo-ứng, làm phúc mà hình như buôn bán, như vay trả, chủ tâm có cầu việc gì, nhiên hậu mới xướng lên việc làm phúc, chớ bình thường vô sự thời không quan thiết đến bao giờ, mà sự cầu báo-ứng,

thời mong rằng, quan sang, lắm của, nhiều con, sống lâu, khoẻ mạnh, trong cái ngũ-cầu ấy, toàn thuộc có lợi cho mình cả, chớ ngoài ra mà không cầu sự chi, thời không có mấy người chịu đem tiền của mà làm những điều ích-lợi cho ai, như là lập trường học, dựng nhà bảo-sãn, nhà dục-anh, là điều làm phúc to hơn hết, mà lại có danh-dự với đời mãi mãi, chưa từng thấy các bà các cô trong bọn chị em mình, ai là người đứng xướng lên làm những phúc đức chung cọng đó vậy. Xem như đàn-bà các nước, thời đã nhiều người giàu cái lòng làm phúc như thế, rất có lực-lượng, như quyên hằng nghìn bạc cho nhà nuôi con côi, tự lập ra nhà bịnh-viện, để cứu giúp mọi người, vì nước mà thí-thân làm công việc bảo-hộ cho kẻ binh-sĩ trong buổi chiến-tranh, lại sự giáo-dục hạnh-phúc tương-lai của nhơn-loại mà sẽ kết thành đoàn-thể, thiết lập nọc-hội Thư-xã, ấy có phải là cũng một sự làm phúc đó chăng? mà sự làm phúc như vậy, công-đức biết bao nhiêu. Tuy cái trình-độ trí-thức của bọn chị em mình chưa dám so sánh với người ta được, nhưng mà đã học đòi văn-chương phong-hóa mới, thời nghĩ cũng nên bắt chước lần theo cái mỹ-tục của người, lần lần rồi cũng có ngày hoàn-toàn cái tư-cách ấy dặng, nếu ta cứ nghi-ngại sợ-lện mãi, đành chịu thấp kém không mong thay đổi, thời sự học của ta cũng vô ích đó mà thôi.

Cho nên những người chỉ biết điều hay của người ta mà khen ngợi khoa-trương luôn, còn tự mình không chấn-hưng lên được chút nào, dầu cái hay của người đến đâu, nào có lợi gì cho mình, mà cái tính nhút-nhát của mình lại thành ra đê-liệt mau quá, không thể cứu vớt lại được! chung-qui cũng là nô-lệ cho kẻ thắng-tiến.

Hằng ngày dư-luận nói rằng: cái tính người Annam mình hay bắt-chước, thế thời cái tính ấy hay hay là dở? Thưa rằng: muốn việc học-hành, tập-luyện đều thuộc về tài-trí kiến-thức, mà tài-trí kiến-thức bắt-chước người ta, nghĩa là học đó, bắt-chước là một cái linh-tính tối-hảo, bao nhiêu sự tiến-hóa trong thế-gian, không ở nơi bắt-chước thời lấy đâu mở mang xướng máy này, công cuộc nọ, người này phát-minh ra, kẻ khác nghiên-cứu lại, nhơn đó mà chăm-chước khôn khéo học lẫn nhau, sự bắt-chước điều hay là không hại gì, mà chị em mình phải đắn-đo lo-nghĩ không dám bước tới chỗ bắt-chước ấy.

Khi trước ta cũng đã sẵn cái lòng hâm-mộ đạo-đức, mà sùng thượng những sự làm phúc, biết bao nhiêu bà đã có tên ghi làm hội-chủ đền nọ chùa kia, qui hóa thay cái thiện-nguyện ấy, nhưng còn thiếu cái nghĩa-vụ đối với xã-hội, làm hết bổn-phận của sự làm phúc cho ích-lợi công-chúng hiện-thời, đến nay dương buổi quốc-dân đương nao-nao cầu sự tiến-hóa mở-mang, thời trong xã-hội không hạn đàn ông đàn bà, ai ai cũng nên chen vai gánh vác với nhau, mới là muốn cho chưởng-tộc dặng đông nhiều mạnh dạng, thời cần phải thêm nhà bảo-sảng, nhà dục-anh, muốn cho phong-tục dặng thuần-mỹ lương-thiện cần phải có nhiều sách vỡ đạo-nghĩa luân-lý bồi đắp cho nền giáo-dục, muốn cho quốc dân dặng giầu đủ, cần có nhiều công-xưởng, thương-hội, ngày một tăng thêm, thời cái kết-quả rất viên-mãn lắm vậy. Mà những việc như thế, cốt

có nhiều tư-bản dùm giúp lại, một cây xây nổi thành non, ba cây dùm lại nên hòn núi cao, khi thành tựu quả-phúc thời có khác gì đúc quả chuông đồng thanh mà góp tinh-thành của nhà thiện-nam, tín-nữ lại vậy. Sự làm phúc đã nên cao-thượng thay! Chính-đáng thay! Chúng ta há chẳng nên sốt sắng lắm ru?

ĐẠM-PHƯƠNG NỮ-SỬ *(Huế)*

Mấy lời khuyên học trò trong khi về nghỉ hè

Thì giờ thấm-thoắt như thoi đưa, như ên liệng, mới ngày nào bắt đầu niên-hạn học mà nay đã đến nghỉ hè rồi.

Bây giờ các em còn tụ-hội chung quanh ta, ngày mai thầy trò đã chia tay từ biệt. Trước khi ta trở lại quê nhà để toàn bề cam-chỉ thừa hoan, thần-hồn định tỉnh và để dỉ-dưỡng tinh-thần trong mấy tháng hè nóng nực này, ta muốn vì các em tỏ chút lòng thân-ái nói qua về việc học-hành cho các em nghe và khuyên các em nên nghe nhời ta nhủ bảo. — Các em đến đây học tập, ta dạy cho các em lấy nghĩa-lý làm vui, lấy bút nghiên làm thích, thế thì ta với các em cũng cùng một gia-đình mà ta làm chị nhớn. Đương lúc đạo-đức suy-vong, nhân-tâm nan-trắc, không những ta hết sức mở-mang trí-tuệ, bồi-dưỡng tâm linh cho các em mà ta lại muốn đem nhân nghĩa thủy-chung để tài-bồi đức hạnh cho các em nữa. Các em thử coi hòn ngọc kia có mài rũa mấy nên đồ, huống chi óc người ta, nếu không chịu lấy học-vấn tư-tưởng mà trau giồi thì sao cho sáng-suốt được. Trong buổi giao-thời này, thiết nghĩ các em trước hết hãy cố học lấy những phần cốt-yếu trong đạo tu-thân xử-thế của người đàn bà, nghĩa là học sao cho được đủ tư-cách cư-xử trong gia-đình, ngoài hai chữ hiếu-kính, cùng bốn cái đức-tính là dung, công, ngôn, hạnh, các em lại phải chịu khó học tập dần việc nội-trợ cho quen, để sau này trở nên những tay nội-tướng giỏi trong hàng khuê-tú. Đó là cái phương-châm tuyệt-đỉnh của nền giáo-dục bọn nữ-lưu Nam-việt theo như lối cựu-phong. Còn như nay đương độ văn-minh tiến-hóa. Âu Á hợp-đồng, ai ai cũng nức lòng tranh-cạnh nhau trong hội sinh-tồn. Vậy trong các em có nhẽ mọi người điều chỉ theo cái phạm-vi định trên đó hay sao? Các em ai là người còn ít tuổi mà trí có tài có, cũng nên tùy thời-thế, thuận phong-trào ra công gắng sức, tiếp-thụ lấy cái học-thuật Thái-tây cho chu-đáo, đào-tạo lấy tinh-tình tư-tưởng mới để phấn-khởi lòng tự-lập ra đời mà thi-thố tài năng gây nên sự-nghiệp vẻ-vang xứng đáng, ích-lợi cho gia-đình, cho xã-hội quốc-gia.

Các em đương như hoa sen mới nở như đào đương tơ đó là lúc trí-khôn đương tiến, vậy các em cần phải chăm-chỉ học-hành đừng có chơi-bời lười-biếng. Các em hẳn đã rõ bệnh-lười rất là hại tinh-thần trí-thức, thân-thể cũng vì đó mà suy-nhược. Vả kẻ lười khác chi như cây gỗ mục trạm khắc làm sao được nữa. Trí-dục đã cần cho các em, đức-dục ra lại càng cần hơn nữa. Các em nên tự-thân sửa tính cho nên người phẩm-cách nết na, đi đứng cho nghiêm-trang nói-năng cho khoan-hòa lễ-phép, để miệng thế khỏi chê bài là bọn ta hiểu lẫn nghĩa tự-do. Các em lại chớ có kiêu-ngạo, khoe khoang, tự-đắc, mà phải biết đó là những cái thói xấu của kẻ tầm-thường không hiểu rằng có xạ tự-nhiên thơm, hà tất phải ra đứng đầu gió. Nhất là các em nên giữ sao cho tâm-thần liễu yếu kia được như ngọc truốt, như gương trong, không hề bợn chút bụi trần.

Ôi! nghề giáo-dục là nghề bạc, hao-tổn tinh-thần, gầy mòn thân-thể song đã có lòng nhiệt-thành muốn tận tâm dạy cho các em nên người hay thì có ngại chi tinh-thần hao-tổn thân-thể gầy mòn nữa.

Nay các em có bụng tử-tế, muốn ở sao cho khỏi phụ công ta dạy-dỗ, thì các em chỉ nên tỏ lòng kính yêu ta là đủ. Ta lại muốn cho chút lòng kính yêu trân-trọng ấy lúc nào cũng phảng-phất ở nơi tâm-can não-trí các em nghĩa là dẫu khi các em thôi học rồi, cũng chớ nên đem lòng bội-bạc mà xử với ta bằng một cách lãnh-đạm vô-tình.

Thôi gọi là có vài hàng khuyên-nhủ, các em nên ghi xương tạc dạ, chớ coi làm thường.

Văn-Khanh Phan-thị-Lạng.
Nữ Giáo-viên Thái-Bình.

ÍCH-HỮU THƯ-XÃ

Sổ danh-sách các cổ-đông Ích-Hữu Thư-Xã

Cổ-phần mới vào

Mademoiselle Nguyễn-Thị-Tần chez M. Tấn ở phố Vĩnh-thành tỉnh Vĩnh-yên, 2 actions 50 p.

Madame Bùi-Xuân-Thắng, buôn-bán số 9 phố Neyret Hanoi, 2 actions 50 p.

Mme Hoàng-Thị-Thái, commerçante ở làng Bạch-Mai Hanoi, 1 action 25p.

M. Bùi-Xuân-Tiến, buôn bán ở số 9 phố Neyret Hanoi, 50 actions 1250 p.

M. Phạm-Khắc-Thư, ở voie 91 no 9 rue du charbon Hanoi, 10 actions 250 p.

Mme Thạch-Thị-Thi dite Mme Bùi-Xuân-Tiến buôn-bán, số 9 phố Neyret Hanoi, 4 actions 100 p.

M. Nguyễn-Văn-Pháp ở làng Phú-đôi, tổng Lương-Xá, huyện Phú-Xuyên Hadong, 5 actions 125 p.

M. Lê-Văn-Hoành, học-trò ở làng An-Sơn, tỉnh Bình-Định, 1 action 25 p.

M. Trần-văn-Xương, buôn bán no 63 rue de l'Abattoir Haiphong, 2 actions 50 p.

M. Nguyễn-Cầm, Tú-tài, Tam-quan tỉnh Bình-định 1 action 25 p.

M. Hà-Đức-Phong ở làng Đông-động Thái-Ninh tỉnh Thái-Bình, 80 actions 2000 p.

M. Bùi-Hữu-Đăng, ajusteur Société atelier maritime Haiphong 1 action 25 p.

M. Bùi-Quang-Tiến, Sergent de 7e Compagnie du 3e Tonkinois à Lộc-Bình Lạng-sơn, 4 actions 100 p.

M. Nguyễn-Duy-Quế Etudiant 94 rue du Coton Hanoi, 2 actions 50 p.

M. Nguyễn-Đức-Nhuận, làng Thuận vi, Huyện Thư-trì, Thái-bình 1 action 25 p,

Cổ phần vào thêm

M. Bùi-Xuân-Thắng trước 50 cổ-phần nay thêm 10 actions 250 p. là 1500, p. 00 đóng ngay.

M. Nguyễn-Mạnh-Bồng, trước 8 cổ-phần nay thêm 40 cổ-phần 1000 p. là 1200 p. đóng tiền ngay.

M. Nguyễn-Đức-Chiều, lettré Résidence Sơn-la trước 1 action nay vào thêm 1 action.

M. Ngnyễn-Văn-Thạc, Débitant Alcools indigènes Phủ-Quang Thanh-hóa trước 1 action nay thêm một 1 action.

M. Cao-Hữu-Chinh, buôn bán voie Publique Hanoi trước 20 actions nay thêm 5 actions.

VĂN THƠ

Chơi thành Cổ-loa ngẫu hứng

Hỏi đền hỏi diếng hỏi cây đa:
Cổ-tích rằng đây đất Cổ-loa.
Thành Ốc nên khen tài nước Quỉ (1)
Móng rùa khéo vẽ chuyện con ma.
Hai nghìn năm lẻ nền hương lửa,
Một mảnh bia tàn đám cỏ hoa.
Câu chuyện nga-mao dù có thật;
Ai mà không gớm lũ thông-gia

Cử-nhân Ngô-Trọng-Nha
La-khê, Hà-đông

Chơi hồ nhớ bạn

Thơm mát hương sen ngọn gió đưa,
Cảnh hồ này vẫn cảnh năm xưa.
Mà người chơi cũ nay đâu vắng?
Đối cảnh riêng ai luống ngẩn-ngơ.

* * *

Ngẩn-ngơ trông nước lại trông mây,
Man-mác vì ai dạ biếng khuây.
Muốn mượn đài nghiên cùng tháp bút,
Tình kia tả với nước non này.

Hạc-thần Nguyễn-Thượng-Huyền

(1) Nước ta đời Thượng-cổ gọi là *Sích-quỉ quốc.*

Vịnh Vương-kiều-loan

(xuất Tình-sử)

Giọt nước Ngô-giang chẳng rửa oan,
Trách ai mà lại tiếc cho nàng.
Vì người khương-khứu nên say đắm,
Dận kẻ ham-mê nỡ phụ-phàng.
Một bước gương-lia liều phận thiếp,
Mấy thiên trường-hận thấu chăng chàng.
Tri-âm chẳng gặp tri-âm nhỉ?
Gặp phải con người bạc-hạnh-lang.

Tuyết-như, Tăng-Xuân-Mai

Tiễn biệt

Rồi dây non-nước biệt đôi phương,
Một lúc phân-ly mấy đoạn-trường.
Tắc dạ bâng-khuâng người ở lại,
Vó câu dục-dã khách lên đường.
Nguyện đem son-sắt ghi lòng đỏ,
Trông thấy non sông nhớ bạn vàng.
Phong cảnh chêu ngươi khi tống-biệt,
Trông xa man-mác một mầu xương.

Đông-Mai, Lê-Văn-Thu

Bài hát mừng Hưng-quốc khánh-niệm (1)

(Theo điệu Marseillaise)

Cao-Hoàng vua ta trời kia đáng vì,
Công nhờn bình thành muôn năm còn ghi.
Bình Tây-sơn anh-hùng nên đại-trị,
Nền Vương-bá từ đấy sáng uy-nghi.
Cơ-đồ giang-sơn kế-thống truyền bây giờ,
Cùng nhà, Trung, Nam, Bắc đâu xa.
Anh-hùng Việt-Nam ai ấy tá!
Vàng nhật nguyệt, muôn kiếp gương trong chưa mờ
Hoan-lạc ở thần-dân! ở cháu chắt giống tiên-rồng
Non sông, non sông một ông xanh xanh,
Nhớ người, người xưa anh-hùng.

Tô-Văn-Thiện

Tự trào

(Hát nói)

Lâm-tuyền thành-thị,
Khắp nơi từng ghi-đề dấu ngựa xe.
Mặt tài-tình đà dạn với sơn-khê,
Chơi cho rõ thỏa-thuê nam-tử chí!
Văn vô sơn-thủy phi kỳ-khí,
Nhân bất phong-sương vi thức tài,
Khi giang-hồ khi phần tử
Khi Hải-giác lúc thiên-nhai.
Mượn thi-tửu mua vui cùng đất nước.
Kia thế-lộ mặc ai gập bước,
Đường công-danh sau trước cũng là,
Bốn mùa: tuyết, nguyệt, phong, hoa.

Đồng-thanh Chu-Văn-Ứng

1 Bài này học trò tỉnh Nam-định hát hôm Hưng quốc Khánh-niệm đúng hệt như điệu Marseillaise

Bài phú « thuốc phiện »

(*Tập Kiều*)

Lấy vần « đã chơi khuyên phải học phường khôn »

Mấy ngành phù-dung,
Ba sinh hương lửa,
Hễ thấy thời mê,
Rằng sao cũng lạ!
Lửa càng nồng, hương càng đượm, quân-tử đa mang,
Ra thế ấy, vào thế kia, anh-hùng tiếng đã....
Thanh-khí một giây một buộc, tha ra thời cũng may đời,
Ngọn đèn khi tỏ khi mờ, trông vào để cho thiên-hạ.....
Ý cho là:
Đứng trong trần-ai
Mấy mặt làng chơi,
Trăm nghìn đồ trận cười,
Một vài canh mua vui,
Dập-dìu tài tử, dai-nhàn, kẻ nhìn tỏ mặt,
Đua nhau vương-tôn quý-khách, đi dạo lấy người,
Bấy giờ mới:
Đặt giường thất-bảo
Về chốn thư-hiên
Người vào chung gối,
Thơm rở trước đèn,
Một đền xuân-tỏa,
Ba tuần chén khuyên,
Khi say rượu, lúc tàn canh, miệt-mai trong cuộc,
Nối hương bình, thêm nến giá, dìu dặt tay tiên;
Được một vài phân, song thưa chừng khói ngút,
Có ba trăm lạng, mái tây đề hương nguyền;
Huệ hương sực nức một nhà, phong-lưu rất mực,
Bồng-lai nẳng mưa cách mấy, giải-cấu là duyên;

Kia như ;
Lạ lùng buổi mới,
Chơi bời nết dại,

Đồng tiền đã sẵn, phẩm càng cao, giá càng treo,

Đi mua đem về, ngàn cũng qua, sòng cũng lội,

Rồi ra phai hương lạt phấn, gầy ba bốn phần,

Nghe ra ngậm đắng nuốt cay, cực trăm nghìn nỗi,

Đa mang lấy nghiệp, dẫu suôi dẫu ngược việc tầy giời,

Vụng chẳng hay suy, có người có ta trong nhẽ phải.

Nghề nghiệp hay
Vỡ lòng học,
Chau đôi mày,
Vò chín khúc,

Mình gầy tựa mai,
Nét buồn như cúc.

Phòng thu khép cửa, đem tình cầm sắt đổi ra kỳ....

Vốn liếng đi đời, nát thấn liều bồ đèn nghĩa trúc...

Sao bằng :
Nho-gia giòng nối,
Kim-môn cũng phường,
Chơi phải biết cho đủ,
Trong đành đã chủ-trương,

Chốc đề lạnh-lùng, nén hương sẵn đấy ta đốt,

Gọi là gặp gỡ, đuốc hoa đề đó mặc nàng,

Chuyện ngoài mặt mua cười, hai bên cùng ưa, đương nồng hương lửa,

Trông hoa đèn chẳng thẹn, một lời đã biết, vàng tạc đá vàng,

Ngần ấy nết,
Rất mực khôn,
Đắn đo tài-sắc,
Tính cuộc vuông tròn,

Đèn khuya chung bóng giăng, mấy người dễ biết,

Tay co như có vững, thời của hãy còn,

Người ta mất tiền hoài, sao không biết gì ý-tứ?

Nghề chơi công-phu lắm, phải rò cho đến ngọn nguồn.

Thị-Giảng NGUYỄN-HỮU-ĐAN
(Hà-Tĩnh)

KIM-VÂN-KIỀU THẬP VỊNH

Bản-chí có tiếp lai-cảo của ông Nguyễn-Bố-Trạch đưa lại mười bài thơ gọi là Kim-Vân-Kiều thập vịnh, nay hằng xin chọn lấy sáu bài nhời nhẽ êm-ả, ý-tứ sâu sắc hơn cả, đăng lên đây để công đồng-lãm.

HỮU-THANH

Kim Trọng

Sẵn nền phú-hậu rộng hào-hoa,
Gặp bạn chơi xuân tiết tháng ba,
Lan cúc mặn-mà hai ả tố,
Tóc-tơ dan-díu một cành thoa.
Khi về tang chú tình thêm nặng.
Lúc nối duyên em lệ vẫn sa.
Tái-hợp lòng ơn giời phật độ.
Trách thầm người giải chữ trinh ra.

Thúy-Kiều

Nhi-nữ mà hay biết trọng khinh.
Cái cân tình hiếu bắc phân-minh.
Dứt duyên hội-ngộ đành ghi dạ.
Báo đức cù-lao phải bán mình.
Nhỡ mắc Hồ-công làm chước trá.
May cùng Kim-trọng giãi niềm trinh.
Mười lăm năm ấy cơ chìm nổi.
Khéo để gương cho những khách tình.

Thúy-Vân

Phong-lưu đã rứt mực con nhà,
Đầy đặn khuôn giăng nết thật thà.
Ngăn kẻ thương vay cười tủm-tỉm,
Đương cơn gia-biến ngảy khi khà...
Sắt-cầm nhờ chị duyên trao lại,
Chung-đỉnh ơn chồng lộc nở ra ;
Nhời giãi một hai đù đặt lựa,
Cát cù mà vẫn chị em ta.

Chung-Công.

Tuổi lại bao nhiêu gọi lại già,
Tay này đanh thép nhất trong nhà.
Luận đầy luật đó người lòe trẻ,
Hiếu nặng tình sâu gái sót cha ;
Mấy nén bạc ròng vơ đã thích,
Một tờ giấy khất gỡ cho ra ;
Lạ thay Vương cũng cam làm rể,
Kim-Trọng lòng căm lắm đấy mà!

Phủ-Đường.

Kiện con cầm trạng Thúc-ông qui,
Lá phiếu thôi-tra phát tức thì,
Cứ lý mà phân hai mặt án,
Thương tình lại thử một bài thi ;
Già nghe khuyên giải êm gia-đạo,
Trẻ được đoàn-viên thỏa xướng-tùy.
Liêm đến như ngài đà mấy kẻ,
Việc hay như thế vẫn không gì.

Hoạn Thư

Vườn mới thêm hoa lửa đốt nồng.
Thế mà cười nói vẫn như không,
Roi câu vừa dóng trông mây bạc,
Giây sắt liền đưa buộc má-hồng ;
Cuộc rượu giải phiền căm mấy dạ,
Pho kinh cho viết thả ra vòng ;
Mấy lời dưới trướng kêu xin lỗi.
Từ-Hải ngồi nghe hẳn phục lòng.

NGUYỄN-BỐ-TRẠCH

THỜI-ĐAM

Khi Hoàng-thượng ngự đến Saigon. — *Bản-chí xin trích một đoạn sau này ở trong báo Nam-kỳ, để ngoài này biết cái quan-niệm của anh em ta trong Nam-kỳ đối với khi Ngự-giá đi qua ra thế nào.*

Có người trách chúng tôi đối với các cuộc lễ-nghi tiếp Hoàng-thượng rất lạnh-lạt, cho nên không nói rõ, là không hiểu ý chúng tôi. Chúng tôi thiết nghĩ các sự nghênh-tiếp đó là tự-nhiên không nói ai cũng tưởng-tượng được.

Chúng tôi, hai kỳ báo rồi, nói cho các độc-giả biết tin Hoàng-thượng tới, tin Hoàng-thượng đi, tình-hình quốc-dân đối với vua thế nào, tưởng thế cũng đủ rồi. Nhưng ở Lục-tỉnh nhiều ông muốn biết tiêm-tất các cuộc lễ-nghi và mấy ngày Hoàng-thượng ở Saigon thế nào.

Lối 12 giờ trưa 22 Mai, ở dài theo mé sông tại cầu tầu Nhà-rồng, người là người, thật là chen chúc như nêm vậy ; các đường khác, thiên-hạ cũng đông-đảo hơn thường. Đi đâu mà lung thế ? Đi xem cho rỏ Long-nhan vậy.

Từ đường cầu Quay theo đường mé song, đường Catinat, đường Norodom tới dinh chánh-soái, có lính dàn hầu hai bên. Các quan Tây, Nam đứng chực trên cầu tàu.

Tầu *Porthos* có trương huỳnh-kỳ có hình rồng là hiệu cờ của Đại-Nam-Quấc gần tới, thời chiếc *Montcalm*

bắn 21 tiếng súng chào, thời tàu *Porthos* hạ neo giữa sông. Lúc đó trông không thấy Hoàng-thượng, chỉ thấy các quan hộ-giá đứng ở ngoài phòng. Tàu vừa cập cầu thời có pháo-thủ trên bờ bắn thêm 21 tiếng súng đồng mừng rước. Thang bắt lên cầu có quấn tờ tam-sắc của Pháp, cờ vàng của Nam; còn dài theo cầu cho tới lối sống có nĩ lót chưn, quan Cognacq đi trước, kế quan Thủy-sư Thomine, quan Lãnh-binh Janot, quan Giám-đốc Tholance, quan Thượng-thơ Gazanot, quan đầu phòng văn Caire, quan hầu Sarrat, các quan văn võ, và sau hết mười viên quan Annam ở Trung-kỳ đi đường bộ vào trước Hoàng-thượng mấy bữa, thảy đều xuống tàu cung-nghinh Hoàng-thượng. Hoàng-thượng đáp lễ rồi, thời bà Cognacq dưng một tràng-hoa lớn.

Hoàng-thượng đội nón vàng, mang gươm vàng, mặc huỳnh-bào theo võ-phục, mang hia đen. Sau ngài là quan Thống-đốc và Đông-cung cũng ngự võ-phục y như Hoàng-thượng, bộ tướng mạnh-mẽ, rồi tới quan Khâm-sứ Pasquier và các viên khác. Hoàng-thượng cùng quan Thống-đốc cũng ngồi một xe, nhạc đánh bản Marseillaise, Hoàng-thượng bình thân để tay ngang tai thủ lễ; Đông-cung thời chung xe kế đó với quan Khâm-sứ, còn các quan thời sau nữa. Đằng trước một đội mã-ky, đàng sau một đội theo hầu.

Tới dinh, một toán binh mặc đồ trắng nghinh tiếp tại nấc thang.

Hoàng-thượng cùng Đông-cung và các quan mấy bữa ở Saigon dự tiệc tại dinh Phó-soái Nam-kỳ, và dinh Toàn-quyền Đông-pháp. Hoàng-thượng có gắn cho quan Cognacq một cái Đại-thọ-chương (Grand Cordon), và thưởng bữu-bài cho các quan khác.

Chiều 25 Mai, Hoàng-thượng cùng Đông-cung với các quan tùy-giả xuống tàu, lễ-nghi đại-lược cũng như lúc lên.

(*Công-Luận-Báo*)

Lễ «Hưng-Quốc Khánh-Niệm» năm nay. — Năm nay là năm Nhâm-tuất, hôm *mồng 2 tháng 5* là ngày kỷ-niệm năm thứ 120 của đức Thế-tổ Cao Hoàng ta nhất-thống được thiên-hạ, ngay từ ngày 19 tháng 2, Hoàng-thượng ta đã giáng dụ để cử-hành đại-lễ rất đặc-biệt, đặng kỷ-niệm ngày nhất-thống của đức Cao-Hoàng, lại kỷ niệm cả mấy vị công-thần giúp cho đức Cao Hoàng ta là ông Giám-Mục Bá-Đa-Lộc và ông Nguyễn-Văn-Thắng, ông Nguyễn Văn-Chấn, thật là một cuộc thịnh-điển mấy năm nay chưa từng có vậy.

Hôm mồng 2 tháng 5 ta là giữa ngày chủ nhật 28 mai, Hoàng-thượng ta và đức Sử-Nhị đã khải-loan sang Pháp rồi, song đã có Lưỡng-tôn-cung và Triều-thần, nên hôm ấy tại Huế cũng cử-hành đại-lễ rất là long-trọng. Nay Bản-chí cung-dịch lời Thượng-dụ, để quốc-dân được cùng nguỡng-thể Thánh-ý.

Dụ rằng:

Lễ Hưng-Quốc Khánh-Niệm, đã là một lễ thành-điển từ mấy năm nay rồi. Năm nay là năm Nhâm-tuất, tức là năm nhất-thống thiên-hạ của đức Thế-tổ Cao-Hoàng ta, đã vừa tròn hai lần hoa-giáp (1) vậy. Thiên-hạ thần-dân mà được hưởng cuộc thái bình an lạc, thực đều nhờ có thạnh-đức đại-

1. mỗi hoa-giáp là 60 năm, hai hoa-giáp là 120 năm.

nghiệp tự đó lưu lại, mới có ngày nay, thế thì phải nên mở ra khánh-điển hằng năm, đặng kỷ-niệm công-lao của đấng Tiên-tổ ấnh. Vậy chuẩn cho Lễ-bộ chiếu lệ và trích thêm một khoản tiền, trong khoản tiền đó, có khoản để tri-tế đức Anh-nhuệ Hoàng-thái-tử Điện-hạ có khoản để tế các bực công-thần trung hưng khai quốc, cũng là tấm lòng truy-niệm công-lao của các bực đó. Nhưng mà, ban đầu, Trẫm chưa nghĩ kỹ, bây giờ xét lại, lễ như thế, cũng chưa đặng hoàn-toàn. Ôi! Điện-hạ ta khi đi sang Pháp làm con tin để cầu-viện, có đi được một mình không; thế thời bảo hộ Điện-hạ ta sang Pháp lúc đó là người nào? tức là đức Giám-mục tước Bi-Nhu quận-công là Bá-Đa-Lộc vậy. Đương lúc Đức Thầy phụng chỉ đem Điện-hạ ta sang Pháp cầu cứu, Pháp-Hoàng lượng tình, phái quan binh như bọn Nguyễn-văn-Thắng, Nguyễn-văn-Chấn đem súng đem tàu vượt biển mà sang, nước ta được bọn viện-binh mạnh mẽ liều mạng sa-trường đó, đức Cao-Hoàng ta mới có dư-lực kinh-doanh, bèn gây nên được nghiệp lớn, thời đội quan binh nước Pháp, vì ta liều mạng sa-trường đó, hoặc có người chẳng may mà bỏ mình, hoặc có người nhiều công-lao mà đặng phong thưởng quan-tước, có lẽ nào bây giờ bỏ những không nghĩ tới sao? Vậy lại chuẩn cho Lễ-bộ trích ở khoản tiền tự-điển ra 150 p. thưởng cùng Quý-tòa, chuyển giao cho ông Giám-mục nhà thờ Phủ-Cam nhận lấy, để làm lễ cầu nguyện, nhân dịp tường-tất cho Quý-Giám-mục biết tấm lòng truy-niệm nhiệt-thành của Trẫm, và nên đem tờ dụ-chỉ này thông-đạt cho các nhà thờ địa-phận của Quý-Giám-Mục đều biết đặng cũng làm lễ cầu-nguyện. Duy có ngày làm lễ cầu-nguyện, thời Quý-Giám Mục nên lựa giờ nào, cho khỏi trùng với nghi-tiết bên Nam-triều, để cho văn võ quan-viên bên Nam-triều lại được sang nhà thờ xem lễ vậy mới trọng sự thể. Thống-lục tờ dụ này tuân-hành Khâm thử.

Niên-hiệu Khải-Định năm thứ bảy ngày 19 tháng hai
Lễ-bộ cung-lục

Cuộc rút số lần thứ nhất 1er Juin. — 8 giờ sáng hôm 1e Juin. Hội-đồng trông-nom về việc rút số trong cuộc công-thải Đông-Pháp 6 triệu đồng đã bắt đầu họp tại phòng hội-đồng tòa Đốc-lý để rút số về *quy-tiết thứ nhất* (1e trimestre) Quan Chánh sở tài-chính *Détieux* làm chủ-tọa, quan Tổng-Đốc Lê-trung-Ngọc, quan chủ-sự sở Ngân-khố Géhin làm hội-viên, ông Baud ở tài-chính làm thư-ký. Quan Đốc-Lý Mourroux cũng đến dự cuộc rút số ấy, có cả các báo-giới nữa.

Trước khi rút số, thì M. Baud đọc những tờ biên-bản của các Hội-đồng nhận-thực rằng các ống số đã cho vào trong thùng quay dữ số cả, và của Hội-đồng coi việc sửa cái *máy quay* lục ở bên Pháp đem sang bên này.

Quan Chánh-hội-đồng lại tuyên-bố rằng: có nhiều nhà hồ-nghi rằng: cuộc rút số này trúng vào ngày 1e Juin là *quy-tiết thứ-nhì* (2e trimestre) thì không có giải **một vạn đồng** chăng. Song cuộc rút số này chính là về *quy-tiết thứ nhất*, có giải một vạn đồng, vả cái quy-tiết ở đây, là kể quy-tiết của cuộc Công-thải, chứ không phải kể vào quy-tiết trong lịch.

Đoạn, Hội-đồng gọi một người loong-toong tòa Đốc-Lý ra rút số, bắt người ấy cồi trần để cho công-chúng đều được mục-kích việc làm rất là công-bằng.

Kết-quả về kỳ rút số ấy như sau này :

Số **49.042** trúng số 10.000 đồng.

Số **83.735** trúng số 1.000 đồng.

12 số sau này được trúng 500 đồng:

064.305	048.831	037.664	116.291
062.375	077.176	050.760	097.391
045.873	053.398	043.948	082.269

Còn thì cả thảy 1.016 số được trúng mỗi số 100 p.

Những số nào được trúng, thì đến 15 Juillet trở đi, mới được lĩnh tiền, song phải đem phiếu đệ ngay lên Ngân-khố (Trésor) ngay từ bây giờ để tiện việc kiểm-soát.

Số phiếu giải nhất là số phiếu bán tại Trung-kỳ, số phiếu giải nhì là số phiếu bán tại Cao-man.

Người được trúng số giải nhất này là một ông giáo-học ở Hatĩnh tên là Lê-văn-Thoan. M. Lê-văn-Thoan chính là người Bái-nại ở Hàtĩnh năm nay 36 tuổi đã có 5 con, nguyên trước học tại trường Quốc-học ở Huế, năm 1916 thì được bổ làm phụ-giáo ngay trường ấy, đến năm ngoái mới được thăng làm Trợ-giáo hạng sáu theo ngạch Trung-kỳ, và được bổ ra Hà-tĩnh.

Số tiền 1 vạn ông được đó, ý ông muốn bỏ ra 1 nghìn vào việc từ-thiện và cấp cho con nhà nghèo, 3 nghìn để mua ruộng, 3 nghìn để làm nhà, còn thì để làm khoản tiền trữ-súc vào việc khác v. . v...

Thuế ăn dưng ngồi rồi tại Madagascar. — Kể từ ngày 1er Janvier 1922, tại Madagasdar đã thi-hành thuế ăn dưng ngồi rồi (*Taxe sur l'oisiveté*) Hạng thuế này tự M. Garbit là một nhà lập-pháp ở nước Pháp đặt ra. Bất cứ người Pháp người ngoại-quốc, người bản-xứ là đàn-ông mà không làm nghề-nghiệp gì thì đều bị đánh thuế ấy cả.

Người Pháp từ 21 tuổi đến 55 tuổi thì mỗi năm phải 250 ngày làm việc, Người bản-xứ từ 18 tuổi đến 50 tuổi thì mỗi năm phải 180 ngày làm việc. Tiền thuế thì Người Pháp phải đóng mỗi năm 25 francs, người bản-xứ phải đóng mỗi năm 20 francs, chỉ trừ những người tàn-tật không thể làm việc được những người được ăn lương hưu-trí v. v...

Cách đánh thuế ấy phần người Pháp thì đánh trong từng quận một, về phần người bản-xứ thì trong từng tổng một. Tiền thuế của người Pháp đóng thì dùng để mua những điền-khí cho người Pháp dùng về sự khai-khẩn thuộc-địa; tiền thuế của người bản-xứ đóng thì dùng để mua các điền-khí cho người bản-xứ dùng chung.

Hạng thuế này đặt ra chẳng những không phương-hại gì đến sự tự-do của cá-nhân mà lại làm mất được hẳn cái thói quen lười biếng của phần nhiều người trong xã-hội, chẳng những thế, lại tiền để mua những điền-khí cho dân dùng thì tiền của kẻ vô-ích mà dùng vào việc có ích. Hay thay cái ý-nghĩa thứ thuế ăn-dưng ngồi rồi! ở nước ta ngày nay nếu cũng thi-hành thứ thuế ấy thì có hợp-thời không? ? ?

Các kỹ-nghệ mới ở Trung-hoa. — Bấy lâu nay Trung-hoa những bối rối về việc nội-loạn, ai không bảo rằng về đường kỹ-nghệ tất phải suy-đồi. Nhưng không, nội-loạn mặc dầu, kỹ-nghệ họ vẫn ngày một mở mang hết sức.

Trung-hoa hiện có 92 cái mỏ dầu hỏa mà 22 cái mới khai; một xưởng dệt tơ lụa và một xưởng nhuộm, người Trung-hoa mới xuất vốn lập ra ở Soutchéou; một xưởng dệt bông mới ở Thượng-hải; ba cái nhà máy cùng mở một lúc ở Thiên-tàn để làm diêm mỗi tháng làm được 4.009 tấn, một cái nhà máy xi-măng mới dựng ra ở gần xưởng đóng tầu ở Kiangan. Một cái xưởng dệt bông có 15.000 cái máy dệt lại mới mở ở Wousih. Đó là tính đến ba tháng cuối năm 1921. còn sang đến năm 1922, mới mấy tháng đầu năm ở Tchékiang thuộc về Nam-kinh, ở Foukien về Ponkéou đã mở ra hai nhà máy nước và ở Hankéou một máy điện.

Xem đó thì cái kỹ-nghệ mới ở Trung-hoa ngày một mở-mang, mà cái cơ phát-đạt, nếu không ngại trở về việc nội-loạn, thì chắc lại còn nhanh-chóng lắm nữa vậy.

Cải chính

Kỳ báo 21 ra ngày 1er Juin mới rồi, trong mục văn-thơ có đăng bài « văn-tế con gái tế mẹ » của cụ Trần-Mỹ, Thái-bình Tuần-phủ soạn, vì thợ sắp chữ sắp nhầm mấy chỗ, nay xin cải-chính lại.

1° « *Dầu may, chim đậu nóc nhà, dám nói gái làm vẻ cửa* » chớ không phải là gái *nào vẽ lửa*. *Vẻ cửa* là lấy câu ở là : « nữ trác môn-mi ».

2° « *Kìa núi Thứu nọ non Bồng* » chỗ núi Thứu là chỗ tiên-phật, ở chớ không phải núi « Thái »

3° « *Rộng đường sinh-lý* » chớ không phải « *rậm đường sinh-lý* »

KÍNH-CÁO

Kính-cáo để các ngài cổ-đông hội Ích-hữu thư-xã và các bạn Độc-giả của Tạp-chí Hữu thanh biết rằng : Từ nay ngài nào có gửi thư-từ và mandat cho Ích-hữu-thư-xã và Hữu-thanh thì xin các ngài để rõ Qui-danh-Hiệu để bản-xã được tiện sự vào sổ và viết thư phúc-đáp, cảm tạ lắm.

Nay kính cáo

ÍCH-HỮU THƯ-XÃ

KHẨN-CÁO

Gần tháng nay, vì có một vài kẻ xin làm việc trong thư-xã chúng tôi không cho, lại có vài kẻ ghen quyền ghen lợi với những nhà có quyền-chức địa-vị trong Bản-xã mà phao-vu ra lắm điều vô-lý, lắm sự càn bậy để mong phá-hoại công việc của thư-xã, chúng tôi đã có đủ phương-thế trừng-trị những loài lao-trùng làm hại công-cuộc công-ích ấy. Vậy xin các cổ đông trong Hội biết cho rằng phàm công việc Hội chúng tôi làm hết thảy quang-minh chính-đại, không có một sự gì là để cho bọn tiểu-nhân có thể chỉ-trích được cả.

Ích-hữu thư-xã thật có thể bảo-tồn vĩnh-viễn được, nhà in đã mua được rồi, báo *Hữu-Thanh* chủ-bút đã đắc-nhân lại thêm trang, tòa kiểm-duyệt tu-thư đã lập xong, từ ngày tôi vào làm chủ-nhiệm đến nay, số cổ phần vào thêm rất nhiều, sự gọi thêm cổ-phần cũng còn thiếu có vài ba nghìn nữa là đủ 50000$00. Nay mai chúng tôi sẽ họp đại-hội-đồng để giãi bày mọi việc Hội và quyết-định sự thu tiền cổ-phần cho Hội đủ vốn làm mọi việc. Khi bấy giờ Hội mới biết cho cái cái công-lao khó nhọc của chúng tôi và chứng-nhận cho rằng những kẻ nặc-danh đầu-thư và những phường ô-nhân thắng-kỷ chẳng qua là một lũ mèo mả gà đồng gáo càn kêu láo mà thôi, chứ những người quân-tử không có ai nhẫn-tâm làm những việc trái luật-lý trái đạo-đức như mấy kẻ khuấy rối họ đương chạy nhông tìm đường kiếm lối để toan làm những việc không có đường lối nào cả. Mấy lời kính-cáo xin các ngài cao-minh lượng xét cho. Đa-tạ.

Nay kính
Chủ-nhiệm Trần-Quang-Huy
Kính-cáo

CÔNG VIỆC HỘI CÔNG-THƯƠNG ĐỒNG-NGHIỆP

Đại Hội-đồng thường-niên

(Tiếp theo)

Tờ trình quỹ của ông Kiểm-soát ủy-viên Hội-Chánh Hanoi. — Kiểm-Soát hội-viên chúng tôi, xin trình Hội-đồng việc khám quỹ và bầy tỏ để các ngài biết tình-hình tài-chính của hội-chánh về năm 1921.

Ngày 29 Mars vừa rồi đúng tám giờ tối, chúng tôi đến nhà ông Lê-Đình-Khoa chánh thủ-quỹ, đem sổ quỹ cho chúng tôi xem sét các khoản xuất-nhập kỹ lưỡng đã biên trong sổ, điều có giấy chứng-chỉ minh-bạch, từ ngày 1er Août cho đến ngày 31 Décembre 1921 mà thôi, vì từ ngày lập thành hội cho đến cuối tháng Août thì đã có ban hội-đồng kiểm-soát khám một lần rồi, tình-hình thế nào đã có đăng trong báo Hữu-thanh trình các ngài. Nay chúng tôi theo lệ thường cuối năm khám lại, lấy các số tiền xuất-nhập ấy cộng với các số tiền đã xét lần này thì thấy tiền còn lại là 1.349p.56, trong số ấy thì :

Còn ở quỹ là . .	329 p. 56
Gửi nhà Đông-pháp ngân-hàng . . .	20 , 00
Gửi ông Khoa để sinh tức	1 o o = 1.000,00

Cái số còn lại ấy là bởi số xuất-nhập như sau này :

Thâu nhập được là.	3. 379 p. 51
Chi tiêu đi mất . .	2. 029 , 95
Còn lại.	1. 349 , 56

Kê trách từng khoản xuất nhập :

Nhập quỹ :

Tiền cho	663 p. 32
Tiền đóng góp của hội-viên. . . .	1. 609 , 00
Tiền thu về tối hát .	1. 064 , 12
Lãi 4 tháng về số 1000 p. 00 . . .	43 , 05
	3. 379 , 51

Xuất quỹ :

Cung tân	72, 88	
In điều lệ và giấy sổ sách	396, 88	
Tạp phí	24, 64	
Giây thép	2, 15	
Câu đối phúng	83, 90	
Trợ cấp	60, 00	
Mua bàn ghế tủ	122, 00	
Tiêu vặt	117, 24	
Timbres	57, 06	
Lương tùy phái	121, 20	
Tiêu về tối hát	916, 05	
Cáo bạch	55, 95	
		2. 029 , 95
Còn lại :		1, 349 , 56

Tờ trình của các ông Văn-tấn-ủy-viên Hội-chánh Hà-nội. — Chúng tôi lấy làm hân-hạnh cảm tạ cái lòng yêu mến, quí hóa của các ngài đã bầu chúng tôi lên làm Văn-tấn-ủy-viên, làm việc trong mấy năm đầu mà hội ta mới sáng-lập. Nay nhân là Đại-hội-đồng chúng tôi xin đem những công việc chúng tôi đã làm trình các ngài như sau này :

Trong năm 1921 chúng tôi có đến thăm và viếng những các ông hội-viên như là :

Tháng giêng : phúng người nhà ông Hoàng-Kim-Bảng.

Tháng giêng : phúng người nhà ông Phạm-Quang-Đài.

Tháng giêng : phúng người nhà ông Ngọc.

Tháng giêng : phúng người nhà ông Điền.

Tháng giêng : phúng người nhà ông Đài.

Tháng giêng : phúng người nhà ông Nguyễn-Xuân-Đài.

Tháng sáu : phúng cụ nhạc ông Vũ-Trọng-Hòa.

Tháng bảy : phúng và trợ cấp ông Phạm-Ngọc-Ngạc.

Tháng mười : phúng ông Lê-văn-Mẫn

Tháng mười : phúng ông Vũ-văn-Lương dit Cự-Long.

Tháng chạp : phúng và cấp bà Phê.

Còn bao nhiêu những ông hội-viên đau mệt soàng thời chúng tôi cũng đều là đi thăm cả và cũng đã đăng vào tạp-chí Hữu-Thanh rồi, tưởng cũng không nên nhắc lại.

Tờ trình của ông Đào-Đình-Phê-Phong ở Vinh gửi cho ông Nguyễn-Mạnh-Bồng. — Nhân có cái giấy mời Assemblée Générale hôm 2 Avril này, để không thể về hội-đồng được

nên xin đính theo đây giấy giao quyền để nhờ Bác làm ơn thay mặt cho đệ. Đệ dám mong ở tài Bác mà bênh vực lấy lợi quyền chung, và xin tỏ lòng cảm ơn Bác trước, vậy xin Bác nhận cho.

Nhân thể đệ xin tỏ tình-hình chi Hội ta ở Nghệ-an này cùng Bác và xin Bác xem đệ có nên lên ông Chánh Hội không.

Chức Ủy-viên. — Từ khi đệ được Hội giao chức Ủy-viên ở trong này thì vẫn hết lòng nhiệt-thành và vẫn định cố hết sức cổ-động để lập thành chi Hội như Thanh-hóa, và các nơi; không ngờ đã non một năm nay mà vẫn chưa thành được việc, vì rằng đệ bận quá, nhất là cái năm vừa rồi lại bận hơn, đệ cả ngày phải ở luôn trong sở, tối về lại bận vào việc buôn ở nhà. Vì vậy bấy lâu chưa cổ-động được việc Hội, nên trong lòng hằng áy náy rằng: Hội đã có lòng tốt tin và giao quyền cho như vậy mà không lo việc gì.

Xin quí-hữu xét cho rằng, thực điều ấy là không phải lỗi ở đệ không nhiệt-thành, nhưng vì công-việc bó buộc quá.

Cổ-động việc Hội. Nhờ ơn trên sang năm nay và nhất là từ giờ giở đi thì các công việc riêng của đệ, đệ đã tạm xếp-đặt xong và đã có nền nếp cả. Vả lại đệ xem trong Hữu-Thanh thấy các chi hội các nơi thịnh-đạt, nên đệ xin tỏ cùng quí-hữu rằng: tự nay đệ xin dùng hết thì giờ thừa của đệ vào việc cổ-động để mau mau thành chi Hội nhớn.

Vả lại ở Vinh này các sở công thương nhiều lắm và các bạn công thương cũng khá đông nên đệ có thể chắc rằng các bạn công thương ai ai cũng như nhau nghĩa là trọng tình hữu-ái cả, thì chắc không bao lâu chi Hội Nghệ-an này thành-lập được.

Vừa rồi đệ có nói chuyện tỏ ý mấy nhiều bạn thì thấy nhiều người muốn vào Hội lắm.

Statuts. Xin quí hữu sẵn lòng tốt mà gửi vào cho đệ ít nhiều quyển Statuts nữa.

Danh hiệu các Hội-viên Vinh Bến-thủy. — Đệ lại muốn xin quí hữu làm ơn cho đệ biết các danh-hiệu các hội-viên ở Vinh và Bến-thủy để đệ tiện việc cổ động, vì Bến-thủy cách Vinh 5 km nên đệ cũng không biết ở Bến-thủy đã có những ai nào vào rồi, vậy xin quí-hữu giúp cho được thì hay lắm.

Nay kính thơ và xin chúc quí-hữu và quí-quyến khang-ninh thịnh-đạt.

ĐÀO-ĐÌNH-PHÈ-PHONG

Tờ trình của viên Thư-ký chi Hội Thanh-hóa. — Nay chi Hội Thanh-hóa mới thành lập độ ba tháng nay mà các quý-hữu đã có lòng yêu bầu tôi làm thư-ký để dẫm-đương công-việc Hội, tôi lấy làm hân-hạnh lắm và cảm ơn các quý-hữu.

Nay tôi xin tóm tắt mấy hàng trình bầy về công-việc chi Hội ta từ khi mới thành-lập đến nay để các quý-hữu biết như sau này:

Chi Hội ta thành-lập bắt đầu từ ngày mồng một tháng giêng tây năm một nghìn chín trăm hai mươi hai, họp Đại-Hội-đồng ở nhà ông Trần-Quang-Huy số nhà 89 phố Bài-thượng, hôm đó được tất cả 19 ông đến dự Hội-đồng có bỏ phiếu lập tòa Trị-sự tạm-thời. Khi Tòa Trị-sự tạm thời đã thành-lập được 10 ông sung chức để làm việc Hội, thì ông Trần-Thiện-Kế làm Hội-trưởng, ông Mậu Phó-hội-trưởng, ông Bính Thư-ký, ông Bảo

Phó-thư-ký, ông Minh Thủ-quĩ, ông Huy Phó-thủ-quĩ, ông Thanh Kiểm-Soát, ông Thắng Phó-kiểm-soát, ông Hoạt vấn-tán ủy-viên và ông Tiến phó-vấn-tấn ủy-viên. Cứ xem tình hình Hội ta ngày hôm ấy thì thế nào Hội ta càng ngày càng được thịnh đạt, vẻ vang thay! Hiện ngày hôm ấy thì được tất cả là 43 ông Hội-viên.

Đến ngày 14 tháng giêng tòa Trị-sự tạm-thời lại đạt giấy mời họp Đại-Hội-đồng ngày 16 để bàn bầu Tòa Trị-sự nhất định xem xét sổ danh-sách Hội-viên và chụp một cái ảnh để gửi ra Hội-Chính Hanoi. làm qui-tắc, đáng nhẽ kỳ họp Đại-Hội Đồng ngày 16 tháng giêng họp ở nhà Hội Tri-Tri, nhưng sau lại không họp, vì hội-quán Tri-Tri dã cho Nhà-nước mượn để dậy học, cho nên tòa trị-sự tạm-thời có hỏi ý-kiến các viên sung chức, khi có ông Trần-Quang-Huy xin cho Hội mượn nhà ông để họp Đại-Hội-Đồng thì cả tòa Trị-sự đều ưng-thuận.

Đúng hai giờ chiều hôm 16, các Hội-Viên đều tới ước độ 25 ông, còn mấy ông có giấy kiểu hoặc ở xa chưa về kịp để dự Hội-Đồng nên không được đủ cả 43 ông, tuy vậy hôm ấy cũng được sầm uất vui vẻ thật là cái triệu cho Chi Hội ta chóng thành-lập như ngày nay.

Trước khi khai Hội-Đồng hôm 16 ông Hội-trưởng tạm-thời có đọc một bài để cảm ơn hàng Hội đã có lòng yêu mà bầu ông làm Hội-trưởng. rồi bắt đầu bầu Tòa Trị-sự nhất định, bầu xong thì các ông sung chức vẫn như kỳ tạm-thời, duy chỉ có ông Huy trước làm phó-Thủ-Quỹ thì nay làm Cố-Vấn-Nhiệm, ông Thạc làm Phó Thủ-Quỹ thay ông Huy, ông Thịnh phó-Kiểm-Soát, ông San, ông Hoạt, ông Tiến làm Vấn-tấn Ủy-viên. Song thì chụp ảnh ngay trước cửa Hội, đúng năm giờ rưỡi thì Hội đồng giải tán; sau cả tòa Trị-sự có đến thăm ông Đặng-Đình-Quang là Hội-viên mệt ở tại nhà ông.

Ngày 22 tháng giêng tây 1922 ông Hội-trưởng lại đạt giấy mời họp Tiểu-Hội-đồng ở nhà ông để xem sét các giấy mà về kỳ Hội-đồng ngày 16 vừa rồi để gửi ra Hội-Chính Hanoi. Hôm ấy tất cả Hội-viên sung chức tòa Trị-sự đều đủ mặt tại Hội-đồng, chụp ảnh xong, ông Kế có cổ động về việc quốc-trái sáu triệu đồng, cả tòa Trị-sự đều hoan nghênh việc công ích ấy và mua ước độ 500 p.

Đến hôm mồng 7 tháng hai tây lại họp Hội-đồng ở nhà ông Hội-trưởng để bàn nhất định thuê một cái nhà để làm Hội-quán, cả tòa Trị-sự đều ưng thuận.

Ngày 12 tháng hai tây họp Tiểu-Hội-đồng để bàn việc hội, khi khai Hội-đồng thì ông Hội-trưởng có đọc cái thư trả lời của quan Khâm-sứ cho phép chi Hội ta lập thành Hội trong Thanh-hóa, trình Hội-đồng cái thư của ông Nuyễn-Văn-Quí là Hội-viên chi hội Nam-định xin sát nhập vào chi hội Thanh-hóa vì ông Quí vào làm việc trong Thanh, cả tòa Trị-sự đều hoan-nghênh cái thư của ông Quí, sau ông Thanh là Kiểm-soát Ủy-viên có trình Hội-đồng cái thư của ông tỏ ý cảm ơn tất cả Hội-viên đã bầu ông làm việc trong hội kỳ Đại-Hội-đồng ngày 16 tháng giêng tây.

Từ khi có nhà Hội-quán đến nay, cả ban Trị-sự đều nhiệt-thành làm việc Hội, nên hôm 17 tháng ba tây vừa rồi có đạt giấy mời Đại-hội-đồng thường niên tại nhà Hội-quán ngày 19 Mars 1922; lại có viết thư mời Hội-chính ủy Hội-viên vào dự Hội-đồng hôm ấy.

Lấy hai chữ hữu-ái, lấy tình liên-lạc nên ông Nguyễn-Huy-Hợi là ông Hội-trưởng cùng ông Nguyễn-Mạnh-Bồng là Tổng-thư-ký Hội-chánh Hanoi chẳng quản đường sá sa sôi mà vào dự Hội-đồng hôm ấy, thật là vẻ-vang thay cho chi Hội Thanh-hóa. Hôm ấy ông Hợi lại có đọc một bài diễn văn thật giải ca-tụng ông Huy và ông Kế đã có công tổ-chức nên chi hội Thanh-hóa ta. Cả tòa Trị-sự hôm đó hoan-nghênh ông Hợi và ông Bồng một cách thật là trân-trọng.

Hôm 26 tháng ba tây chi hội Nam-định có thiết tiệc champagne để mừng ông Nguyễn-Huy-Hợi và ông Nguyễn-Mạnh-Bồng Hội-chánh mới được thưởng Hàn-Lâm và Tương-Tế-Bội-Tinh, chi hội Nam-định lại lấy tình liên-lạc nghĩa hữu-ái có viết thư vào mời tòa Trị-sự chi hội Thanh-hóa ra dự tiệc ; tòa Trị-sự có cử ông Kế, ông Mậu và ông Bính ra dự tiệc, thì hôm ấy ông Kế có thăy mặt tòa Trị-sự và cả chi Hội Thanh-hóa đọc mấy lời cảm ơn quan Đốc-Lý và quan Tổng-đốc là Danh-dự Hội-viên cùng tất cả anh em chi hội Nam-định, và chúc mừng ông Hợi và ông Bồng mới được thưởng một cách đặc-biệt như vậy. Chi hội Nam-định hôm đó tiếp-đãi các phái-viên rất là ân-cần.

Hôm 22 tháng ba tây ông Bùi-Tường-Lân Hồng-Lô-Tự-Thiếu-Khanh mới xin vào hội, nên hôm 30 vừa rồi tòa Trị-sự có họp tiểu-Hội-đồng để bầu ông Lân làm Cố-Vấn-nhiệm cho chi hội ta, cả tòa Trị-sự đều hoan-nghênh mà cử ông Lân sung chức Cố Vấn-Nhiệm ấy, chi hội ta mà được ông thật là vẻ vang vì ông là người nhiệt-thành hay làm những việc công-ích, đứng-đắn, ai ai cũng như ông thì chẳng mấy lúc chi hội Thanh-hóa cũng được đông như chi Hội-chánh Hanoi vậy.

Sau cùng ông Thư-ký có đọc cái thư của Hội-chánh mời chi hội Thanh-hóa ra dự Hội-đồng ngày 2 Avril 1922 và dự tiệc champagne nhân thể, nên tòa Trị-sự đã ưng thuận cử ông Trần-Quang-Huy và ông Nguyễn-Văn-Vân ra dự đại-Hội-đồng Hanoi ngày hôm ấy, và ông Huy thì thay mặt tòa Trị-sự ra dự tiệc champagne mong rằng ông Huy hết lòng với Hội mà cảm ơn Hội-chánh thế nào cho xứng đáng cái lòng hữu-ái Hội-chánh đối với chi Hội Thanh-hóa ta. Ông Huy và ông Vân đều ưng thuận cả.

Còn như việc qũi, việc kiểm-soát, việc tang ma hiếu hỷ đã có giấy riêng của các ông chức-sự trình Hội biết.

Nay chỉ nói tóm lại thì chi Hội Thanh-hóa tuy mới thành-lập xong đều là người nhiệt-thành cả, nên Hội càng ngày càng được đông Hội-viên và càng thêm vui vẻ.

Hiện nay đã được 53 ông Hội-viên tất cả, vậy xin trình Hội-đồng đồng lãm.

Nay kính trình.

Tờ trình của ông Nguyễn-công-Trực chi Hội Hongay. – Tôi chú ý thế nào ngày hôm nay tôi cũng được yết-kiến các ngài và dự hội-đồng nhân thể, nhưng phàn-nàn quá nỗi rằng không được như ước vì giờ có việc, vậy tôi tất tả tạm vài lời lên để ngài tường-tận.

Sau tôi thưa tình-hình rất nhỏ nhen của chi Hội Hongay như sau này.

Nguyên từ ngày ông Vũ-Văn-Minh từ chức, ông Nguyễn-Mạnh-Bồng thay ngài xuống và các hội-viên ngoài này đều có lòng quá yêu mà phó thác cái trách-nhiệm bấp-bông của hội cho tôi tạm gánh vác, tôi đâu dám phô-trương cái can-đảm ra mà đối với công việc hội mà thay cho anh em, vì tự mình tài sơ trí mỏng nhưng mừng thầm được các ngài hết lòng bao bọc và anh em chi Hội ngoài này giúp đỡ nên liều đem cái lòng nhiệt-thành non yếu mà giúp hội, nên hằng ngày mong mỏi cho chi hội Hongay sau này, sẽ được phô-trương ra như các nơi. Khi ấy thế nào cũng phải cắt cử một ông nào được rộng trí tài thừa ra giúp hội thời tôi đây tất cũng không là người vô-ích, chứ hiện bây giờ Hội còn âm thầm trắc công việc của Hội chưa có mấy, được các ông trong tòa Trị-sự ông nào cũng sẵn lòng nhiệt-thành với Hội.

Như ông Lê-Đức-Thúy phó Hội trưởng, tuy ông thường phải đi vắng luôn luôn, như một năm họa may mới có hai ba tháng ở nhà. Nhưng lòng nhiệt-thành của ông đối với Hội rất là đích đáng.

Lại như hai ông Chánh Khó Thủy-Qũy, ông Phan-Quốc-Am và ông Trần Văn-Phụng từ ngày nhận trách-nhiệm can-hệ ấy, cho Hội hiện tới nay thời tiền hàng tháng hai ông chăm chỉ thu nhặt, qũy của Hội vẫn như sổ sách, ấy là chính hợp cách của hai ông làm việc.

Lại như hai ông chánh phó Thư-ký là ông Đỗ Ngọc-Quang và ông Trần-Xuân-Mai, giấy má của hội hai ông cũng được chu tất.

Còn ba ông Vấn-tấn-Ủy-Viên là ông Vương-Bích-Lục, ông Nguyễn-Hgọc-Chấn và ông Đỗ-Văn-Sinh các ông làm công việc hết bổn-phận thay cho anh em, không sai sót qua một điều gì.

Thưa ngài, các việc như cụ thân-sinh ông Đỗ-Ngọc-Quang tạ-thế Hội theo y như Điều-lệ đến phúng cụ và chia buồn với ông Đỗ-ngọc-Quang cùng qui-quyến ông đều được chu tất.

Ông Phan-Hữu-Lợi là hội-viên trong một tháng bị bịnh ngày nào cũng có các ông Vấn-tấn-ủy-viên lại thăm hỏi, đến khi ông lành bịnh, thời lương sở khôug có. Hội có chích theo lệ Hội giúp ông 30 ngày bịnh đó là món tiền 15 $.

Lại vừa rồi bà cụ thân-sinh ông Nguyễn-Văn-Sâm mất tại Kiến-an hội chúng tôi đến tận nhà ở Hongay thăm ông và đưa lễ phúng cụ, tới hôm cất đám cụ là ngày 25 Mars ở Kiến-An, Hội có mời tâm ông hội-viên về tận Kiến-An đưa cụ nhưng đều không xin được phép, chỉ có một mình ông Đỗ-Văn-Sinh là Vấn-tấn-ủy-viên thay cho các anh em về đưa cụ.

Các công việc chi hội Hongay, vắn tắt có vài hàng xin ngài xét cho.

Sau tôi lại xin thưa những việc của Hội theo như trong theo như trong Điều-lệ tôi tự xét không dám sai sót điều nào mà vẫn gọi là một chi Hội âm-thầm, nguyên các Hội-viên có nhiều ông, tiền hàng tháng không chịu đóng, ra ý thấy chi Hội Hongay chưa được phép đem lòng nghi ngại, tôi dã có ý nói,ngài cùng với chúng tôi dưới này xin phép để cho được trông thấy cả cái vẻ vang của Hội, nhưng tưởng cũng lấy làm khó khăn lắm vì sự xin phép được ra thời vạn sự đều hay, hoặc có sầy ra sự gì nan trắc, cái oán-hận ấy có lẽ giấy bút nào xét cho đủ.

Nên chi ngu tôi tưởng bây giờ duy chỉ nhờ ngài viết cho các quan chủ chúng tôi một bức thư kể các tình-hình của Hội như thể nào, nên đã được các quan và các chủ những sở than làm danh-dự cho Hội ; mà sở than Hongay là một sở to nhất Bắc-kỳ và những chủ đấy đều là ông đã có danh-vọng nhớn nhao, nên hội ao-ước mời vào danh-dự cho Hội.

Nếu như vậy chắc là các quan chủ chúng tôi sẽ vui lòng nhận nhờingay.

Độ một hai tháng ngài lại nói hộ rằng, từ ngày chủ chúng tôi vào danh-dự cho Hội, thời các người làm ăn ở đấy, nhiều người cũng muốn vào hội, hiện nay số hội-viên cũng đông đủ, xin cho chúng tôi lập một tòa Trị-sự ở Hongay để làm công việc Hội và cho các hội-viên được hưởng cái quyền lợi của Hội. Ấy là ý-kiến mỏng manh của tôi hàng ngày tơ-tưởng, nên ngỏ cùng ngài.

Nếu chi Hội Hongay mà không nói cho chủ biết, thời có lẽ Hội cũng phải tan mất, khá tiếc cho một chi Hội vẫn sẵn lòng nhiệt-thành từ lúc mới mẻ, mà cái vẻ-vang càng ngày càng mất.

Vậy nay có các ngài Hội-đồng đông đủ, các ngài phí chút thì giờ cỏn con mà tô-điểm giúp cho chi Hội Hongay. Hội Hongay được trông thấy cái hi-vọng nhỏ nhất cũng là hay lắm.

Thưa ngài, tôi tưởng như chi Hội Hongay, nếu mà được bầy đặt hẳn ra ngoài thời có lẽ nhiều sự hay nữa vì các anh em cũng có nhiều ông sẵn lòng giữ Hội, như ông TRẦN-THIỆ-DIỄN, là người niên cao và làm với sở đã ngót ba mươi năm, các chủ đều có lòng mến nể, vậy tôi lại càng mong cho chi Hội Hongay chóng đến ngày kết quả sẽ dàng ông chức Hội-Trưởng thời Hội chẳng mấy lúc mà thành một chi Hội bền chặt, vậy xin ngài lưu-tâm mà dùm ngay cho, dù được hay không sau tôi sẽ xin liệu định.

Vắn tắt vài hàng xin ngài lượng thêm cho.

Kính dâng Hội Bắc-kỳ-Công-Thương Đồng Nghiệp được trường-cửu, và các ngài được vạn sự an khang.

Chi hội Tourane

Thưa ông Hội-Trưởng,

Từ ngày chúng tôi được chung hưởng điều vui sự ích cùng Qui-hữu trong Hội " Đông-Pháp-Công-thương Đồng-Nghiệp-Hữu-Ai " đến bây giờ, thì chúng tôi lấy làm vui dạ và trông mong làm sao Chi-hội đặng toàn-thành mà rãi khắp cả Trung-Kỳ để cho thỏa lòng yêu dạ kính của chúng tôi. Được như nguyện ấy thì mới khỏi phụ người đã gây nên cơ-hội.

Vả lại chẳng phải chúng-tôi ở Tourane có lòng kính mến, ái-mộ mà thôi ; mà lại làm cho động lòng những người cố-tri của chúng tôi ở nơi khác nữa ; chúng tôi tưởng rằng nội trong vùng Tourane thì người đều kính phục, có hay dâu nơi khác cũng đẹp lòng.

Như là ở Faifo và Quinhon, hai nơi ấy ; chúng tôi được rõ có nhiều người đem lòng ái-mộ mà muốn vào chi-hội với chúng tôi. Song nghiệt vì, hai nơi ấy chưa được hiểu rõ câu chuyện của Hội thi, hành ra thể nào, cho nên còn dương dự dự. Vả lại đường sá xa xôi, non sông cách trở, cho nên chúng tôi không có thể đối diện đặng, mà nói cho rỏ đầu đuôi câu chuyện của hội chúng ta, và hai nơi ấy có hỏi Chương-trình mà chúng tôi không có, vậy nên chúng tôi xin Hội, chịu phiền chớ nệ, công lao, mà gửi chương-trình và giấy má cho hai chỗ ấy.

Ở Faifo thì đề tên ông : Nguyễn-Khắc-Đoản (Maison J. Fiard) Ở Qui-hơ thì đề tên Ông : Tôn-Thất-Toản (Maison J. Fiard).

Vả lại chúng tôi đã thử xem tâm-tình hai ông ấy cũng là điều đồng-liêu-cố-hữu của chúng tôi, chắc hai ông ấy vận-động e có lẽ mau thành hơn là chúng tôi nữa.

Vả chăng mấy lâu nay hai ông ấy, vẫn đã nghe tiếng Phụng rũ rành, mà rũi lại không người dắt nẻo, nay đã rõ đầu đuôi cớ-sự nên đem lòng khen ngợi Hội AMECI, và tình-nguyện theo giúp việc Hội.

Cứ theo lòng người sở mộ, thì hai nơi ấy có lẽ rõ dành có lẻ lập nên chi-hội đặng.

Xin phiền Hội-Chánh có gửi chương-trình cho hai ông ấy luôn dịp đưa về Tourane Chi-hội chúng tôi một ít chương-trình, vì người người muốn chóng biết câu chuyện Hội thi-thành cho nên đua tranh nhau mà trông xem cho biết, mà lại rũi không có cho nhiều.

Nay tôi có lời kính chúc Ông Hội-Trưởng và quí ông Hội-Viên đặng vạn an.

Tờ trình của ông Ưng-Hạ chi Hội trưởng Tourane. — Tôi xin gởi tờ rapport về việc chi Hội trong Tourane họp tại nhà ông Ưng-Hạ ngày 21 mars 1922 hồi 5 giờ rưỡi.

Có mặt những ông này :

MM. Tôn-Thất-Quán, Ưng-Hạ, Đinh Xuân-Hàm, Lưu-Quan-Hòa, Ngô-Qui-Dị, Thái-Văn-Bồn Nguyễn-Hữu Tín, Nguyễn-Bá-Vinh, Nguyễn-Lý.

Vắng mặt những ông này (có giấy kiếu):

MM. Ưng-Cần,, Ưng-Thiệp, Hoàng Ngọc, Hồ-Phụng, Mai-Văn-Phong Lưu Quan-Vinh, Lê-Văn-Khả.

Khi đủ mặt anh em thời ông Ưng-Hạ, Hội-Trưởng chi Hội Tourane bắt đầu có đứng lên nói mấy lời như vậy :

Hòa Trị-sự Hội chánh với anh em trong hàng Hội đều có lòng mong mỏi Hội ta cho mau thành, lập được chi Hội Tourone Vậy xin anh em đặ ký giấy xin vào Hội thì đem một lòng sốt sắng lo lắng công việc cho mau chóng thành.

Khi ông Ưng-Hạ nói vừa dứt lời các Hội-viên đều vui mừng lắm, ai nấy cũng một lòng mong mỏi lập cho được chi Hội Tourane và cầu cho Hội càng ngày càng hưng-thịnh.

Ông Ưng-Hu liền xin các Hội viên góp tiền nhập Hội, tiền ấy để gởi về Hội Chánh, rồi ông sẽ thân-hành xin nhà-nước lập chi-hội, các Hội-viên đều ưng thuận.

Ông Lưu-Quan-Hòa có đem cả thơ của Hội Chánh gởi về cho các hội-viên coi

Hội-đồng liền đặt M. Ngô-Qúi-Dị lên tạm thời Thủ-Quỹ để thâu tiền nhập Hội, Ông này cũng có lòng sốt sắng với chức Thủ-Quỹ (Trésorier) Qua ngày mai ông Ngô-Quí-Dị có trình thâu được 24 p. (xin coi sổ chi thâu gởi theo đây).

Rồi ông Ưng-Hạ xin các Hội-Viên ông nào ưng làm sao xin tỏ lòng thiệt của mình ra, để ông có trình cùng Hội-chánh.

Ông Hồ-Phụng (Maison J. FIARD) vì bận việc nhà xin tạm ra Hội (có đơn xin).

Các Hội-Viên làm việc tại Maison Fiard có trình rằng : xét số Hội-Viên ở Tourane thi Maison Fiard nhiều nhất, không lẽ người nào cũng mua báo *Hữu-Thanh* cả. Từ rầy về sau xin ông Hội-Trưởng gởi 4 numéros thì đủ.

1° Numéro Bureau Comtable đề tên Mr Ưng-Hạ

2° Numéro Bureau Direction đề tên Mr Ngô-Qúi-Dị.

3° Numéro Bureau service Actif tên Mr Nguyễn-Lý.

4 Numéro Bureau Exportatihn Mr Ưng-Cần đã gởi bạc rồi. Còn trừ ra ai có đơn xin mua báo thì Hội Chánh sẽ gởi về. Mấy tập báo n° 10 ă n° 16 mà hội đã gởi lỡ về đó, xin hỏi Hội Chánh có một đôi ông muốn trả lại có được không?

Ông Tôn-Thất-Quán liền xin các Hội-viên gắng giúp ông Ưng-Hạ mà lập cho thành chi Hội đặng chúng ta hợp một đoàn thể to nhất từ Nam chí Bắc để tỏ tình hữu-ái cùng nhau.

Sau lại ông Ưng-Hạ có trình rằng : Bây giờ ông nhận chức chủ Hội vì có thư của ông Hội-Trưởng, không lẽ ông từ chối, sau ra chi hội lập thành và có

tòa Trị-sự thì các Hội-Viên sẽ bầu theo cách bỏ vé kín ; một ông Chủ hội, một viên Thư-Ký, một viên Thủ-Quỹ để cho được công-bình rồi sẽ xin tòa Trị-sự Hội Chánh duyệt-y.

Lần này chúng tôi họp lại đây là lần thứ nhất nên chửa dám mời ông Hội Trưởng vào dự Hội, khi nào chi Hội lập thành và có Đại-Hội-đồng thường niên rồi sẽ mời ngài vào trước là cho hiệp mặt, sau để anh em thỏa lòng trông đợi.

Ông Ưng Hạ ủy-viên ở Tourane về các Hội viên đồng có lời kính-chúc Ông Hội-Trưởng và các Hội Viên khác đều trường-thọ, và trông sao cho Hội Bắc Kỳ Công-thương Đồng-nghiệp ta một ngày thêm phát đạt và không bao lâu sẽ thành một Hội to nhất ở Đông Pháp này.

Quá 7 giờ rưỡi Hội-Đồng giải tán.

Các Hội-Viên ở Tourane có nhận được giấy Hội Chánh mời về dự Đại Hội-đồng ngày 2 Avril, nhưng đường sá xa xuôi và gấp lắm, nên các Hội-Viên xin kiếu và xin cậy ông Hội-Trưởng Mr Nguyễn-Huy-Hợi giúp mà bàn bạc việc Hội cho được thanh-thỏa.

Chi-Hội Tourane đối với ông Hợi và ông Bồng. — Ông Ưng-Hạ là Ủy-viên Hội-trưởng của Chi-Hội ở Tourane, mới rồi có gửi bức thư và bài hát như sau này, để mừng ông Hợi là Hội-trưởng và ông Bồng là Tổng-thư-Ký Hội đã được quan Thống-chế Joffre đặc-ân ban-thưởng cho kỳ đầu năm, rất là đích-đáng.

Chúng tôi đọc báo Hữu-Thanh được tin quan Thống chế Joffre mới ban Hàn-lâm bội-tinh cho ông Hội-trưởng Nguyễn-Huy-Hợi và Tương-tế bội-tinh cho ông Tổng thư-ký Nguyễn-Mạnh-Bồng.

Xa ngoài muôn dặm được tin long trọng ấy, lòng anh em chúng tôi dũng-dược vô cùng. Xứng đáng thay ! Vinh hiển thay ! Hai ông xưa nay đã tồn bao nhiêu tinh-lực cổ động lập ra Hội ta trước đã vì nghị-lực của hai ông mà ta được thêm bền chặt nay lại vì cái khuyến-tưởng của hai ông do đó mà hội ta được thêm vẻ vang, thực là một cái kỳ-ngộ riêng cho hai ông mà lại là một sự vinh-hiển chung cho Hội ta vậy.

Anh em chúng tôi ở xa xuôi tiếc không được thân-hành dự cuộc vui mừng hãn-hữu này, gọi có bài ca gửi ; theo đây để chúc mừng hai ông, xin hai ông vui lòng mà thu nạp cho.

Bài hát

Trời Nam mới mở nền tiến-hóa, chim chung cây rủ bạn đồng-thanh ; Kìa những người tân-học hữu-danh, niềm thân-ái tương quan gây một hội.

Thất hiền để trúc-lâm tiếng gọi, Song Nguyễn rầy lan-thất nực mùi hương. Hàn-lâm vừa rực rỡ bội-tinh quan. Tưởng-tế lại tiên mình bài diệu thể ;

Phẩm-giá có, mai huynh cúc đệ, tư-cách thêm địa-chất, thiên-tài. Trường công-danh mà vẻ càn-đại, ra từ Đại-Pháp-quốc Đại-tướng-Quân ban tứ.

Thuỷ tín đại-quyền năng phú-dữ, tịnh tri hữu-mỹ bất khoa nhân. Khác gì hoa nở trước vườn xuân, mà hẳn có ơn Giời mưa thấm mát.

Khác gì ngựa kỳ-bắc gặp ông Bá-Nhạc, mới so cương liên-lạc giữa đường trường. Hai ông đều giúp vận Công-thương, có đồng chí mới có đồng vinh-tấn.

Chữ minh-điều, hữu-Thanh vó viễn cận, tay gây nên cái nghiệp lâu dài. Chi cánh thành hầu để nhượng cho ai, bước tới trước dựng văn-minh cờ đỏ.

Đoàn Xã-hội đua nhau tiến-bộ, khi nên giời hẳng giúp người nên. Tôi vẫn là chí-quáng nhỏ ranh, theo đuôi ngựa, tài sơ, trí thiểu.

May mà đặng tự tha hữu-diệu, cùng dắt tay lên cạnh xuân-đài Nhờ ơn trên, nên nghiệp cả là ai. ? .

Bộ coi về việc điều-tra và việc công-tác các đường xe lửa phía Bắc Trung-kỳ

Đường xe lửa từ Vinh đi Đông hà

Khu thứ nhất từ Vinh đi Tân-Ấp.

Công việc xây xong các cầu sắt lớn.

Tới-thị gọi đấu giá

Đến ngày 19 Juin 1922 hồi 9 giờ, tại phòng giấy quan Chánh-kỹ-sư bội coi về việc điều tra và việc công tác các đường xe lửa phía Bắc Trung-kỳ ở Vinh sẽ đấu giá các công việc xây xong các cầu sắt thuộc về khu thứ nhất từ Vinh đến Tân-Ấp.

Giá tiền các công việc

Công việc làm	29.213 $ 00
Tiền sau sẽ tính	4.787 . 00
Total	34.000 $ 00
Kỳ quĩ tạm	500 $ 00
Kỳ quĩ nhất định	4.400 fr. 00

Muốn xem các giấy má về việc đấu-giá này thì cứ trong những ngày giờ làm việc đến xem ở các phòng giấy sau này :

1° Quan Chánh-kỹ-sư ở bộ coi về việc điều-tra và việc công-tác các đường xe lửa phía Bắc Trung-kỳ.

2° Quan Chánh Thanh-tra sở Công-chính Hanoi.

3° Quan Chánh-kỹ-sư sở hàng-hải Hải-phòng.

4° Quan Chánh-kỹ-sư sở Lục-lộ Trung-kỳ ở Huế.

Các nhà muốn thầu phải đệ-trình quan Chánh-kỹ-sư ở bộ coi việc công-tác các đường xe lửa phía Bắc Trung-kỳ những giấy má theo như thể-lệ và kỳ-hạn đã định ở tờ yết-thị.

E.-A. Monnier Humbert

82, Rue Jules Ferry, 82

Ai có đồng-hồ muốn chữa? Sao không đến hiệu E.-A. Monnier Humbert ở phố Hàng Trống số 82 mà chữa.

Ông Humbert là một tay thạo đã quen nghề chữa đồng-hồ từ 30 năm trời nay.

Đưa đến đấy chữa có bao-hành mà giá phải chăng.

Trong hiệu ông còn có bán nhiều thứ đồng hồ lạ kiểu, chuông để bàn giấy vân, nữa

Ta thử lại xem đi....!



盒 HIỆP-ÍCH 協

(Công-ty trách-nhiệm tập-cổ vốn định 20.000$00, mỗi cổ-phần 25$00)

Làm các thứ đồ sơn Nhật-bản và sơn ta, các thứ ghế mây, đồ mây, tượng nặn và tranh vẽ.

Ngài nào vào cổ-phần xin gửi thư cho:

Chủ-nhiệm: NGUYỄN-TIẾN-ÁN, *Số 14, Phố Hàng Bông, Hanoi*

THUẬN-ĐỨC

TRẦN-ĐÌNH-ÁI Propriétaire

10, Rue Jules Ferry, Hanoi

Bán các đồ thêu cùng làm các đồ thêu bán. Các ngài ai muốn dùng đồ thêu, xin viết thư cho Bản-hiệu, phố Hàng Trống, số 10, Hanoi

ÍCH-HỮU THƯ-XÃ

Chương-trình của Hội đổi việc Hội

Điều-lệ hội « Ích-hữu-thư-xã » đăng từ kỳ 13 đến 18 là vừa hết, nay cái chương-trình của bản-hội định làm như sau này:

1° Mở ra một tòa tu-thư, sẽ đón những bực cao-khoa bác-học về biên-dịch các sách, nhất là sách Hán-tự để in bán, cốt lấy duy-trì quốc-túy, bảo-tồn phong-hóa, truyền-bá phổ-thông tri-thức cho quốc-dân làm trọng.

2° Mở ra một cửa hàng sách, bán sách Tây sách Tàu, sách quốc-ngữ, phàm những sách gì hay và có ích-lợi cho việc giáo-dục thời đều buôn cả. Trong hàng sách có bán cả bút giấy mực và các đồ dùng vào bàn giấy.

3° Mở ra một cái nhà in để xuất-bản báo « Hữu-Thanh » này, và in thuê, cùng thầu các việc in. Nhà in in lấy các sách của tòa tu-thư soạn, bán cho được rẻ, lại nhận in những sách của các nhà văn-sĩ soạn rồi bán được sẽ trừ tiền phí-tổn lại, còn lãi để các người soạn sách hưởng.

4° Xuất-bản báo « Hữu-Thanh » này là cái cơ-quan của hội Công-thương Đồng-nghiệp cùng là tập tùng-thư của hội « Ích-hữu thư-xã » để cổ-động cái tinh-thần hữu-ái trong quốc-dân, theo như chủ-nghĩa và mục-đích đã in trong bìa báo.

Mỗi cổ-phần 25p.00, ai vào bao nhiêu thời kỳ giấy. Ai ít tiền, hội cũng cho đóng góp mỗi tháng từ 2p.00 giở lên, đóng kỳ hết số cổ-phần thời được ăn lãi. Các cổ-đông trong « Ích-hữu thư-xã » có những quyền-lợi như sau này:

1° Cuối năm, hội họp đại-hội-đồng một lần, theo trong Điều-lệ tính toán sổ sách, được bao nhiêu lãi, hội sẽ chia số lãi ấy ra 100 thành, 80 thành chia cho các cổ-đông, thời cổ đông ai ai cũng được hưởng phần lãi ấy. Hết hạn hội 15 năm sẽ rút cả vốn ra.

2° Mua báo « Hữu-Thanh » hội trừ cho 10 o/o tiền hoa-hồng, vậy đồng-niên « Hữu-Thanh » là 5p. 00, người ngoài hội « Ích-hữu thư-xã » mua phải giả cả tiền người trong hội « Ích-hữu thư-xã » chỉ phải giả có 4p. 50.

3° Hội có nhà in, cổ đông trong hội gửi về thuê in danh-thiếp, sổ-sách giấy má, cái gì hội cũng trừ cho 10 o/o tiền hoa hồng. Nghĩa là rẻ hơn các nhà in khác và rẻ hơn người ngoài hội là 10 o/o.

4° Ai lấy việc ở ngoài đem về cho hội in, hay nhận việc của người khác về in tại nhà in hội, hội cũng để cho một cái hoa-hồng là 10 o/o để làm tiền đền công cổ-động lấy việc về cho hội,

5° Ai vào cổ-phần « Ích-hữu thư-xã », trong hội lấy hai chữ « Ích-hữu » làm tiêu-biểu, vậy nếu ai không có việc làm hay hoặc có con cái người nhà muốn làm việc, hội sẽ xét tài mà dùng và xét việc hội. hễ hội, có thiếu người làm thời hội chỉ dùng những người có chân hội hay người nhà các cổ-đông.

6° Có sự oan-ức về danh-dự hay về quyền-lợi, bị người vu xấu, bị người phản hại, muốn bộc-bạch với thiên-hạ, hội sẽ vì thanh-minh lên báo « Hữu-Thanh » cho được trong sách.

7° Có bài văn gì hay, cùng tư-tưởng gì mới, muốn truyền-bá đăng vào « Hữu-Thanh » hội sẽ hoan nghinh.

8° Ai vào cổ-phần thời hội sẽ lục tên vào sổ cổ-đông, đăng vào báo « Hữu-Thanh » để biểu tấm lòng tốt của mình đối với việc văn-học trong nước.

9° Có làm ra sách vở gì, hoặc dịch sách Tây sách Tàu, có sách mà không có tiền xuất-bản ra thời Hội xuất tiền mà xuất-bản cho. Khi bán rồi, hội trừ tiền phí-tổn in bán đi, còn bao nhiêu lãi hội sẽ để cho hưởng cả.

10° Có làm việc công-thương kỹ-nghệ hay làm việc công-ích gì cần phải cổ-động cho phổ-cập, thời hội sẽ đăng những bài cổ động vào báo « Hữu-Thanh » cho chóng được thành-hiệu.

11° Đăng cáo-bạch rao hàng vào báo « Hữu-Thanh » hội sẽ tính giá thực rẻ tiền.

Ngài nào có lòng giúp việc văn-học mà vào cổ-phần với chúng tôi thời xin viết cái giấy theo kiểu-mẫu sau này gửi về cho bản-xã, kiểu-mẫu giấy ấy như dưới này :

GIẤY NHẬN CỔ-PHẦN VÀO
« ÍCH-HỮU-THƯ-XÃ »

Hội-sở tại số 18 Rue des Chapeaux Hanoi, vốn Hội 50.000$00

Hội lập làm trách-nhiệm tập-cổ công-ty

(Société en commandite par actions pour d'Exploitation de la Revue « Hữu-Thanh » et de création d'une Imprimerie et d'une Librairie — Papeterie)

Tên tôi là _____ chức (hay nghề nghiệp) _____

ở tại _____ tỉnh _____ xin nhận _____

cổ-phần vào « Ích-hữu-thư-xã » là một Hội trách-nhiệm tập-cổ công-ty để mở tòa tu-thư, lập nhà in, xuất-bản báo « *Hữu-Thanh* », in sách thuê, thầu các việc in mỗi cổ-phần 25$00, đã xem điều-lệ sau khi đã ký, thời xin đóng tiền theo điều-lệ Hội đã nói.

_____ ngày _____ tháng _____ năm _____

Ký tên :

(1) Nhận bao nhiêu cổ-phần thời viết bằng toàn chữ vào đó, rồi trú-thước chữ số một bên cho được cẩn thận

BẢN CHÍ CHỦ BÚT

Khi Bản chí mới ra đời thì ông Nguyễn-Khắc Hiếu làm chủ-bút, sau ông nhân vì việc hiếu-dưỡng mà xin từ chức ; ông Nguyễn-Mạnh-Bổng lên thay, chẳng qua cũng là quyền tạm đó thôi ; Bản chí hằng mong được một bực lão-thành học-thức nhận cho chức ấy, thì mới là xứng-đáng.

Quan Nguyễn Mạnh-Hường là một vị hưu quan, có chân tiên-triều khoa-mục, học thức đã rộng, mà lịch-duyệt lại nhiều, Bản-chí thường được nghe đại danh, vẫn lấy làm hâm-mộ. Nay nhân ngài được về hưu, Bản-chí hoan-nghinh ngài vào nhận chức chủ-bút, ngài cũng tỏ lòng khuynh hướng về cái chủ nghĩa của Bản-chí, mà nhận chức chủ-bút Bản-chí rồi.

Bản-chí chắc rằng: ngài sẽ đem cái học-lực bình-sinh ra giúp cho *Hữu-Thanh Tạp-Chí* có địa-vị cao-thượng đối với xã-hội, và làm hết được nghĩa-vụ của quốc-dân giao-phó cho vậy.

Hữu-Thanh Tạp-chí

CÁC NGÀI GỬI GIẤY CHO BẢN-XÃ VÀ BẢN CHÍ

Xin kính trình các ngài đọc báo biết rằng :

Ông Nguyễn-Huy-Hợi *từ 1er Mai 1922 từ-chức Chủ-nhiệm Bản-xã rồi, vậy từ khi đó mà đi ông* Nguyễn-Huy-Hợi *không làm việc ở Bản-xã nữa. Ngài nào có việc gì giao-thiệp với Bản-xã hoặc về việc báo « Hữu-Thanh », hoặc về việc thư-xã, xin gửi cho ông chủ-nhiệm mới của Bản-xã là :*

M. TRẦN-QUANG-HUY

Directeur de la Revue « Hữu-Thanh » et de la Société « Ích-Hữu-thư-xã »

18, Rue des Chapeaux, Hanoi

Xin đừng gửi cho ông Nguyễn-Huy-Hợi, mà thêm phiền và chậm việc ra.

ÍCH-HŪ'U THƯ'-XÃ

Tổng-cục ở số 18, Phố Mã-Vỹ } **HANOI**
Ăn-quán ở số 45, Phố Hàng Bồ }

ĐIỆN-THOẠI SỐ 167

THÔNG-ĐIỆN-BÁO-HIỆU (*Adresse télégraphique*) : **THUXA Hanoi**

Thưa các Ngài,

ÍCH-HỮU THƯ-XÃ chúng tôi đã mua được cái nhà in ĐẠI-PHONG-DỤC-KÝ ở phố hàng Bồ, số nhà 45, kể từ ngày 4 Mai 1922 mà đi, thời chúng tôi nhận nhà in ấy làm của thư-xã; chúng tôi lại mới nhận được máy in chữ in ở bên Tây gửi về nữa, thực có thể làm được hết các việc in.

Vậy xin các Ngài trong Hội ÍCH-HỮU-THƯ-XÃ, các ngài trong Hội Công-thương-đồng-nghiệp cùng các ngài duyệt báo trong Nam, Trung, Bắc ba kỳ, có dùng đến việc in, in giấy cáo-bạch, thư, thiếp, từ-trát, sách vở chúng tôi đều in được cả.

Thư xã chúng tôi lại có bán cả các sách, vở, giấy, bút, cùng trong việc học, việc làm giấy vân vân.

Xin các ngài có dùng cái gì thời đến số 45 Phố Hàng Bồ Hanoi ; ở xa thời xin các ngài viết thư về cho bản-xã chủ-nhiệm là :

M. TRẦN-QUANG-HUY

Directeur de la Société ÍCH-HỮU THƯ-XÃ

HANOI (Tonkin)

KÍNH TRÌNH CÁC NGÀI ĐỌC BÁO «HỮU-THANH»

Từ khi Bản-chí ra đời đến giờ, các ngài có lòng chiếu-cố đến Bản-chí thực Bản-xã lấy thâm-tạ lắm lắm. Ngài nào mua báo giả tiền rồi giúp cho Bản-xã có tiền làm việc thực Bản-xã lấy làm cảm-tạ vô-cùng.

Còn ngài nào mà Bản-xã gửi báo « Hữu-Thanh » từ trước đến giờ vẫn vui lòng chiếu-cố cho mà chưa ban lại tiền xem báo cho Bản-xã, thời xin làm ơn tiếp số báo này, thời gửi ngay tiền về cho để Bản-xã tính sổ sách, và lấy tiền làm mọi việc nhà in, cùng cuộc tu-thư. Các ngài giả cho số tiền đó cũng như các ngài giúp vào việc công-ích vậy. Giả tiền báo xin gửi cho :

M. TRẦN-QUANG-HUY.

Directeur de la Société « Ích-hữu-thư-xã »
18 Rue des Chapeaux Hanoi.

HOTEL DE LA MARINE

(NAM-LỢI KHÁCH-SẠN)

76, Avenue Paul Doumer, Haiphong

Hàng cơm tây to nhất của người Việt-Nam ta chủ-trương.
Ăn tháng, ăn bữa, đặt tiệc đến 500 người. Bản-hiệu lúc nào cũng sẵn sàng thừa-tiếp không phải chờ đợi.
Có phòng cho thuê tháng, thuê ngày, đủ cả quạt và đèn điện.
Lại có xe ô-tô đón khách.

HẰNG-PHONG DIT NGUYỄN-THÀNH-CỰ

Bijouterie et commerçant

CAOLANH

Bán đồ nữ trang đủ theo kiểu kiêm thời, mà nhứt là bông tai bèo bằng vàng và đồng xứng đã tính xảo mà giá rẻ, vì làm sở trường bặt thiệp nên tính công-nhẹ.

HIỆU J. BRUNEL

TOURCHAM ở DALAT (Annam).

Có chế các thứ máy kiểu mới, được cấp văn-bằng mà không phải Chính-phủ bảo-lĩnh.

Máy làm gạch được 3.000 viên một ngày. Giá 100$00, tiền cước chở người mua phải chịu.

Máy dã gạo được 800 cân tây một ngày, không có nồi súp-de, nhưng mà có 2 cánh. Giá 100$00, tiền cước chở người mua phải chịu.

ĐỒ DÙNG ĐI SĂN

Đạn chì và đạn ghém, không có thuốc, gửi theo lối lĩnh-hóa giao-ngân, ba đồng rưỡi một hộp.

Xin các ngài chiếu-cô cho, đa tạ.

TA NÊN DÙNG ĐỒ NỘI-HÓA

Hiệu CHÂN-THỤY *ở số 4 Phố Mới Hanoi (4 Rue Jean Dupuis Hanoi) có bán đủ các thứ màn chẳng, màn gọng, màn cưới, đủ các mùi. Cũng ở phố ấy số 13 và đường Bờ-sông số 6 (6 Quai Clémenceau Hanoi) hiệu ấy lại chuyên cả nghề làm chiếu bằng các thứ cói se nữa. Đồ nội-hóa chế ra theo lối kim-thời đã rất khéo, rất đẹp, lại rất tốt, rất bền, ta nên dùng.*

Các ngài ở xa có lòng chiếu-cố đến xin viết thư cho bản-hiệu hay là cho ông ĐÀO-THAO-CẢNH *Tổng-thư-ký tòa tạp-chí* HỮU-THANH *ở số 18 phố Mã-Vỹ Hanoi (18 Rue des Chapeaux Hanoi) cũng được.*

CHÂN-THỤY cần bạch,

興 VĂN-HƯNG 文

Hanoi — 75, Rue du Chanvre, 75 — Tonkin

Bản-hiệu có bán đủ các thứ sách chuyện quốc-ngữ và chữ Tây, chữ Tàu, các sách giáo-khoa, sách xem vui cùng là các thứ bút, giấy, mực và các thứ dùng trong bàn giấy ; Xin các quý-khách chiếu-cố.



MUA VÀNG CAO GIÁ

Cứ đến tháng hai tháng ba ta trở đi, năm nào cũng vậy ; hiệu Tiến-Mỹ, phố hàng Bạc, số nhà 76, Hanoi, làm đồ vàng bạc có tiếng mua bán thật-thà xưa nay, cần mua các thứ vàng lá, vàng vòng, xuyến, hoa, hột, vân vân, rứt nhiều. Vậy ai có ít có nhiều, nên đem lại bản-hiệu mà bán, bản-hiệu sẽ mua cao giá hơn mọi nơi.

Các ngài có lòng đến bán cho bản-hiệu, đến cuối năm này, bản-hiệu lại xin bán hạ giá hơn mọi nơi để cảm-tạ tấm lòng các ngài chiếu-cố.

TIẾN-MỸ dit NGUYỄN-HỮU-BÌNH
Cẩn-bạch.

AN-CHÍNH

NGUYỄN-MẠNH-BỒNG Propriétaire
PATISSERIE — MERCERIE

38, Rue du Sucre — Hanoi

Hiện tôi bán tạp-hóa và đường mất tại số nhà 38 phố hàng Đường Hanoi.
Bán đủ các thức vàng, hương nến, sà-phòng, kim, chỉ v. v.
Bán đủ các thức đường mứt, bánh kẹo, mứt gừng, mứt bí, mứt hạt sen v. v. lại có cả các đồ nấu mục như nấm hương, mìn, song thần vây, mực.
Bán giá rất hạ, rất cẩn thận.
Ở tỉnh xa mua xin có sách đóng hòm gửi đến rất cẩn thận chu tất.
Xin các ông các bà chiếu cố gửi thư xin để cho Hiệu AN-CHÍNH *số nhà 38 phố hàng Đường Hanoi.*

NHÀ LẬP NÊN TỪ NĂM 1890

Ngày trước là cửa hàng của nhà MARIUS CLOP đến nhà Milon et Cie. Ngày nay ông

Ch. PÉLISSIER KỸ-NGHIỆP

Bán đủ các thứ xe dùng vào việc vận-tải không thiếu kiểu gì
(Carrosserie. — Charronnerie)
Bán đủ tất cả các thứ đồ ngựa và các thứ thảm đệm không thiếu kiểu gì
(Sellerie, Bourrellerie, Matelasserie, Maroquinerie)
Bịt móng lừa và bán các đồ dùng vào việc làm xe ngựa, các thứ bánh xe và các đồ dùng vào đồ ngựa.
(Marchalerie)
(Garnitures, Pièces détachées, Acessoires, Roues, Pneumatiques Michelin)
Bán các thứ Da sống và Da đã thuộc rồi
(Cuirs et Peaux)
Các đồ vật dùng để đóng giầy, đóng đồ ngựa, bịt móng lừa ngựa, v. v.
(Outils en tous genres pour Boureliers, Selliers, Cordonniers, Maréchaux)
Mua, bán, đổi, chứa và cho thuê lừa ngựa, cùng xe ngựa, cỗ ngựa, v. v.
(Vente, Achat, Echange, Pension, Location de chevaux et de voitures)
Bán Tràng-hoa dám ma và đá làm mộ-chí. Ai thuê sảy mộ làm nhà mồ và trông nom nhà mồ xin chu-tất.
(Couronnes mortuaires, Pierres tombales, Construction et entretien de monuments funéraires)
Bán và làm Đồ gỗ, Đồ chạm, Bàn, Ghế, Tủ kính, Tủ chè, không thiếu thứ gì
(Menuiserie, Ebénisterie)
Song rào sắt, các đồ lò rèn. Các thức đồ sắt. Ai thuê làm cái gì cũng làm được
(Grilles, Forges, Travaux en fer)
Đồ kính, Đồ sơn, Sơn bóng, Đồ chạm, Đồ bài trí, tranh cảnh, Đồ trạm tía và trạm lồng.
(Vitrage, Laquage, Peintures fines, Sculpture, Décoration, Ciselure)
Nộp thuế đoan hộ. — Cho thuê xe tải các đồ trọng-vật trong thành-phố và ngoại ô
(Transit. — Gros Camionnage pour la ville et alentours)
Làm rất nhanh, toàn đồ máy tất cả
(Service rapide par Camions montés sur ressorts et roulements à billets)
Có xe ngựa song-mã cho thuê ngày và thuê giờ
(Location de Victoria à la journée et à l'heure)
Có xưởng chế-tạo và tu-tạo các đồ vật
(Ateliers de Réparation)

Ở số nhà 5 Đường Amiral de Baumont ở Haiphong

Điện-thoại *(Téléphone)* **số 545**

Đánh giây thép cứ đánh tắt : **PÉLISSIER, Haiphong.**
(Adresse télégraphique)

HÃNG TÀU CHẠY SÔNG Ở BẮC-KỲ
F. SAUVAGE, Armateur

SERVICE SUBVENTIONNÉ

Nhà giấy — Số 138, Phố Bờ Sông — Hanoi

Giờ tầu chạy trong mùa nước xuống

ĐƯỜNG HANOI — TUYÊN-QUANG		ĐƯỜNG HANOI — CHỢ-BỜ		ĐƯỜNG TUYÊN-QUANG — HANOI		ĐƯỜNG TUYÊN-QUANG — CHIÊM-HÓA
Lúc đi đỗ ở: Sơn-tây, Viétri, Thum, Phan-Lemy, Kim-xuyên, Phu-đoan, Đia		Lúc đi lúc về đỗ ở: Sơn-tay, Viétri, Trung-hà, Laphu, Bahong, Tu-vu, Hoabinh		Lúc về đỗ ở: Đia, Phu-đoan, Kim-xuyên, Lemy, Phan-lương, Thum, Viétri, Sơn-tay		
ĐI	VỀ	ĐI	VỀ		VỀ	
Ở Hanoi Lúc đi Thứ hai Thứ tư Thứ sáu hồi 10 giờ sáng	Đến Viétri Lúc đi Cùng trong một ngày hồi 6 giờ chiều	Ở Tuyên-quang Lúc về Thứ hai Thứ tư Thứ sáu Hồi 7 giờ sáng	Đến Viétri Lúc về Cùng trong một ngày	Ở Hanoi Lúc đi Thứ ba Thứ bảy Hồi 10 giờ sáng	Đến Chợ-bờ Lúc đi Thứ tư Chủ-nhật Hồi 6 giờ chiều	Nhân vì mùa nước xuống nên đường Tuyên-quang, Chiêm-hóa thuyền-thoảng không chạy được.
Ở Viétri Lúc đi Thứ ba Thứ năm Thứ bảy Hồi 5 giờ sáng	Đến Tuyên-quang Lúc đi Cùng trong một ngày Hồi 6 giờ chiều	Ở Viétri Lúc về Thứ ba Thứ năm Thứ bảy Hồi 10 giờ sáng	Đến Hanoi Lúc về Cùng trong một ngày Hồi 3 giờ chiều	Ở Chợ-bờ Lúc về Thứ năm Thứ hai Hồi 7 giờ sáng	Đến Hanoi Lúc về Cùng trong một ngày Hồi 3 giờ chiều	

Những Tầu ở Hanoi và Tuyên-quang về thì đều màn xế ở Viétri cả (đường Hanoi — Tuyên-quang)

Đường tầu Thương-Mại

Đường Haiphong — Hanoi

Haiphong: Những lúc đi cứ cách 2 ngày hồi 5 giờ chiều thì đi

Đường Hanoi — Haiphong

Hanoi: Những lúc đi. Cứ cách 2 ngày hồi 5 giờ chiều thì đi

Đường Haiphong, Nam-định và Hanoi — Nam-định, Haiphong và Hanoi thì khi nào cần đến mới phải chạy mà thôi

Hàng hóa thì phải xếp xuống Tầu ít là trước khi một giờ tầu chạy.

Nhận hàng chở thẳng tới tận bến hay là dỡ hàng, cả các chỗ màn-xế

Nộp hộ thuế thương-chính, trữ hàng — Cho thuê tầu cả chuyến hay chở các phà các thuyền hàng

Tổng-cục: Haiphong

Các chi-quán: Sơn-tây, Việtri, Tuyên-quang và Chợ-bờ

MỤC-LỤC

1. Chữ tình 745
2. Thư-xã đối với quốc-dân, quốc-dân đối với thư-xã 747
3. Tại làm sao người mình ít thích xem sách đọc báo? 749
4. Luân-lý học 751
5. Bàn về văn-vần và tân-vần. 758
6. Khảo-cứu nghề buôn 767
7. Lược khảo về các học-giả Thái-Tây về cổ-đại và cận kim 772
8. Tin nhắm 779
9. Mây lưu-thanh 781
10. Nam-sử diễn ca 789
11. Nhà nghỉ mát của Hoàng-đế Bảo-đại (*Tiểu thuyết*) 791
12. Cầu-mỹ kỳ duyên (*Tiểu-thuyết Tàu*). 794
13. Anh hàng phở (*Hoạt-kê tiểu-thuyết*). 798
14. Văn đàn-bà 804
15. Ích-hữu Thư-xã 807
16. Văn thơ 808
17. Thời-đàm 811
18. Khẩn cáo 816
19. Công việc hội Bắc-kỳ Công-thương đồng-nghiệp 816

GIÁ ĐĂNG CÁO-BẠCH RAO HÀNG VÀO HỮU-THANH-TẠP-CHÍ

Đăng cáo-bạch rao hàng vào « **Hữu-Thanh-Tạp chí** » thời cứ mỗi trang giấy chia ra làm sáu ô, nhỏ nhất là một phần sáu trang. Vậy ngài nào đăng một phần chia sáu cũng được, hay một phần chia tư, một phần chia ba, một nửa hay cả trang Bản-chí sẽ xin tùy giá châm-chước. Song Bản-chí xin nói để các ngài có cửa hàng hay muốn rao bảo việc gì thời rõ cho rằng: Bản-chí là một cái cơ-quan chung của hai hội lớn nhất Đông-Pháp này, vả người đọc Bản-chí rất nhiều, nếu đăng vào Bản-chí thật là có ích-lợi cho việc cổ-động của các ngài lắm.

Ngài nào muốn đăng cáo-bạch hay rao bảo việc gì xin mời các ngài đến Bản-xã hay là gửi thư đến, Bản-xã sẽ xin tính giá phải chăng.

GỬI MANDAT GIẢ TIỀN VÀ GÓP CỔ-PHẦN

Xin các ngài gửi mandat giả tiền Tạp-chí hay Cáo-bạch cùng là đóng Cổ-phần cho **Ích-hữu-thư-xã** *xin đề phong-bì rõ-ràng cho :*

M. TRẦN-QUANG-HUY

Directeur de la Société « **Ích-hữu-thư-xã** » *18 Rue des Chapeaux Hanoi.*

MUA TẠP-CHÍ, ĐĂNG CÁO-BẠCH VÀ GỬI BÀI LAI-CẢO

Các ngài trong Hội **Ích-hữu-thư-xã** *và Hội* **Bắc-kỳ Công-thương đồng-nghiệp** *mua* **Hữu-Thanh** *hay đăng cáo-bạch vào* **Hữu-Thanh** *đều được trừ 10°/₀ cả.*

Ai mua Tạp-chí đăng Cáo-bạch vào Tạp-chí, gửi bài lai-cảo hay hỏi việc gì xin viết thư cho :

M. TRẦN-QUANG-HUY

Directeur de la Société « **Ích-hữu-thư-xã** », *18 Rue des Chapeaux, Hanoi (Tonkin).*

Imp. Ích-hữu-thư-xã

Le Gérant : **TRẦN-QUANG-HUY**